

EXPERIENCING THE MIRACULOUS

A GIFT OF GRACE

Helena Hitchcock, Lester Sutherland and Michael Thomas

Trải nghiệm sự kỳ diệu trong Subud

Nguyên tác **Experiencing the Miraculous** của Michael Thomas,
Lester Sutherland và Helena Hitchcock

Minh Thần dịch 2021

sửa lỗi: Hartini Tâm Đan và Hoàng Nam

© Điện sách 04.2022 Góc Nhỏ

Michael Thomas, Lester Sutherland & Helena Hitchcock

Trải nghiệm sự kỳ diệu trong Subud

Minh Thần

dịch 2021

**gn**
2022

MỤC LỤC

Thực Tại của Chúa Giê-Su	7
Lời Chứng của một Phụ Nữ Schia	9
Subud đồng nhất với đời sống Công giáo	11
Khi lật sách đọc trang đầu tiên	13
Đức tin ở một quyền năng hiện diện khắp nơi	14
Tôi luôn nhớ tới sáng hôm đó	15
Theo cách của Hồi giáo	17
Do tình cờ?	19
Con đường Subud của tôi	22
Trải nghiệm thông thường	29
Năng lượng tinh vi	33
Một cái nhìn của con giun	37
Công thức bí truyền	45
Vị Tôn Sư từ phương Đông	52
Chiều hôm đó trên một chuyến xe lửa	56
Trải nghiệm sự kì diệu	59
Chân anh đập mạnh trên thẳng	63
Một người từ phương Đông	65
Những cánh cửa của tri giác được chùi sạch	70
Trẻ hơn lúc mùa Xuân	72
Một hành trình vào Subud	76
Một món quà Giáng Sinh không ngờ tới	82

Tử Thần, mi còn hại được ai?	85
Cải hóa định mệnh	87
Sẽ không còn bao lâu nữa	91
Đi Tìm một Cảm Nhận	94
Tôn Sư của tất cả các Tôn Sư	96
Đời tôi sẽ không bao giờ còn như trước nữa	98
Tôi phải đề phòng ngay	101
Lần đầu nghe nói về Subud	104
Sự khai mở	106
Lớn lên trong Subud	110
Như thế nào tôi thành một nghệ sĩ	117
Con đường tái sinh của tôi	119
Cuộc sống này và cuộc sống nơi bên kia	123
Đi giữa Thiên Đàng và Trần Gian	127
Thương yêu người cha	130
Hạt giống đã cấy	133

VIẾT VỀ SUBUD THÌ KHÔNG GÌ BẰNG VIẾT VỀ
NHỮNG CHỨNG NGHIỆM CỦA HỘI VIÊN.

(Một lời nói của Bapak trong CI Reporter in Subud của Varindra Vittachi)

Thực Tại của Chúa Giê-Su

Marianne Wood (Anh)

Trong nhóm Nam Devon của chúng tôi có khá nhiều người trong chúng tôi là những tín đồ Thiên Chúa giáo thành tín, và tôi nhận thấy tất cả những hội viên đó đến tập latihan đều đặn. Với tôi, latihan đã khiến tôi nhận thức được nội dung của Thiên Chúa giáo. Tôi cảm thấy có nhiều người đang mò mẫm đi tìm cái nội dung đó.

Chính tôi cũng đã trực tiếp có hai chứng nghiệm. Khi trông nom Wisma Mulia (một nơi ở cho những người Subud già ở Gloucestershire) tôi cùng với một phụ nữ khác đến tập latihan với bà Helen, một người hơn trăm tuổi. Sau một lúc, tôi trông thấy Chúa Giê-Su đang đứng cách mình khoảng vài thước. Có ai đó đứng cạnh hai bên người, nhưng tôi chỉ trông thấy mép những chiếc áo choàng của họ. 'Trông sao mà trẻ thế!' là phản ứng tức khắc của tôi, và 'Sao mà đầy sinh khí đến như vậy!' Người nhìn thẳng vào mắt tôi, cái nhìn đó có một nội dung tôi không bao giờ quên. Tôi không biết người đứng đó trong bao lâu. Người có thật đến nỗi tôi không thể không tin là thực sự đang đứng đó.

Một buổi sáng Giáng Sinh nọ, tại nơi hiện chúng ta đang ở, tôi đứng nhìn ra ngoài cửa sổ, tự hỏi mình có nên đi lễ nhà thờ hay không. Hình như chuyện đó không có gì là quan trọng, vì tôi bắt đầu có một cái latihan. Sau một vài phút, tôi mãnh liệt ý thức được sự hiện diện của Chúa Giê-Su nơi góc một phòng đối diện mình. Không là hình ảnh, mà là sự hiện diện của người, nó tỏa chiếu ánh sáng. Căn phòng chợt có một sự chấn động sáng người

từ khắp nơi: bên trong và bên ngoài tôi, nơi góc có Chúa Giê-Su. Cái đó có từ bên trong và bên ngoài, có đầy khắp trời đất. Cái hào quang và sự chấn động đó là Thượng Đế và do Thượng Đế. Điều đó tiếp diễn cho tới lúc cuối latihan. Những giờ phút tiếp theo trong ngày là thiên đàng trên trần gian.

Trong hai cái chứng nghiệm đó, tôi thấy ngay được thực tại của Chúa Giê-Su. Điều đó được xác nhận, khi tôi làm trắc nghiệm trước mặt Bapak -không phải là tôi cần được xác nhận. Subud hiển nhiên đã làm cho Thiên Chúa giáo thành sự thật đối với tôi. Đó là một sự thật tuyệt đối, không liên quan gì tới sự tin tưởng. Nó như là việc hiểu được người mẹ mình là chính người mẹ mình.

Lời Chứng của một Phụ Nữ Shia

D.M.R (Sierra Leone)

Tôi sinh ra ở Sierra Leone và là một người Hồi giáo Shia ở Lebanon. Phía gia đình mẹ tôi có thể coi là khắt khe, nhưng phía ba tôi thì không thành kiến và công bằng chấp nhận những hàng xóm Thiên Chúa giáo. Thực vậy, căn bản tất cả giáo dục của tôi đều là của Thiên Chúa giáo, từ tiểu học cho tới trung học và đại học. Tôi rất ngưỡng mộ Thiên Chúa giáo, và trong đáy lòng mình là một người Thiên Chúa giáo tốt, nhưng lại không dám công khai xin được rửa tội. Sau khi tôi đậu Tú Tài, bố mẹ tôi không chịu cho tôi học hành thêm: tôi phải chán nản nằm nhà trong hai năm trời. Trong lòng mình tôi chỉ muốn được tiếp tục học hành, bởi giáo dục đối với tôi có nghĩa là được tự do, được thành đạt và tự lập thân - đó cũng là cách được hạnh phúc đặc biệt. Trong thời gian đó, Nassir, anh trai tôi, dạy cho tôi lối cầu kinh theo Hồi giáo.

Một đêm nọ, trong lúc đang làm lễ *salat amughreb* và *salat alishaq* (lễ bái lúc chiều và tối) tôi chợt nghe thấy có ai đó gọi tên mình: 'Manar!'

Tôi đứng bật dậy, chạy tới nơi bố mẹ mình, nhưng họ đã ngủ. Tôi chợt nhớ tới truyện 'Tiếng gọi Samuel' trong Thánh Kinh. Tôi trở về nơi làm lễ trên một chiếc chiếu để tiếp tục cầu kinh.

Tiếng nói đó lại gọi: 'Manar, Manar, Manar!' Tôi nói như Samuel đã nói: "Xin Chúa hãy nói, con đang nghe đây!"

Câu trả lời đến qua chính cửa miệng tôi: "Ta đang nghe và chấp nhận những cầu nguyện của con!"

Điều đó xảy ra khi tôi còn ở Sierra Leone với gia đình. Chẳng bao lâu sau đó, song thân chấp thuận cho tôi đi học tiếp.

Ở Lebanon tôi đi tìm những phong trào cho mình điều gì có giá trị đối với tất cả, trong đó có cả những khóa học về Thánh Kinh. Nhưng tất cả những cái đó không làm tôi hài lòng, mà còn thấy khao khát thêm. Trong năm đầu học môn triết, tôi để cho mình phiêu bạt xa khỏi sự ngoan đạo nồng nhiệt trước đó của mình. Tôi thờ ơ đối với sự cầu kinh và Ramadan. Tâm hồn tôi trở nên chai đá tạo thành một hàng rào giữa mình và những người khác.

Sau đó tôi vào Subud, cuối cùng thì tôi đã tìm thấy chiều sâu và chân nghĩa mình đang tìm kiếm. Tôi cảm thấy các giác quan mình trở nên rộng rãi, nghiệm được sự quy thuận mà đối với hầu hết những người Hồi giáo chỉ là thuyết giáo và làm theo một cách máy móc như được chỉ bảo. Tôi có thể phát huy nhân sinh quan của chính mình.

Vì là những người Shia, hay bất cứ ai đi tìm Thượng Đế, chúng ta nên phụng thờ Thượng Đế theo cái tự nhiên của chính mình, chứ không có một ai. Tôi không thể không thấy là hiện nay có rất nhiều những người Hồi giáo đã mô phỏng quá khứ. Sự quy thuận được tổ chức và hoạch định đó là của tâm trí, và theo tôi thì điều đó sẽ hạn chế không cho chúng ta phát triển được những sức mạnh cao quý hơn.

Nhờ latihan tôi nhận biết được mỗi con người đều được Thượng Đế tạo ra, như chính tôi đây. Vậy nên, tôi có quyền gì mà phê phán những người khác, như trường hợp những người Sunni và Shia, phần nhiều chỉ vì chính trị, thay vì theo con đường sự khoan dung của Thiên Sứ Muhammad?

Nhờ Subud bóng tối trong tâm hồn tôi không còn nữa, khiến những cảm xúc trong lành của tôi trở nên sống động. Tôi dễ dàng phụng thờ Thượng Đế Duy Nhất hơn - *Allah Akbar*, thực chất của Hồi giáo. Tâm tôi có một cảm xúc đặc biệt, đối với những lễ bái của Hồi giáo, bất cứ lúc nào tôi nghe thấy kinh Quran được tụng niệm. Tôi cảm thấy mình mến trọng tất cả các tôn giáo, và không hổ thẹn mà ngang nhiên nói với mọi người mình là một người Hồi giáo Schia, mình được như vậy là nhờ sự thanh lọc qua latihan của Subud.

Subud đồng nhất với đời sống Công giáo

L.B (Brazil)

Cái khía cạnh đầu tiên trong đó tôi cảm thấy có những thay đổi chính sau khi tập latihan là mình giữ giới theo tôn giáo mình. Tôi quen biết những hội viên Subud trong giáo hội Công giáo, như Cha Bescond. Một vị cố vấn tâm linh trong Subud ở Brazil là một người Công giáo đã hỏi ông cha nghe xưng tội việc gia nhập Subud, và ông cha đó đã cho phép.

Sau khi được khai mở, tôi thấy dễ dàng hơn đi xưng tội và dự lễ ban thánh thể, và đó là điều rất quan trọng với mình. Cái trí óc trước đây thường hành hạ tôi về những chuyện nhỏ nhặt đã dần dần trở nên tĩnh lặng và kiên cố hơn. Một vài lần (tôi chưa từng mong cho xảy ra) tôi ngửi thấy một mùi thơm thú vị từ bí tích thánh thể, trong khi đứng xếp hàng để nhận lễ.

Tôi bắt đầu thấy vui sướng và hạnh phúc được là một người Công giáo trong Subud, và như thế nào lễ Mi-sa [lễ kỷ niệm bữa tiệc ly biệt của Chúa Giê-Su] lễ ban thánh thể giúp cho latihan mình, hay ngược lại. Tôi nhận thấy sự tương tự giữa latihan và những gì xảy ra khi mình cầu kinh hằng ngày với chuỗi tràng hạt. Như trong những giây phút đầu tiên của latihan, cầu kinh với tràng hạt có ba điều kỳ bí, trong đó điều thứ nhất như là có rất nhiều dơ bẩn được vứt bỏ, và hai điều kia là trở nên yên tĩnh và an vui, như thường xảy ra trong những giây phút cuối của latihan.

Dần dần, đời sống Subud và Công giáo của tôi đã đồng nhất. Nhiều lần tại nhà thờ, đặc biệt buổi lễ ban thánh thể, tôi cảm thấy sự chấn động mãnh liệt của latihan.

Điều ngạc nhiên là trong latihan tôi bắt đầu tụng những câu kinh dài dòng bằng tiếng La Tinh mà mình đã quên hết. Khi còn là một đứa bé gái, tôi thường tụng những câu kinh đó như con vẹt, và hầu như không hiểu nó có ý nghĩa gì. Nhưng trong latihan tôi ý thức được nội dung của nó, và lấy làm thích thú trong lúc tụng niệm. Cái latihan đầu tiên của tôi sau khi mình được chấp thuận làm phụ tá là vui sướng ca hát bài *Magnificat* là sự ca ngợi Đức Mẹ đồng trinh, và đó là điều tôi hầu như không ý thức được trước kia, nhưng bây giờ thì chợt nhiên tôi nhận thấy nó đã in sâu vào lòng mình. Dần dần, những câu kinh trong lễ Mi-Sa và những đoạn trong Tân Ước cho thấy được một kho tàng đầy ý nghĩa. Mỗi lần đọc, tôi thấy có gì mới mẻ mà mình chưa nhận thấy trước kia.

Một chuyện thú vị khác là trong lúc latihan nghe thấy những chị em Do Thái giáo cầu kinh theo Thiên Chúa giáo, những chị em Thiên Chúa giáo cầu kinh theo Do Thái giáo, để rồi mọi bên đều cầu kinh theo Hồi giáo và vân vân. Điều phần khởi là có những người đủ lứa tuổi Do Thái giáo, Tin Lành và Công giáo với những người không theo một đạo nào, cùng nhau phụng thờ Thượng Đế như những anh chị em ruột thịt.

Khi lật sách đọc trang đầu tiên

Larawasti Wuamett (Hoa Kỳ)

Nhiều năm trước đây, một vài người bạn mời tôi tới San Francisco dự đại nhạc hội Jazz Monterey. Trong lúc có mặt tại đó, tôi điện thoại cho một người bạn học trước kia là Peter Filipelli, để xem anh có thể cùng đi với chúng tôi không. Tôi đã không gặp anh trong nhiều năm.

Nhân dịp đó và lúc trò chuyện với Peter về cái thời trước kia của chúng tôi, tôi cho anh hay mình đã đi tìm một con đường tu tập nhưng chẳng tìm thấy gì. Điều nhận xét của tôi đại loại như thế này: “Bạn thấy đấy, mình đã đi tìm trong các tôn giáo, nhưng cuối cùng chỉ tin là không có cái gọi là linh hồn; đã chết rồi thì là hết. Mình vẫn còn dùng ma túy, và tự giết chết mình trong khi khao khát cái gì đó.” Ngay sau khi tôi nói như vậy thì xảy ra điều là tôi cảm thấy yên tĩnh một cách chưa từng thấy, và thấy mình bên ngoài của chính mình, như đang chứng kiến cá nhân mình. Chợt nhiên tôi khóc.

Peter an ủi tôi là tôi đã không bị mất trí. Anh liền hỏi tôi là đã đọc gì về Subud hay chưa. Khi biết là chưa, anh nói là anh muốn tôi đọc một cuốn sách mà anh sẽ đem tới đêm mai của đại nhạc hội. Cuốn sách Peter đưa cho tôi mang đầu đề *Concerning Subud*, tác giả của nó là một người tên là John Bennett. Khi mở sách ra đọc trang đầu, tôi cảm thấy một lần nữa điều mình nghiệm thấy đêm hôm qua là chợt khóc và thấy mình bị tách biệt khỏi chính mình.

Một vài tuần sau tôi được khai mở. Chuyện xảy ra đêm hôm cùng với Peter, tôi gọi là ‘phép mầu của đời mình’, bởi nó hoàn toàn thay đổi tất cả cho tôi.

Đức tin ở một quyền năng hiện diện khắp nơi

Halstein Stralberg (Hoa Kỳ)

Lúc còn là thiếu niên tôi quyết định không tin ở Thượng Đế, bởi không thể có Thượng Đế. Nhưng có những ‘trải nghiệm’ khiến tôi phải tin là có gì đó mình có thể nhìn, hay nghe thấy, và đó là điều khiến tôi muốn đi tìm cái thực tại tâm linh. Lúc 18 tuổi nghe nói tới Subud, tôi thấy điều này như là quan trọng: từ Na Uy tới Coombe Springs ở Anh để được khai mở.

Trước lúc khai mở, Bapak nói rằng mình có thể nhìn thấy những ý nghĩ và thị hiếu của chúng tôi, rằng mình có mặt nơi đây làm chứng cho ước vọng phụng thờ Thượng Đế của chúng tôi. Điều đó khiến tôi lo ngại, bởi tôi không tin ở Thượng Đế, và nếu có thể nhìn thấy điều tôi đang nghĩ và cảm thấy, thì Bapak phải biết là tôi không thành tâm.

Ngày hôm sau, trong lúc đang bận việc trong khu vườn của Coombe Springs, tôi chợt hiểu được tất cả những do dự của mình về đức tin ở Thượng Đế liên quan tới cái khái niệm về Thượng Đế là một cá nhân, một kẻ ngồi nơi nào đó có quyền hành đối với vạn vật, phân phát những thưởng công và trừng phạt. Tôi nhận thức được điều Bapak đề cập tới là một quyền lực có khắp vũ trụ.

Tôi thấy mình cần phải thuyết phục chính mình là những gì mình cảm nhận được không chỉ do sự hiện diện bằng xương thịt của Bapak. Thế nên, tuy được cảnh cáo là đừng tập latihan một mình trong những tuần đầu tiên sau lúc khai mở, tôi đi vào phòng mình để xin cho có bằng chứng là latihan vẫn hoạt động khi chỉ có mình tôi. Thì lập tức có latihan -nên tôi xin nó dừng lại trong không đầy một phút, bởi tất cả những gì tôi cần là bằng chứng nó hoạt động hay không, nếu thiếu sự hiện diện hay ảnh hưởng của một người khác.

Tôi tiếp tục học môn toán và khoa học, và làm việc trong lĩnh vực toán học trong nhiều năm, nhưng tôi chưa từng có vấn đề với khái niệm về Thượng Đế, tuy mình không thích dùng từ ngữ đó quá nhiều, nhất là khi nói về Subud với ai đó không biết gì.

Tôi luôn nhớ tới sáng hôm đó

Hernando Guerra Lopera (Chile)

Tôi luôn nhớ tới buổi sáng ngày 31 tháng 7 năm 1972, bởi một anh bạn đồng nghiệp trẻ mà tôi không ưa, nhìn tôi rồi nói: “Tuần này tôi hay được về một đường lối tu tập nọ, và chẳng hiểu vì sao tôi nói với anh về chuyện đó”.

Một cách khinh miệt, tôi hỏi anh cho tôi biết tên cái nhóm đó và đường lối tu tập của họ. Trong lúc hỏi cơ thể tôi quay qua một hướng khác, vì tôi không thích trò chuyện với anh. Nhưng khi anh nói tên nhóm đó là Subud, tôi lập tức hoàn toàn không còn cảm thấy không ưa anh, mà trriu mến quay qua phía anh, để hỏi anh cho tôi biết thêm về cái nhóm đó.

Anh đáp là chính mình cũng không biết gì nhiều, bởi mới chỉ hôm qua nghe nói tới nhóm đó, và có ý định hôm nay đến gặp họ. Tôi hỏi anh là chúng tôi có thể cùng nhau tới đó hay không. Anh đáp là sẽ có mặt ở đó khoảng 5 giờ chiều.

Tôi không biết phải làm gì, bởi sau khi nghe cái tên Subud, tôi cảm thấy yếu mệt trong lòng mình và không thể làm việc. Tôi xin sếp mình được phép về sớm, bởi tôi cảm thấy đau ốm và muốn đi khám bệnh. Tôi ra về lúc 9 giờ sáng trong trạng thái gần như mê loạn, không biết làm thế nào mình có thể chờ đợi cho tới 5 giờ chiều để nghe nói về Subud.

Tuy thế, tới lúc bước vào trụ sở Subud, tôi cảm thấy tràn trề an vui và bình tĩnh trong một lúc lâu. Anh bạn trẻ là mối liên lạc cho tôi vào Subud trở thành bạn thân cho tới lúc anh mất một vài năm sau đó.

Tôi được khai mở ngày 16 tháng 11 năm 1962. Có 6 người chúng

tôi trong phòng tập. Latihan bắt đầu, tôi lo sợ vì một trong các vị phụ tá la hét và đánh đập vào tường. Bởi phòng tập khá nhỏ, tôi sợ một trong cú đấm của anh có thể trúng vào mình. Ngay lúc đó, tôi cảm thấy hết sức nhẹ nhõm và tuyệt vời, đến nỗi khi rời khỏi trụ sở Subud tôi chạy về nhà để cho mẹ tôi hay mình vừa tiếp nhận được Thánh Linh. Bà nói như vậy là nghịch đạo, bởi chỉ có Giáo Hoàng mới nhận được, nhưng cũng chỉ trong những trường hợp rất đặc biệt. Tôi hỏi bà có thể trông thấy hay không cái ánh sáng có đầy trong phòng trong cơ thể tôi. Bà nói là không. Tôi nói với bà điều rõ ràng với mình là mình đã tiếp nhận được Thánh Linh. Bà đáp tôi nên thận trọng vì sự chống lại Chúa: Subud có thể là giáo lý của Ma Vương.

Sau này, mẹ tôi vào Subud cũng như ông ngoại và những bà di cô của tôi. Có tất cả là 40 người trong gia đình tôi vào Subud.

Theo cách của Hồi giáo

Hameed Sourjah (Sri Lanka)

Đời tôi trước lúc vào Subud khác hẳn với những gì là chủ đích của con người. Tôi nghiện rượu một cách thèm khát tới nỗi đời mình bị xuống dốc. Tôi không biết gì nhiều về đạo Hồi của mình, đúng ra là chẳng biết gì. Tóm lại, vào lúc tuổi 44, đời tôi trên đà tới chỗ đại họa. Tôi nhận thấy mình đang tại một ngã ba đối diện một số những câu hỏi: Đời người là gì ? Mình đang đi về đâu? Tối thiểu thì người vợ và 3 đứa con trai mình phải được chăm sóc và coi mình là một gương mẫu khá hơn chứ.

Trong một nỗ lực có chủ ý để đi tìm một hướng đi mới cho đời mình, tôi trở về với tôn giáo mình. Ở Sri Lanka đó là điều người ta thường làm. Bằng cách đắm mình vào những lễ nghi của Hồi giáo, tôi cương quyết bỏ thói nghiện rượu. Một khi đã quyết định, tôi khắc phục được sự cảm dỗ, ngay cả tại những buổi họp giữa các thân hữu. May thay, nỗ lực đó có kết quả. Tôi ý thức được nhiều hơn một chút về hình dạng cuộc đời mình và những nhu cầu của gia đình. Tôi làm lễ theo Hồi giáo năm lần mỗi ngày, trai giới trong tháng Ramadan và cầu xin Thượng Đế chỉ cho mình con đường phải theo của sự ngày thẳng đạo đức.

Không bao lâu sau đó, một anh bạn thân tình cờ đề cập tới Subud. Anh đưa cho tôi một vài cuốn sách mà tôi thích thú đọc. Hệ quả là một buổi tối nọ anh sắp xếp cho tôi gặp một phụ tá tại nhà anh.

Ngay sau khi chúng tôi đến, anh liền nói về Subud. Anh nói một cách hùng hồn và liên tục, không hề ngừng, trong khoảng một tiếng đồng hồ rưỡi. Trong lúc đó, tôi nhận thấy có điều gì khá phi thường đang xảy ra. Tôi đến để hỏi anh về nhiều điều, nhưng tất cả các câu hỏi của tôi đều được giải đáp, từng cái một, mà tôi chưa từng phải lên tiếng lần nào. Điều đó thuyết phục được tôi là mình được chỉ cho thấy con đường tâm linh phải theo. Ngay sau đó, tôi xin được khai mở.

Như mọi người, tôi phải đợi chờ 3 tháng để được khai mở. Trong lúc đó có những điều xảy ra mà tôi cho là ngẫu nhiên. Nhưng khi cứ liên tục có thì không là “ngẫu nhiên” được. Tôi nhận được con đường đã được dọn sẵn cho mình để hoàn toàn chấp nhận Subud.

Mười tám năm trước đây tôi được khai mở. Sáng hôm sau, tôi thức dậy với một tâm thần hăng hái và khuây khỏa, như có một gánh nặng đã được lấy đi. Tôi cảm thấy một sự bình tĩnh tuyệt vời, và đó là lần đầu tiên trong nhiều năm mình vui vẻ đi làm. Tôi biết là nhờ được khai mở mình đã tiếp nhận được roh ilofi (Thiên Chúa giáo gọi là Thánh Linh) làm cuộc sống trước kia của mình thay đổi toàn diện.

Rất nhiều người Subud cũng đã nghiệm được điều gì thông thường như vậy. Nhờ latihan tôi có đủ sức đi tìm một đời sống chân chính, theo cách của Hồi giáo. Đó là tất cả những gì mình mong muốn tìm thấy.

Do tình cờ?

Daniel Jannsee (Úc)

Đương nhiên, tôi phải nói tới lúc trước kia mình 11 tuổi, bởi chuyện con đường tôi theo đã bắt đầu từ đó.

Tôi chào đời ở Indonesia, và khi người Nhật đến, tất cả những người Hà Lan như chúng tôi bị đưa vào trại tập trung. Lúc 11 tuổi, tôi bị mang ra khỏi trại dành cho đàn bà và con nít, để đưa sang trại dành cho những thiếu niên. Có khoảng 12 người chúng tôi trong một căn phòng đơn sơ, mọi người ngủ trên những chiếc chiếu. Điều đó khó chịu tới nỗi khiến tôi đau ốm. Tôi nhớ nhà, nhớ mẹ mình, nhớ tất cả. Khốn khổ và khóc lóc, tôi đau ốm trong nhiều tháng. Tôi nhớ nhà và gia đình tới nỗi cứ mỗi lần nhớ tới nhà và gia đình là tôi phải khóc.

Một đêm nọ, khi điều đó xảy ra, tôi đi ra ngoài nhà để đi bộ một chút. Có một dòng suối nhỏ bé gần nhà, tôi ngồi gần đó một mình, và lần đầu tiên tôi cầu nguyện: xin cho con không còn cái cảm giác khủng khiếp này; nó không tốt, nó chỉ làm cho con càng lúc càng bệnh hoạn thêm; trời ơi, hãy giúp con vượt qua được.

Và điều đó có hiệu quả. Ngay sau khi tôi nói như vậy, cầu nguyện cho nó xảy ra, tất cả đã biến mất. Thật kì diệu -chợt nhiên tôi không còn bị điều đó dày vò mình, một điều xảy ra không biết trong bao lâu. Biến mất, một cách ngon ơ.

Điều đó cho tôi thấy một cách thuyết phục là có Thượng đế, hay tối thiểu là điều gì vĩ đại hơn mình, điều gì có thể khiến cho có thay

đổi. Việc đó tiếp diễn cho tới khi tôi không còn bị gì nữa. Một vài năm sau, tại New Zealand, tôi bắt đầu đi tìm, vì biết rằng có cái gì đó mà thông thường chúng ta không thể tiếp xúc.

Tôi đọc sách. Tôi đọc tất cả những gì mình có trong tay. Mất nhiều thời gian; tôi chỉ không còn đi tìm nữa cho tới tuổi 35. Lúc đó, tôi đã có một xí nghiệp của chính mình, một hãng làm vệ sinh; tôi có nhà cửa của chính mình, một khu vườn tươi đẹp, có nơi chốn, có phân xưởng. Đó là một căn nhà rộng lớn, và nó là của tôi. Trong suốt lúc đó, tôi đọc những loại sách tìm cách giải nghĩa những huyền bí của đời người. Cứ mỗi tuần, tôi cùng với Hank, anh em ruột tôi, và một người khác tên là Jim, trò chuyện dài lâu -về những chuyện thường bàn tới. Chúng tôi thường ngồi suốt đêm bàn luận về những gì mình đã đọc, ngay cả về thuyết thần trí -về rất nhiều chuyện. Chẳng có gì khiến tôi chú ý, cho tới khi đọc những sách của Paul Brunton. Tôi thấy những sách đó rất có ý nghĩa.

Trong một cuốn nọ, tác giả dẫn tôi đi qua quá trình sự xem xét trí tuệ. Đoạn cuối tác giả nói là ta không thể dựa vào trí óc. Theo dõi tất cả cái quá trình duy lý hóa đó, tôi biết rằng ông đã có lí: thực vậy, trí tuệ bị giới hạn. Tác giả còn nói rằng vượt ngoài trí tuệ là những gì có thật. Điều ông muốn cho thấy là con đường tâm linh qua trí óc không là con đường trên đó nên đi.

Tôi liệng bỏ tất cả những sách mình đã đọc. Lần đầu tiên, tôi hiểu được rằng Thượng Đế, hay bất cứ đó là gì, phải đến tìm mình, chứ không còn là tôi đi tìm nữa. Điều đó phải xảy ra -nếu có bất cứ gì sẽ xảy ra- từ bên ngoài mình, có thể nói vậy. Nên tôi loại bỏ tất cả; tôi tự ý phó thác, thực ra là vậy.

Biến cố lạ thường kế tiếp là tôi té thang. Tôi thấy cái căn nhà mà mình tìm cách bán trong nhiều tháng -nhưng thực ra lại không muốn. Tôi chưa thể bỏ hẳn nó. Căn nhà đó nghĩa là an ninh của tôi, nơi tôi có thể sửa chữa những thứ này nọ, làm những thứ này nọ, làm bất cứ những gì mình muốn. Nên mỗi lần có một người muốn mua, tôi nói với người ta mình đã thay đổi ý kiến mà không muốn bán.

Sau đó thì tôi té thang. Vợ con tôi đi tắm biển, tôi muốn đi cùng họ nhưng trước hết thì phải làm xong một công việc đã ký hợp đồng. Đến lúc tôi đi thì bị té thang nên phải vào nhà thương. Nhà thương

báo tin cho Hank, em trai tôi, biết về tai nạn đó. Khi đến gặp tôi, Hank cầm theo một cuốn sách. Trong lúc đang quét dọn sàn nhà một thư viện công cộng, anh *tình cờ* đụng vào một tủ sách, làm cho một cuốn sách rớt xuống. Trong lúc lượm cuốn sách đó lên để đặt lại vào nơi của nó, anh nhận thấy đó là một cuốn có những chuyện tôi thường bàn luận với anh. Biết tôi cần có những gì đó để đọc tại bệnh viện, anh đem cuốn đó theo. Đó là một cuốn về Subud.

Đọc được khoảng 10 câu thì tôi biết đó là điều mình đang đi tìm, nên tôi phải nhanh chóng xuất viện. Mười ngày, tôi nói với bác sĩ, tôi phải xuất viện trong mười ngày. Bác sĩ cười nói rằng cần phải năm hay sáu tuần, nếu tôi may mắn, vì thân tôi đã tan tành. Dù sao, tôi cũng phải ra khỏi nơi đây trong mười ngày; tôi phải trở về với vợ con để nói cho họ hay về Subud. Bác sĩ kinh ngạc, tất nhiên, nhưng tôi không thể cho ông hay tại sao mình đã nhanh chóng bình phục. Ông nói thiên hạ chưa từng lành bệnh nhanh chóng như vậy -nhưng tôi thì lại được, sự thật là vậy.

Sau khi viết cho địa chỉ ở Anh, nhóm chúng tôi bàn luận về Subud. Mọi người chúng tôi quyết định sẽ thử xem sao, và chúng tôi đã thử. Sau đó, chúng tôi lập nên một nhóm Subud ở Wellington.

Con đường Subud của tôi

Sharif Horthy nói chuyện tại Los Angeles October 2000

Cho tôi được nói với các bạn về việc như thế nào tôi gắn bó với Subud. Thời thơ ấu của tôi nói chung thì rất bình thường. Tôi là đứa con duy nhất, và may mắn được nuôi dưỡng trong một gia đình đầm ấm. Quê quán ở Hungary, chúng tôi trải qua chiến tranh, để cuối cùng tới Đức sống sót được trong một nhà tù của Đức Quốc Xã, rồi tới sống ở Bồ Đào Nha và Anh. Ngoài chuyện lưu lạc nơi xứ người, thời thơ ấu của tôi thật bình thường, không có gì đặc biệt. Nhưng có một điều có lẽ không bình thường là lúc 8 tuổi tôi có một trải nghiệm bất thường. Một hôm nọ, trong lúc về nhà từ trường học, tôi đi xuyên qua một khu vườn thật đẹp ở Bồ Đào Nha, một nơi đầy hoa gần nhà chúng tôi. Ngay lúc đó, tôi chợt ý thức được -như một sự tỉnh ngủ. Tôi nhận thức được rất nhiều điều. Trước hết tôi nhận thức được mình đã mê ngủ. Vì là một đứa bé thích đi xem xi-nê, nên tôi coi cái trải nghiệm đó là mình đang đi đây đó trong một thế giới màu trắng và đen, và lúc này thì mình chợt nhiên tỉnh ngủ thấy tất cả đều muôn màu.

Điều tiếp theo tôi nhận thức được là mình đã trước đó trải nghiệm về MUÔN MÀU đó; đời tôi là như thế khi tôi còn trẻ. Tôi có những hồi ức từ lúc 2 hay 3 tuổi, khi chúng tôi còn ở Hungary; tôi nhận thức được ở cái tuổi đó toàn bộ cuộc đời có cái vẻ MUÔN MÀU. Nghĩa là đời mình rất có thật, và chính tôi đang sống cuộc đời đó. Như thế nào đó, điều đó đã tan biến, khiến cuộc đời tôi không có thật nữa. Như có cái gì đó như vải bông ngăn cách tôi khỏi thực tại của cái thế giới chung quanh mình. Cùng với sự nhận thức đó

là một cảm giác rất buồn và mát mát rất nhiều, như mình đã đánh mất cái gì rất quý báu. Ngay lúc đó, tôi trở thành một kẻ đi tìm đạo, và đương nhiên là lúc 8 tuổi tôi đã không dùng từ ngữ đó cho mình. Tôi biết mình đang đi tìm cái gì đó -tôi đang tìm cách nhận ra được như thế nào bám vào cái trải nghiệm đó.

Một vài năm sau đó, lúc vẫn còn thích những truyện tranh cho thiếu nhi, tôi bắt đầu thích những thứ khác. Là đứa con duy nhất tôi đọc rất nhiều. Tôi đặt mua những sách về khoa học và triết học qua bưu điện, và cuối cùng vợ được một cuốn của một môn đồ của George Gurdjieff. Gurdjieff là một giáo sư Caucasus, và giáo lý của ông, theo tôi nghĩ, là của một giáo phái Sufi nơi nào đó tại Trung Á.

Gurdjieff giải thích đời người theo tâm thức. Ông xác nhận thực ra con người đang mê ngủ: suốt đời mình chúng ta nghĩ rằng mình thức, sống đời mình với những quyết định, nhưng thực tế thì chỉ hành động một cách máy móc, trong một trạng thái nửa mê nửa tỉnh. Chúng ta ảo tưởng là có tự do của ý chí, nhưng thực ra bị tác động bởi những sức mạnh mà mình không ý thức được. Cái bí quyết trở thành con người là sự thức tỉnh. Nói cách khác, tâm thức có thể triển khai. Điều đó đặc biệt khiến tôi chú ý, vì có vẻ như mình giải được sự trải nghiệm của tôi. Nên đương nhiên là tôi thích giáo lý của ông. Tôi đọc hết cuốn này tới cuốn khác, vì ông là những gì như chỉ bảo cho cách thực hiện điều đó.

Lúc 12 tuổi tôi vào một trường nội trú tại miền Bắc Scotland, và lợi dụng cơ hội đó để thực nghiệm những phép tu như trai giới, không ngủ, cố ý làm những điều này nọ, đếm số ngược lại trong lúc sắp đi ngủ...tức là rất nhiều những điều khác nhau. Tôi thấy mình rất hạnh phúc, vì học hành trong một trường không tìm cách biến mọi người thành những khuôn cố định. Những kẻ đi ra ngoài khuôn được dung thứ, nên tôi cứ việc làm những gì mình thích. Nhưng chẳng có gì có vẻ như có hiệu quả. Những việc làm đó đã không đem tới những gì mình muốn tìm kiếm. Tôi vẫn còn tin sự chẩn đoán của Gurdjieff, nhưng được lành bệnh thì chưa. Chỉ tới lúc 16 tuổi tôi mới phát hiện được là vẫn còn những nhóm theo lối tu của Gurdjieff, mặc dù ông đã qua đời một vài năm trước đó. Tôi quyết định đến gặp một trong những nhóm đó.

Nhóm Gurdjieff tôi tìm thấy có một nhân vật cầm đầu tên là John Bennett ở Coombe Springs, một căn nhà rộng lớn ngay bên ngoài

London, nơi tình cờ thành chỗ cho Subud phát triển khắp thế giới. Ông Bennett đã nhận thấy là thiếu sự hiện diện của Gurdjieff, sự tiến bộ của nhóm mình bị giới hạn. Theo những gì ông kể cho chúng tôi thì khi sắp mất một vài năm trước đó, Gurdjieff đã báo cho biết trước là điều đó sẽ xảy ra, khiến cho Bennett 'đi tìm một người đang chờ đợi tại một thuộc địa của Hà Lan, một người sẽ đem công trình của ông tới một cảnh giới cao hơn.'

Nên ông đã đi tìm nhân vật đó, và nhờ một số những ngẫu nhiên ông nghe nói tới vị thủy tổ của Subud là Muhammad Subuh. Chắc chắn đó là người mình đang đi tìm, nên ông mời vị đó tới Coombe Springs. Trong vòng vài tháng lúc vị đó đến, rất nhiều người đã cầu xin tiếp nhận được con đường giao tiếp của Subud. Trong chốc lát, nhiều người đã theo lối tu của Subud thay vì của Gurdjieff - có lẽ chỉ là những pháp môn, chứ không là cái triết lý.

Tôi đến Coombe Springs ngay sau khi Muhammad Subuh ra đi để trở về Indonesia, và tôi không biết chắc những gì mình có thể mong đợi. Gurdjieff đã diễn tả giáo lý của ông theo cách các trí thức Âu Châu hiểu được, và đó là điều hấp dẫn tôi. Tôi không mấy tin các "tôn sư Đông phương." Nhưng những gì thiên hạ nói khiến tôi đặc biệt chú ý, vì họ nói rằng trong Subud chỉ việc phó mặc và tiếp nhận sự giao tiếp với một sức mạnh bao trùm toàn thể vũ trụ, kể cả con người, và cái sức mạnh đó thực ra là quyền năng của Thượng đế. Vậy thì đó không chỉ là một "sức mạnh", mà là một quyền năng thông thường có thể đưa dẫn ta trên con đường đời mình. Họ nói rằng tất cả những gì phải làm chỉ yêu cầu cho tiếp nhận sự giao tiếp, và cái đó có thể truyền thụ lại. Chỉ việc tập luyện, tức là phó thác hai lần mỗi tuần trong nửa tiếng đồng hồ, và như vậy là đủ cho sự hoạt động của nó trong nội tâm mình. Dần dần, nó sẽ là một thành phần của đời sống mình.

Tôi nói, "Ồ-kê, tôi muốn tiếp nhận", và người ta bảo tôi phải đợi một hay hai hai tuần để làm quen với nó. Trong lúc chờ đợi, tôi có một trải nghiệm lí thú. Trong lúc còn ở Coombe Springs, tôi nghe điều người ta nói là sự tập luyện latihan của Subud. Latihan là một từ Indonesia có nghĩa là tập luyện -nghĩa của nó chỉ là vậy. Nhưng ở Anh gọi nó là tập luyện có thể bị hiểu sai, vì người ta sẽ nghĩ tới một thầy giáo với những bài tập, nên chỉ việc gọi nó là 'latihan'. Lần đầu tiên tôi nghe nói tới latihan, thì đó như là âm thanh của rất nhiều người đang hát, la hét và gây ra nhiều tiếng động. Ta có thể nghĩ đó là khiến khó chịu, hoặc "chuyện gì đang xảy ra đây?".

Nhưng trong tâm mình, tôi có một cảm giác kỳ lạ ngay lúc đó. Hầu như có một tiếng nói trong đầu tôi, và nó chợt nhiên xảy ra: “Điều mình đang đi tìm thì phải là như vậy. Nó không thể là điều gì lịch thiệp, với những kẻ giải thích theo cách của các trí thức.

Tôi nghĩ, ô-kê, mình sẽ thử xem sao. Cách tôi tiếp nhận là một hôm nọ người ta yêu cầu tôi đến trong một buổi tối nọ. Khi tôi tới thì đã có hai hay ba người đang đợi chờ tiếp nhận sự giao tiếp, và người ta bảo tất cả chúng tôi đều cởi bỏ tất cả những gì ngăn không cho mình cử động tự nhiên. Chẳng hạn như có tiền các trong túi thì lấy ra, lấy ra đồng hồ, cởi giày ra, cởi kính ra, để mình cảm thấy thực sự được tự nhiên. Cái không gian trong đó chúng tôi làm điều đó là một không gian rộng lớn với những tấm thảm, ngoài ra không có gì khác. Sau khi tôi làm xong những điều đó, chuẩn bị xong cho mình, người ta bảo chúng tôi đứng thẳng, nhắm mắt và phó mặc -chỉ việc tuân theo bất cứ những gì xảy ra, đừng tìm cách làm bất cứ gì, cứ để cho tự nhiên.

Điều đó rất khó với tôi, bởi tôi có khuynh hướng của một người trí thức, và khi bảo một người rất trí thức đừng suy nghĩ gì hay chỉ việc phó mặc, thì họ lại suy nghĩ nhiều hơn. Họ suy nghĩ: “Làm cách nào phó mặc? Làm cách nào đừng suy nghĩ gì? Tôi càng lúc càng trở nên bực bội. Tôi đứng đó với mắt nhắm và nhiều người đang ca hát, gây tiếng động và chạy vòng quanh chung quanh mình. Tôi nghĩ: “Chuyện đó không thể xảy ra, không có ép-phê gì với mình. Mình hoàn toàn không thể phó mặc“. Trong lúc đang trải qua cái tâm trạng khổ sở đó, tôi chợt nhận thấy tay mình bắt đầu lơ lửng, như thế này, đưa lên phía trần nhà. Tôi nghĩ: “Cái gì đây?“ Ngay sau khi nghĩ “Cái gì đây?“ tay tôi lơ lửng xuống phía dưới. Nhưng lúc tôi chẳng làm gì hết thì nó lại tự động đưa lên phía trên như thế này (biểu diễn), như có ai đó đã nắm lấy nó, làm cho nó cử động thay cho tôi. Thật kỳ lạ. Cứ mỗi lần tôi không lo nghĩ gì, điều đó lại xảy ra. Vậy, quả thực trong cái latihan đầu tiên, tôi đã trải qua với mắt nhắm, tay đưa lên trên rồi lơ lửng xuống phía dưới, đưa lên rồi lơ lửng...(biểu diễn) Nên tôi biết được có gì đó xảy ra cho đời mình, nhưng đúng là gì thì tôi không biết.

Đúng ra thì tôi là một thanh niên đa nghi -tôi nghĩ chắc mình phải là một kẻ khó tính- và tôi nghĩ, coi bộ cái này là thôi miên, có thể có ai đó chung quanh mình đang ảnh hưởng tới mình, có thể là bất cứ gì. Nhưng chắc chắn đó là cái gì mình chưa từng nghiệm thấy trước kia. Chính trong cái latihan thứ nhì tôi trải qua một điều hoàn

toàn xác nhận Subud đối với mình là gì. Và tôi cần phải kể cho các bạn điều đó, không là vì các bạn sẽ trải nghiệm y như vậy, mà vì các bạn sẽ hiểu được tại sao tôi còn trong Subud sau 42 năm.

Điều xảy ra trong cái latihan thứ nhì là tôi tức khắc cử động, không với tay và không phải lo nghĩ về sự phó thác, hay điều gì như vậy. Khi bắt đầu cử động, tôi xoay tròn như một con quay. Tôi cử động khá mãnh liệt, và đó không là do ý chí. Tôi cũng hoàn toàn sáng suốt, tức là không trong trạng thái hôn mê, hay điều gì như vậy; tôi có thể quan sát, tôi có thể làm cho ngưng lại nếu muốn. Sau khoảng 10 hay 15 phút, tôi không còn quay tròn nữa và được khiến cho quỳ trên sàn nhà. Khi quỳ trên đó, tôi chợt ý thức được là mình trở về thời thơ ấu, lúc khoảng hai hay ba tuổi, tại một nơi của chúng tôi ở Hungary. Tôi thực sự có mặt tại đó, trong phòng ốc của chúng tôi, có cả mẹ tôi có cả bà nữ gia sư của tôi. Tôi nhận thấy như vậy trong cái trạng thái sống động đó của ý thức, như lúc mình hai tuổi. Khi tôi nhận thấy như vậy, thì lại cái tiếng nói đó, nhưng không là tiếng nói của tôi, vì lời nói hiện ra trong đầu óc tôi, nó nói: “Đó là điều người muốn?”

Đối với tôi thì thật là phi thường, bởi trước hết chính tôi đã quên hẳn cái trải nghiệm lúc 8 tuổi của mình, và kể đến là tôi chưa nói về điều đó cho bất cứ ai. Vậy, từ lời nói đơn sơ đó tôi biết được cái quyền năng đằng sau Subud là một sự thông minh hiểu biết nhiều hơn mình, đã có nơi mình từ lúc mình sinh ra cho tới nay nhưng lại không ý thức được.

Tôi không cần có bằng chứng nào thêm; tuy vậy, một vài tuần sau thì lại có. Tất nhiên là tôi phải đi học trở lại -trở về nhà trường nội trú tại miền Bắc Scotland, cách nơi ở gần nhất của một hội viên Subud tới mấy chục cây số. Trước khi rời khỏi Coombe Springs, tôi hỏi các phụ tá: “Tôi nên làm gì khi đi học trở lại? Tôi có nên tập theo cách của các ông trong nửa tiếng đồng hồ, hai lần mỗi tuần?” Họ nói: “Không được, cậu không nên làm vậy, vì cậu chưa tập được lâu và chưa thể làm cho ngưng lại. Cậu có thể hốt hoảng, hay mọi người có thể nhìn thấy và nghĩ cậu điên khùng, và chính cậu cũng lo ngại và vân vân”. Nên họ nói với tôi là đừng tập latihan tại trường học, và nên trở lại đây để tiếp tục trong lúc nghỉ hè.

Vậy nên, tôi trở về nhà trường. Một hôm nọ, khoảng hai hay ba ngày sau đó, tôi đang đọc một cuốn sách thì chợt nhiên có thể cảm thấy sự hoạt động đó trong tâm mình. Tôi nghĩ: “Thế nào, mình có làm theo hay không?”

May mắn tôi là trưởng lớp, nên có căn phòng của chính mình. Tôi nghĩ: “Cứ việc làm xem sao.” Tôi khóa cửa lại và tập latihan. Nó ngưng lại sau khoảng 40 phút. Nên tôi biết chắc nó nằm trong tâm mình, và không do ảnh hưởng của bất cứ ai. Tôi có được không là vì có ai đó bên cạnh mình. Điều đó như bật lên một công-tắc, hay có gì trong tâm mình đã khiến tôi tiếp xúc được cái sức mạnh, cái quyền năng đó, hay bất cứ đó là gì. Nên tôi tiếp tục tập, và sau đó trở lại Coombe Springs. Tôi chưa từng ngưng tập latihan. Tôi tập bất cứ lúc nào có cơ hội, thường thường hai lần mỗi tuần, có thể ba lần mỗi tuần, đôi khi mỗi ngày.

Đó không là lối tu tập như trong một tôn giáo: ta đi nhà thờ và nói, tốt, mình sẽ mất một tiếng đồng hồ, vì một người Thiên Chúa giáo thì phải đi nhà thờ. Tôi làm như vậy, vì với tôi latihan là lúc tôi tiếp xúc với chân ngã mình. Theo kinh nghiệm trong Subud của mình, hiện nay tôi tin rằng con người có điều gì là linh hồn. Tôi cũng tin rằng mỗi người chúng ta đều có một linh hồn. Nhưng với nhiều người thì nó vẫn còn hoàn toàn mê ngủ. Theo tôi, điều xảy ra trong latihan trong nửa tiếng đồng hồ nhắm mắt, tập một mình hay với những người khác, hoàn toàn phó thác cho cái quyền năng đó tác động nơi mình, thì đó như là để cho linh hồn mình hô hấp. Đó là cho chân ngã mình có thời gian đi ra ngoài căn phòng tối tăm trong đó nó bị giam giữ, để tiếp xúc với thân xác mình, với cái thế giới này, với những trải nghiệm hằng ngày của mình.

Điều ban đầu tôi nói thực sự đã xảy ra cho mình: dần dần cái quyền năng hay sự cảm nghiệm đó của latihan, trong đó có sự tác động của cái gì đó là mình nhưng cũng không là mình -nó thâm sâu hơn nhiều- và cái đó bắt đầu thấm nhập vào đời tôi. Nói cách khác, nó không chỉ xảy ra trong những buổi tập nửa tiếng đồng hồ, mà là bất cứ lúc nào: lúc đang làm việc, lúc đang suy tư, lúc đang ăn uống, lúc đang làm tình, bất cứ lúc nào. Ta không biết được tại sao nó xảy ra. Nó chỉ việc xảy ra. Nó luôn vượt ngoài ý chí mình; nó là cái gì không thể bắt ép. Nhưng ta có thể đem nó tới nơi mình bằng cách trở nên yên tĩnh... làm cho mình trở nên yên tĩnh thì nó sẽ đến.

Đó là trải nghiệm của tôi. Càng tiếp tục tập, tôi càng nhận thấy nơi mình có hai người. Một người xưa kia, một kẻ sinh ra cách đây khá lâu, lớn lên rồi phát triển thành một nhân cách, với những thói quen xấu cũng như tốt, một cái Tôi muốn thứ này thứ nọ. Còn người kia là một cái Tôi quả thực từ thế giới khác và không quá

mức quan tâm tới bất cứ những gì nơi đây. Nó hầu như săn sóc tôi, không cho tôi làm bất cứ những gì đần độn làm cho cái khả năng sinh tồn trên cái thế giới này mà không vào được cái thế giới bên kia.

Điều quan trọng tôi muốn nhấn mạnh là cái trải nghiệm đó, tôi gọi là trải nghiệm của latihan, là điều không chỉ giới hạn ở cái thế giới này. Khi tôi chết, tôi cũng sẽ còn sống như ngay lúc này và nơi đây, qua phương tiện của latihan. Vậy, latihan quả thực là trải nghiệm như thế nào đó không dính tới cái thế giới này.

Có lẽ các bạn thấy hơi khó tin, nhưng điều đáng nói về Subud là ta không phải làm bất cứ gì. Tôi chỉ thuật lại cho các bạn những gì hình như là đối với mình. Nếu muốn thử, các bạn sẽ nghiệm được một cách hoàn toàn khác với tôi -như vậy thì đó là sự thật của các bạn, không là của tôi.

Trải nghiệm thông thường

Garrett Thomson (Anh)

Tôi xin được nói tới một vài điều đã xảy ra kể từ lúc được khai mở, và cho biết tại sao mình vẫn còn tin ở sự quan trọng của latihan Subud, mặc dù cái tính đa nghi của mình. Những thay đổi đã xảy ra nơi tôi không có gì là đặc biệt và độc đáo: chỉ là những gì thông thường với nhiều hội viên Subud. Một vài vị trong Subud đã có những chứng nghiệm phi thường, còn tôi thì chỉ muốn truyền đạt cái tính chất bình thường của cuộc sống trong Subud.

Ban đầu trong những lúc latihan tôi chỉ cảm thấy buồn tẻ và hơi ngứa ran trong ngón tay. Trải nghiệm mãnh liệt đầu tiên của tôi thật bất ngờ: cánh tay tôi tự động đưa lên, lên và xuống. Không còn nghi ngờ gì nữa đó không là do chính mình. Cách duy nhất để ngăn chặn những cử động không do ý muốn đó là đi ra ngoài trạng thái latihan, tức là ngăn chặn cái trạng thái an bình, thư thái của latihan. Bất cứ lúc nào tôi trở về trạng thái latihan, những cử động tiếp tục xảy ra, không do ý muốn.

Có gì đó trong tâm tôi, và cái đó sống động. Nó làm cho cơ thể cử động, và tôi có thể cảm thấy trong cánh tay, như có kim và điện. Dần dần, trong mỗi latihan, cái sức mạnh đó nhập thêm vào cánh tay. Kế đến, tôi có thể cảm thấy trong chân, đùi và ngực. Latihan có cái dáng vẻ hay mùi vị đặc biệt của nó, điều có thể nhận diện được khi tôi thư thái và an tịnh trong ngày.

Người ta cho tôi hay là nên tuân theo bất cứ động tác hay cảm xúc nào xảy ra trong latihan, và nên phó thác cho cái sức mạnh đó mà đừng nghĩ ngợi gì về nguồn gốc của những động tác. Như vậy thì latihan sẽ tự động thay đổi đời tôi, các phụ tá nói vậy. Tôi cảm thấy như đang chạy, la hét, khóc lóc và cầu nguyện. Tuy làm theo những xu hướng đó, nhưng tôi luôn còn nghi ngờ đó là do trí tưởng tượng, chứ không do sức mạnh của latihan. Tuy thế, có những lúc những động tác đó mãnh liệt, rõ rệt và tức khắc tới nỗi không còn nghi ngờ gì được nữa.

Đôi khi nó mãnh liệt tới nỗi tôi phải hoảng sợ, và bất ngờ xảy ra làm tôi phải ngạc nhiên. Tôi cảm thấy mình bất lực dưới sự kìm kẹp của cái quyền năng lạ thường đó. Ngay sau khi tôi lo sợ, latihan liền ngưng hoạt động, khiến tôi hơi hối hận vì chưa thể trải nghiệm những gì mãnh liệt. Hiển nhiên sức mạnh của latihan còn mạnh hơn tôi.

Bằng chứng khó chối cãi nhất về lợi ích của latihan, theo tôi, là sự tương phản giữa những ngày gần cận và bỏ bê latihan. Những ngày không cảm thấy latihan là những lúc lo nghĩ nhất, lúc cáu kỉnh và không thể đối xử vui thú với chính mình, đối xử tốt đẹp với người ta và hài hước với bản thân. Đúng ra, đó là những biến cố trông không vô nghĩa xảy ra. Latihan càng bị bỏ bê, các vấn đề càng nhiều hơn.

Tất nhiên, những ngày trầm tĩnh hòa điệu với latihan nhưng không được liên tục, không là những lúc không có vấn đề gì. Tôi vẫn còn không bắt kịp chuyến xe cuối cùng, làm đồ cà-phê và thấy mình trong những hoàn cảnh khiến bức tức. Sự khác biệt là những vấn đề đó không chông chát và đè nặng khiến nghẹt thở. Nhờ sự hiện diện của latihan tất cả sẽ tan biến và được quét sạch.

Nhờ latihan tôi nhận biết được, một cách tự nhiên, cái thái độ thích đáng đối với người ta. Tôi đã tốt nghiệp ở Oxford trong một lĩnh vực hạn hẹp phải cạnh tranh, và có lần gặp một người bạn kiếm được một công việc ngon lành ở đại học. Trong một ngày không tốt đẹp, phản ứng tức khắc của tôi sẽ là "Tại sao hấn lại được chọn?" và để che giấu sự ganh ghét của mình tôi sẽ giả dối chúc mừng cho hấn. Thật bỉ ổi. Thay vì vậy, tôi cảm thấy vui mừng cho hấn, một cách tức khắc, mà không chút ganh ghét, và sự chúc mừng của tôi là thành thật.

Có lẽ các bạn đã hay được mình cảm thấy như thế nào khi một

người bạn đối xử tốt đẹp với mình, và mình muốn đáp ứng lại với một nụ cười thân thiện nhưng lại không thể. Nụ cười mình như bị bóp nghẹt trong tâm mình. Những ngày tháng thiếu latihan thì cũng như vậy: ta không thể đáp ứng vì cảm xúc và tâm trạng mình. Nếu càng không quan tâm tới điều đó, ta sẽ cảm thấy không được trong sạch và mất đi lòng tự trọng. Khi latihan vững chắc nằm trong cái túi là lồng ngực mình, tình cảnh sẽ khác hẳn. Ta tìm thấy được nụ cười trong tâm mình.

Tôi không có ý miêu tả latihan là phép màu cho mọi chuyện. Nhưng nếu cho một chút gia vị của latihan vào cạnh tôi hằng ngày, kết quả có thể thật đáng kể. Chẳng hạn, hai ngày trước lúc có một hội nghị ở đại học trong đó tôi phải diễn thuyết, tôi liền cảm thấy căng thẳng và lo lắng. Tôi tịnh tâm và cảm thấy latihan; nỗi lo của tôi tan biến như sương mù. Bất cứ lúc nào có thể, tôi đều làm một cái latihan ngắn ngủi ngay trước lúc dạy học; theo kinh nghiệm của tôi, điều đó giúp cho lòng tự tin và sự ăn nói lưu loát của mình.

Tôi đề cập tới những lợi ích thấy rõ của latihan, bởi trước hết đó là những gì trực tiếp tuôn trào ra từ latihan mà không là tưởng tượng và tự lừa dối, và kể đến đó là những khía cạnh quan trọng nhất của cuộc sống hằng ngày trong Subud.

Latihan là sự chỉ dẫn. Thông thường khi đối diện một vấn đề hay nhiệm vụ có vẻ như nan giải, tôi quên đi sự khó khăn đó để coi nó không là ưu tiên. Nhiệm vụ đó gạt qua một bên, tôi thấy được giải pháp sau đó, hầu như không phải cố gắng. Đó là một trải nghiệm thông thường; tự tưởng có cái tính chất gây cảm hứng này là các giải pháp đột ngột xuất hiện như một sự chúc mừng.

Cái vững chắc nhất chứng minh được điều đó là ‘trắc nghiệm’. Ta trắc nghiệm một vấn đề hay một câu hỏi bằng cách tiếp nhận một giải đáp trong latihan. Trắc nghiệm có thể cho thấy những chỉ dẫn được tiếp nhận mãnh liệt, rõ rệt và không mập mờ tới nỗi nếu coi đó chỉ là tự ki ám thị hay tưởng tượng thì hoàn toàn không đúng. Một thí dụ đơn giản: có lần tôi hỏi trong trắc nghiệm thái độ mình nên ra sao đối với công việc của mình -không được tốt đẹp trong lúc đó. Định kiến của tôi là mình nên làm việc nhiều hơn.

Nhưng trắc nghiệm lại khiến tôi cảm thấy thư thái, vui vẻ và thậm chí còn cười! Những cảm xúc và động tác đều không do ý chí, mà do latihan, và giải đáp cho câu hỏi của tôi đương nhiên là không nên lo nghĩ, thay vì phải làm việc nhiều thêm (không là đề cao sự

lười biếng!) Những gì xảy ra sau đó chứng thực cho giải đáp đó.

Thực vậy, theo nhiều cách, trải nghiệm với latihan đã thay đổi cuộc đời tôi. Tôi đã được cứu thoát bằng cách không có những quyết định sai lạc, như theo học một khóa ở đại học không thích hợp với mình. Trải nghiệm cho tôi thấy nên có thái độ nào với những kẻ khó tính và những hoàn cảnh khó khăn. Nó cũng giúp tôi cải thiện được những quan hệ của mình, và động viên những ưu điểm trong lúc khắc phục những khuyết điểm của mình.

Đối với tôi cái khía cạnh cốt yếu của trải nghiệm là mình sẽ có thể cảm nhận được những giải đáp cho những câu hỏi của mình, do latihan chứ không do tưởng tượng. Ngoài ra, điều này là trọng yếu nếu tôi chứng thực được cho chính mình lợi ích của trải nghiệm bằng cách thực hành những kết quả -tuy miễn cưỡng!

Như thế thì latihan thiết thực thích đáng cho phẩm chất của đời mình.

Năng lượng tinh vi

Stefan Freedman (Anh)

Có những lúc các ý nghĩ sắp xếp theo thứ tự. Ta không sợ hãi, bối rối và cần được tán thành. Tri giác được khuếch trương và ta hành động một cách trong sáng và điềm tĩnh. Thường thường thì tôi không mấy khi và chỉ tình cờ nghiệm được sự trong sáng đó. Nhưng tình cảnh của tôi đã thay đổi, sau khi tôi học được một quá trình giúp mình đều đặn thực hiện được. Máy ra-đa của tâm hồn tôi trở nên hiệu nghiệm hơn, và cho mình thấy được những điểm mạnh bị che giấu của mình.

Có nhiều cách tập để triển khai tình trạng điềm tĩnh, quân bình và sáng suốt. Có một cách tập tôi tìm ra thì lại không được cho mọi người biết và ít được biết tới. Nguồn gốc của nó là ở Java tại Indonesia, và lối tập đó được gọi là latihan. Hiệp hội có trên khắp thế giới trong đó các hội viên theo lối tập đó có tên là Subud. Lối tập đó tạo nên một năng lượng mãnh liệt làm thay đổi đời mình. Ta có thể bắt được luồng điện của nó bất cứ lúc nào, mà không phải theo một nghi thức nào, phải ẩn dật hay dài lâu tọa thiền, và như vậy thì rất thích hợp với cuộc sống hiện đại đầy hoạt động.

Những người tu tập trong Subud theo những tôn giáo khác nhau, hay không theo tôn giáo nào. Bởi nó dựa trên kinh nghiệm trực tiếp thay vì giáo điều, nên mỗi người đáp ứng một cách khác nhau, tùy theo bản tính mình. Thực vậy, một trong những kết quả mà nhiều người thích là biết được khá hơn tính nét và bản tính mình.

Nhiều người theo tập thuật lại việc họ bớt được những nỗi lo vô tận, những xáo động và căng thẳng xảy ra trong đời sống hằng ngày. Có những trường hợp họ thuật lại việc tập latihan đã giảm bớt hay chữa lành những nghiện ngập và bệnh kinh niên của họ. Trong trường hợp của tôi, mất ngủ và đau mắt là những bệnh kinh

niên từ thời thơ ấu, và những cái đó đã biến mất ngay sau khi tôi bắt đầu tập latihan.

Cái latihan đầu tiên được gọi là 'khai mở' và có thể được coi là một sự thức tỉnh. Làm cho thức tỉnh là cái bản tính tiềm tàng của mình đã bị che giấu bởi những quy định của xã hội. Với thời gian latihan thường làm gia tăng khả năng của trực giác. Có những người đã nhận được những chỉ dẫn về thiên khiếu mình, và cuộc sống ngoài đời của họ có thể thay đổi ngoài mong ước.

Cái khả năng sống một cách trọn vẹn của tôi đã gia tăng ngoài mong ước, kể từ khi tôi tập latihan. Trước kia tôi rất vụng về với cơ thể mình, nhưng điều làm gia đình và chính tôi kinh ngạc là latihan khiến tôi thích thú khiêu vũ. Sau 10 năm tập latihan, tôi theo một sự nghiệp bất thường là du hành khắp thế giới để dàn dựng những điệu múa và dạy cho người ta cách múa và hát. Điều đó làm lộ diện và phát huy tất cả những khả năng nội tại của tôi, và tôi thường cảm thấy sinh khí của latihan, khi mình làm việc có kết quả, như 'cá trong nước'.

Có nhiều nguồn suối tâm linh đã được chứng thực, và vài người bạn tôi tìm thấy trong cầu nguyện và thiền định sự phong phú của tâm hồn, nhưng với tôi thì đó là latihan. Tôi không có ý đề nghị latihan có hiệu quả hơn những phương pháp khác. Điều tôi mong ước là nó được biết tới nhiều hơn, được coi là một sự lựa chọn khác. Khi tập latihan, tôi cảm thấy đó là một sự hồi hương tâm linh. Tuy thế, kết quả là tôi trở nên thực tế hơn, có thể đối phó những lo sợ của mình bằng cách phát huy những năng khiếu đối chọi những xung đột.

Đối với nhiều người latihan là chất xúc tác cho thay đổi, nhưng điều cần phải nhấn mạnh là mỗi cá nhân tiến triển khác nhau. Tôi có thể khiến cho có cảm tưởng là latihan có thể giúp cho thiên hạ phát triển những năng khiếu nghệ thuật, nhưng đó chỉ là trường hợp cá biệt của tôi. Những ai cho latihan khiến cho công việc của họ tiến triển như thế nào đó thì thuộc đủ hạng người, và có những người thấy latihan có một tác động trong tâm họ. Nói chung thì với thời gian tác động của latihan dần dần xảy ra, nhưng không có gì bảo đảm là sẽ có một kết quả đặc biệt nào đó.

Điều thực sự xảy ra trong một buổi hội họp của Subud là người ta yên lặng ngồi trong 5 phút để tịnh tâm. Để tránh bên lên và bị lãng trí, nam và nữ thường tập trong những phòng tách biệt nhau.

Tập latihan không đòi hỏi phải theo kinh kệ, những chỉ thị và lễ nghi. Không có ảnh tượng để tập trung, không có mục tiêu để đeo đuổi. Không có gì hết ngoài sự bộc phát của một sự chấn động êm dịu. Ban đầu, điều tôi thấy đáng chú ý là latihan thường có kết quả là sự tự phát của những động tác và âm thanh. Chẳng bao lâu, hầu hết mọi người đều cảm thấy được khiến cho cử động, ca hát, cầu nguyện, nhảy múa, khóc lóc hay vui cười. Trong lúc đó, người tập latihan hoàn toàn sáng suốt và tỉnh táo. Cái xung lực khiến cho cử động là tác động tái sinh của latihan, điều tự động xảy ra, không tính toán trước hay do tư tưởng đề xuất. Không có gì là cuồng loạn hay đồng bóng. Sau khi tập với nhóm trong hai hay ba tháng, ta có thể tập ở nhà.

Latihan thường trở nên an hòa lúc cuối, làm cho người tập cảm thấy được phục hồi. Toàn bộ quá trình đó chỉ mất từ 30 tới 40 phút.

Latihan có thể khiến cho thâm sâu bị lôi kéo, nhưng không 'chiếm đoạt' lấy mình, và có thể tức khắc khiến cho ngưng lại. Mở mắt ra thì sẽ hết latihan - chỉ có vậy. Cái năng lượng đó có vẻ như hoạt động từ đằng sau, có thể nói vậy, tâm can và trí óc.

Subud dựa trên trải nghiệm và không là một tôn giáo mới. Những hội viên theo một tôn giáo nào đó thường vẫn còn theo đạo mình, và có những người nhận thấy mình có cái nhìn mới mẻ về tín ngưỡng mình. Những ai thích nhiều đường lối khác nhau và coi mình là 'độc lập về tâm linh' thì có thể tìm thấy ở latihan một sự chỉ đạo không qua trung gian của bất cứ gì. Điều đó có thể giúp cho sự phát triển của tâm thức và một tình trạng cân bằng.

Điều này thì như thế nào với một kẻ không tin có Thượng đế hay một siêu ngã, một kẻ tự coi mình là 'trần tục và hoàn toàn không tâm linh?' Chẳng hạn như một kẻ vô thần hay một kẻ theo thuyết bất khả tri, và chính họ cũng được nồng nhiệt đón tiếp. Định được chân tướng của latihan là một tinh thần khoa học, một tinh thần cởi mở của một kẻ muốn thử nghiệm những gì khiến mình thắc mắc.

Tác động của latihan tuy tinh vi nhưng lại rõ ràng và mãnh liệt. Không cần phải tin tưởng bất cứ gì trước đó. Ngôn từ và ảnh tượng không thể tạo nên cái tính chất khiến ngạc nhiên của quá trình. Đối với nhiều người đó là điều trọng yếu làm cho đời sống tâm linh họ trở nên phong phú. Những ai muốn thử latihan thì nên

kiên trì trong một thời kì (thực tế có lẽ là một năm) trước khi khách quan xác định lợi ích của nó.

Nói chung, mục tiêu của hội Subud là khiến cho thiên hạ có thể tập latihan, phát triển nhân tính họ, sống một cuộc đời có giá trị, để tiến tới một tình trạng hài hòa, hòa nhập và toàn diện.

Tại những hội họp quốc tế của Subud, những người Phi châu và Á Châu, Israel và Ả Rập -dù sùng đạo, theo thuyết nhân văn hay thuyết bất khả tri- cùng nhau trải nghiệm latihan. Subud là một tổ chức quốc tế chứa đựng những tôn giáo khác nhau. Mỗi lần, các Hội nghị Thế giới được tổ chức tại một quốc gia khác, các ban quản trị chỉ là tạm thời, như vậy là để cho không có sự tập trung của một quyền hành độc nhất trong sự phục vụ cho những nhu cầu của Hội.

Hội Subud phối hợp và hỗ trợ những dự án từ thiện, những chương trình y tế, giáo dục, nghệ thuật và thanh thiếu niên, những kinh doanh cho luân thường đạo lí và những hoạt động cho hòa bình. Những điều đó được khởi xướng bởi những hội viên có thiện chí, và ai có muốn tham gia hay không thì tùy ý.

Người đầu tiên nghiệm được latihan là một người Java được gọi là Pak Subuh sinh năm 1901. Nó có thể được truyền thụ từ người này qua người khác, và đã thành một phong trào thế giới kể từ những năm 1950 đầu tiên. Subud là chữ viết tắt của ba chữ *Phan susila, budhi và dharma*. Theo sự giải thích của Pak Subuh, ba chữ đó gộp chung lại có nghĩa là 'được hướng dẫn từ trong tâm để hành động trên thế gian'.

Không phải đóng tiền để gia nhập, hay đóng nguyệt liễm. Hội viên đóng góp theo khả năng mình cho những chi tiêu hành chánh, một cách tự nguyện, không ép buộc.

Subud đón nhận bất cứ ai từ 17 tuổi trở lên. Có một thời kì dự bị cho những ai muốn tìm hiểu, để họ có đầy đủ thông tin và có vui lòng muốn gia nhập hay không.

Một cái nhìn của con giun

Hartley Ramsay (Anh)

Trong tất cả những ngày, có một ngày trên hết mà tôi coi là quan trọng nhất của đời mình. Coombe Springs, ngày Thứ Hai của mùa hè năm 1957, có đầy nhóc những môn đồ theo giáo lý của Gurdjieff và Oспенky. Như tôi, họ được mời tới gặp một nhân vật mà người ta gọi là Pak Subuh.

Pak Subuh là ai thì chúng tôi không biết, nhưng khi chúng tôi tụ tập trên bãi cỏ và trong những phòng dưới nhà, có một sự xôn xao nóng chờ hầu như thấy rõ. Chúng tôi lại càng mong chờ hơn, vì ông Bennett yêu cầu gặp chúng tôi từng nhóm gồm 30 người tại phòng làm việc của ông, để ông cho biết một vài điều sơ khởi. Khi chúng tôi bước lên cầu thang, mọi người không còn bàn tán gì nữa. Mím cười ông B (cách thân mật và tôn kính gọi ông) đợi chờ chúng tôi trên chiếc ghế to lớn của ông (ông là một người cao lớn). Khi chúng tôi đã ngồi đầu vào đó, ông nói những lời đầu tiên mà tất cả chúng tôi phải nghe về Subud.

Kí ức không thể nhớ lại những chi tiết nhỏ nhất, nhưng cái ý chính là Subud, một ân huệ quý báu của Thượng đế, đã đến Anh, và Bapak (Pak Subuh) người đầu tiên nhận được ân tứ đó, sự giao tiếp với quyền năng của Thượng đế, có sứ mệnh chia sẻ nó với bất cứ ai yêu cầu, bất chấp chủng tộc, tín ngưỡng và màu da. Thực vậy, Thượng đế không có óc bè phái, Subud là cho nhân loại, để cứu thoát cái thế giới của chúng ta khỏi những cơn thủy triều của chủ nghĩa duy vật, và đưa mình về cái Cội Nguồn từ đó mình đến.

Tiếp nhận được sự giao tiếp đó thì không cần phải học hỏi, chuẩn bị hay theo một khóa huấn luyện đặc biệt: chỉ việc chân thành phụng thờ Thượng đế. Ngoài ra chẳng cần phải làm gì thêm. Nói chung, chỉ là 10 phút, nhưng 10 phút đó thật kì diệu, như hầu hết những gì của Subud, thật bất ngờ.

Ông Bennett nhìn vòng quanh các khuôn mặt. Những ai có mặt nơi đây, ông nói, muốn tiếp nhận sự giao tiếp, thì viết tên mình trên danh sách đang truyền tay cho mọi người.

Có một tờ giấy và một bút chì đưa cho tôi. Tôi ký tên trên đó rồi đưa nó cho người khác. “Tôi tình gì mà không thử?” tôi nghe thấy có ai đó nói. Những người đánh cá 2000 năm trước đây ở Galilee [khi họ lần đầu gặp Chúa Giê-Su] cũng hỏi như vậy, khi họ nghe thấy tiếng gọi êm ái ‘Hãy theo ta’ trong tai mình.

Chúng tôi xúm lại dưới nhà không như lúc lên lầu. Ban đầu còn bỡ ngỡ, nhưng dần dần chúng tôi bớt e dè, khi cùng nhau bàn tán về những sự cố vẫn còn thừa thớt. ‘Làm sao có thể như vậy được?’ mọi người hình như đang hỏi. Cương lĩnh lỗi tu của Gurdjieff là ‘lao động có ý thức và đau khổ có chủ ý’, như vậy thì ăn uống không là miễn phí và muốn có thù lao thì phải cố gắng. Nếu Subud là cho không cho những ai yêu cầu, như vậy thì gần như là phản đạo.

Hai tiếng đồng hồ sau đó chúng tôi ngồi trên sàn nhà, không mang theo giày dép, cà-vạt, nhẫn đeo tay, đồng hồ và kính cận, bên ngoài nơi phòng ăn cửa đóng lại, trong đó Bapak và các phụ tá Indonesia đang khai mở cho thiên hạ, khoảng 30 hay 40 phút. Những âm thanh từ nơi đó càng làm cho chúng tôi lo ngại thêm. Tiếp theo là tới phiên chúng tôi.

Mặt trời ban chiều còn chiếu sáng, nhưng các màn che của phòng ăn đã kéo xuống. Ánh sáng xuyên qua những kẽ hở của những cửa sổ rộng lớn ở hốc tường để lộ những hình người mờ tối. Bapak là một trong những người đó đang hút xì-gà, chúng tôi biết chắc là vậy.

Chúng tôi trải ra thành một hình bầu dục rộng lớn, người này cách người kia một cánh tay. Bapak bước vào nơi trung tâm, nói một vài lời bằng tiếng Indonesia mà anh phụ tá Iksan dịch ra. Tôi không bao giờ quên những lời nói đó: “Nhắm mắt lại. Tĩnh tâm.

Đừng suy nghĩ gì. Hãy tin ở Thượng đế. Bắt đầu“.

Tôi nhắm mắt lại, theo yêu cầu, và tức khắc tràn ngập một niềm vui chưa từng thấy trước kia, hay kể từ lúc đó. Trong đầu óc tôi có những lời nói lớn tiếng: “Minh đang về nhà, minh đang về nhà“. Những lời nói đó lặp đi lặp lại, trong lúc tôi bắt đầu khóc vì khuây khỏa, hối hận, biết ơn và kinh ngạc. “Minh đang về nhà“-mỗi phân tử của bản chất đáp ứng lại cái khái niệm đó.

Chung quanh mình tôi nghe thấy tiếng kêu la kỳ quái, tiếng ngã ụch, giậm chân và ca hát, tiếng những bàn chân đang chạy, nhưng không lấy gì làm phiền. Thời gian chẳng còn ý nghĩa gì. Chợt nhiên không còn gì nữa. Có ai đó nói “ Xong rồi“. Tất cả chúng tôi đã thành những hội viên Subud, nhờ Thượng đế và nhờ Bapak.

Đương nhiên là trong cái latihan thứ nhì tôi trông đợi rất nhiều. Nhưng không có gì đã lặp lại. Với 40 latihan kế tiếp, hay khoảng đó, thì cũng vậy. ‘Trở về nhà’ là một hành trình dài lâu hơn điều tôi nghĩ, có rất nhiều lúc khó khăn với thời tiết xấu xa, mà thiếu hẳn những biển chỉ đường có thể được giải mã. Tôi không có bản đồ cũng như thẻ tín dụng. Nhưng tôi có thể nói điều này: thật thoải mái.

Mỗi đêm có tối thiểu 6 latihan với 30 hội viên cho mỗi xuất, tổng cộng là có 180 người, chưa kể những kẻ đến trễ. Có 6 danh sách trên bản thông tin nơi ra vào của phòng tập, và hội viên được yêu cầu điền tên mình vào những xuất mình muốn tập.

Xuất đầu tiên bắt đầu lúc 8 giờ tối, và xuất cuối cùng kết thúc lúc 11 giờ. Tối thiểu 50% những người đi tập đều muốn tập xuất 8 giờ tối. Nên khi có danh sách, người ta luôn tranh giành điền tên mình vào để là 30 người đầu tiên muốn tập. Hành lang chật hẹp nơi phòng tập chợt thành nơi tụ nhau để giành bóng. Có lúc có sự hăm dọa hành hình theo kiểu lin-sơ (lynch).

Trong cuốn *A Memoir of Subud Varindra Vittachi* giảng về việc sự trợ giúp của Thượng đế còn gần cận hơn điều chúng ta nghĩ, có lẽ chỉ cách vài phân -nhưng chúng ta phải với tay ra để nắm lấy.

Xúc động vì chân lí những lời nó đó, tôi như sống lại một trải nghiệm mà mình hầu như đã quên, trong những ngày tháng hừng

thú, cuồng nhiệt trong đó cả thế giới như tranh nhau tới nơi ở của Bapak. Sau một latihan mãnh liệt trong lúc khai mở, tôi đứng như một pho tượng trong nhiều tuần, trong khi mọi người nhảy múa như những nhà dervich (tu sĩ Hồi giáo), ca hát như các vị thánh, hay té ngã như những anh hề. Tôi cảm thấy như mình bị bỏ rơi, là một kẻ ngoài cuộc, hay một kẻ thừa thãi.

Trong một lathan trong những ‘túp lều’ (mua của quân đội để đáp ứng số hội viên gia tăng) tôi thấy mình đứng nơi bờ một dốc đứng nhìn khắp nơi những cánh đồng mênh mông tới một chân trời vô biên, trong sáng và thanh bình.

Tới một lúc nào đó, tôi nhìn lên phía trên và trông thấy một vật dẹt to lớn màu của vàng trên nền trời. Trong lúc đó, vật dẹt đó tiến tới phía tôi. Tôi vươn mình, nó trở nên nhỏ bé hơn, như để thích ứng với kích thước của tôi. Khi chỉ cách tôi độ vài phân, nó bay lượn ngay trên ngón tay tôi. Lúc đó tôi đứng trên đầu ngón chân vận dụng tất cả các gân cốt mình. Khi tôi vươn mình một lần nữa, nó càng tới gần hơn. Ngay lúc ngón tay tôi cuối cùng nắm bắt được bờ cạnh nó, tôi thốt ra tiếng kêu đầu tiên của latihan.

Trong cơn sốc và sự xúc động, mí mắt tôi rung rinh mở ra. Tại đó, Bapak đứng ngay trước mặt tôi, khuôn mặt Bapak chỉ cách tôi độ vài phân. Điều đó tạo nên một cú sốc khác, một tiếng kêu khác, còn Bapak thì đang di chuyển khắp phòng.

Thực vậy, khi Bapak nói sự trợ giúp của Thượng đế chỉ cách vài phân, thì quả thực là một vài phân. Kể từ lúc đó, tôi luôn ca hát trong latihan.

Trong 5 năm theo lối tu Gurdjieff tôi chưa từng cất tiếng nói mình về những trải nghiệm của mình, điều cần phải có cho những ai theo lối tu đó.

Bây giờ thì latihan khiến tôi trở nên to mồm, nên phải tập chung với nhóm ‘O’ gồm những kẻ latihan ồn ào làm phiền những hội viên khác. Hồi đó, hình như đó là điều gì đặc biệt của người Anh, vì theo tôi biết thì không có quốc gia nào có nhóm ‘O’.

Với những kẻ ngoài cuộc, nhóm ‘O’ như những kẻ trong nhà thương điên. Một kẻ thuộc nhóm ‘O’, theo những gì tôi còn nhớ, có lần nói rằng những tiếng thốt ra trong latihan nghe như của

những đũa trẻ kém phát triển, tâm lí không bình thường.

Quan hệ của tôi với Coombe Springs trước khi có Subud là điều gì không chắc chắn. Có những lúc tôi không thể chịu đựng việc bước vào đó, và thường bỏ đi nơi khác. Nhưng sự tử tế của những người ở đó đã giúp tôi qua được những ngày tháng đầu tiên. Nhất là nhờ ông Bennett. Chính ông đã đề nghị tôi dùng trà với ông mỗi lần một tháng tại phòng làm việc của ông.

Trong những ngày cuối tuần, tôi nhận thấy đó là một nơi khác hẳn những lúc cuối tuần khác, với những sinh hoạt đầy ý nghĩa của những nhóm người tụ họp tại mọi nơi. Trong sự lặng thinh và trống vắng của khu vườn, ta hình như chú ý nhiều hơn tới sự dồi dào của bông hoa và cây cối. Từ London mà tới thẳng nơi đây là một chuyện hi hữu, và nghe ông B bàn luận về những đề tài mà tôi thích -thánh địa Chartres, nhà thơ Rumi, Thánh Tereza- là điều tôi luôn mang ơn ông. Nếu thiếu những lúc đó thì chắc chắn tôi bỏ đi nơi khác, mà mất cơ hội gia nhập Subud và nhiều lần nghe Bapak nói chuyện.

Có lần tôi đến phòng làm việc của ông thì thấy nó trống vắng, nhưng tôi có thể nghe thấy tiếng nói ông. Ông đang nằm ngoài ban-công, trên mình ông hầu như có đầy những con chim bồ câu màu trắng, và ông đang nuôi ăn cho chúng với bàn tay mình. Khi ông cất mình để chào đón tôi, các con chim cũng cất mình, và đó là sự vỗ cánh của những con chim che lấp ánh mặt trời trong lúc lao nhanh lên trần nhà. Ông tung lên không khí nắm tay cuối cùng bao gồm những hạt thóc.

“Cậu coi đây này“, ông nói, “có người đã tặng tôi cái này cho sinh nhật tôi.“ Ông B lấy lên từ bàn một bản khắc bằng a-xít để đặt nó vào một cái khung. Đó là cảnh *Cất Bao Đầu Quy* của họa sĩ Rembrandt trong đó cha mẹ đưa bé Giê-Su đang khóc đưa nó cho một ông lão thực hiện cái nghi thức đó.

Khi tờ *Subud Chronicle* phát hành ông B kêu tôi (và vài người khác) giúp ông, và chuyện lật vật đó đã đều đặn xảy ra trong nhiều năm. Ngày tháng trôi qua, dần dần có những liên hệ trên khắp thế giới với những anh chị em Subud đã chịu khó tốn thời gian mình thuật lại về sự xuất hiện của Subud trong đời họ, về sự xúc động của họ khi Bapak tới thăm.

Tuy với nhiều thiếu sót, những số *Chronicle* đầu tiên có một vẻ tươi mát và trong trắng nhưng không vì vậy mà thiếu giá trị. Những phương tiện của chúng tôi không có là bao, nhưng điều cốt yếu là tạo nên một đường dây liên lạc cho Subud đang bành trướng khắp thế giới. Nếu được khen thì cũng bị chê: tôi phải quan tâm nhiều hơn tới những gì xảy ra chung quanh mình. Có những tên tuổi và khuôn mặt chợt nhớ tới: Bill và Eddie, những người bạn xưa kia ở Glasgow, Marius, một trong những phụ tá đầu tiên do Bapak đề cử ở Coombe. Sau này, anh bỏ tập trong khoảng 20 năm, rồi một hôm nọ xúc động điện thoại cho tôi hay latihan vẫn còn hoạt động. “Nơi nào,” anh hỏi, “có một nhóm Subud gần đây?” Còn có Frank là người thích latihan tới nỗi anh muốn cho nó không bao giờ ngừng; John, một kẻ chỉ ăn chay, đã do dự không biết có nên theo hay không, và cuối cùng đã bỏ cuộc vì Bapak ăn thịt; Charles thì luôn mang theo mình một chiếc cặp đầy nhóc giấy tờ trên đó anh viết những chữ Indonesia với nghĩa tiếng Anh của chúng; Norman thì có một cục bươu trông như một trái cam nhỏ bé trên đầu, và nó đã biến mất sau khi Bapak tập một latihan bên cạnh anh tại một bệnh viện ở Anh.

Tất nhiên là có cả người đẹp Eva Bartok mà sự lành bệnh ‘ki diệu’ đã làm cho báo chí của cả nước vây hãm Coombe: trong nhiều tuần lễ khiến bực bội, các kí giả và nhiếp ảnh viên như những con chim sẻ đã bất ngờ xuất hiện từ những bụi cây.

Khi nghe tin Bapak phải trở về Indonesia, tôi chỉ có một ý nghĩ, một mong ước duy nhất: mình phải làm gì để tiếp tục có latihan và luôn cảm thấy nó bên cạnh mình. Trình độ hiểu biết của tôi là như vậy.

Bapak gần gũi tất cả chúng tôi trong những tháng vừa qua, khiến tôi không thể chịu đựng cái ý nghĩ là người sẽ ra đi. Buổi nói chuyện cuối cùng trong lúc lần đầu tới Coombe của Bapak xảy ra trong một phòng mới xây và đầy nhóc người, với nhiều hội viên chen chúc trong những phòng giữ mũ áo, nơi họ nghe được tiếng nói của Bapak qua một cánh cửa. Tôi đến sớm lấy chỗ ngồi giữa hàng ghế thứ tư, ngay phía trước chỗ ngồi của Bapak, vì quyết tâm không để mất bất cứ lời chỉ thị nào, hay bất cứ gì khác. Cái thông điệp của Bapak nghe thật rõ và lớn tiếng: “Hãy chân thành và đều đặn tập latihan hai lần mỗi tuần, rồi thì Thượng đế sẽ làm

những gì còn lại.“

Khi Subud đã có cơ sở vững chắc, chúng tôi được phép mỗi tuần tập thêm một latihan ở nhà. Hồi đó tôi có một chứng nghiệm chứng thực chân lí những lời nói từ biệt của Bapak.

Hôm đó là một buổi tối giá lạnh. Tôi bật lò sưởi bằng điện nơi giường ngủ và bắt đầu tập latihan. Đầu tiên là các ý nghĩ cứ cuộn cuộn tuôn ra trong hình thức của đối thoại; tiếp theo là những ảnh tượng về Chúa Giê-Su hiện ra trong latihan, nhưng tôi tự hỏi không biết đó có là sự thật hay không. Đặc biệt Chúa Giê-Su lại là một tượng nhỏ bằng thạch cao tuyết hoa, chung quanh có những con chim màu trắng. Tất cả chỉ là tưởng tượng? Khi tôi càng hoài nghi thêm, điều đó chợt được kiểm chứng. Tôi được khiến cho quỳ trên đầu gối, và từ đáy lòng mình có một câu trả lời được đặc biệt nhấn mạnh: “Chính là Chúa Giê-Su, chính là Chúa Giê-Su!”

Tôi như một tượng đá: cứng đơ, lạnh ngắt, bất động và trơ trơ. Có gì đó bên ngoài tôi đang nhìn cái chứng nghiệm đó một cách rõ rệt và không xúc động: địa ngục phải là như vậy. Trước mặt tôi là một quang cảnh bao quát với miệng một con cóc kinh khiếp, và từ đó là một cái chân mỏng manh đu đưa của con người. Tôi kinh khiếp giật mình. Ngay sau đó, tôi được khiến cho hiểu được rằng mình phải nhiều lần xuống địa ngục cho tới khi con cóc ghê tởm đó được chuộc tội.

Trong lúc latihan tiếp diễn, tôi ý thức được chiếc giường nhỏ bé trần tục của mình trên đó mình quỳ tràn ngập ánh sáng màu trắng rực rỡ từ một cội nguồn bên ngoài. Tôi ngồi trên gót chân, mắt tuy nhắm chặt nhưng là rộng mở. Ánh sáng đó làm hoa mắt, và có vẻ như mang hình dạng một sự hiện diện hùng vĩ và mệnh mông bay vọt phía trên tôi, xuyên qua trần nhà vào một nơi xa xôi trong bầu trời ban đêm.

Khi đập trán mình trên sàn nhà, tôi chợt nhận thức được (và không thể chịu đựng) là mình đang trước đôi chân của Chúa Giê-Su. Ngay trước mặt mình, tôi có thể đụng vào nhưng không dám. Tôi được đưa lên trên cao, hai cánh tay dang ra. Và như trở nên bất tỉnh.

Tới lúc đó thì tôi bắt buộc, trong cơn lạnh của thời gian, phải xin tha thứ cho những sự tự lờng gạt mình, tự tăng bốc mình, những

điều không thể không làm bất cứ lúc nào dùng ngôn từ. Trong việc này tôi chỉ là một chứng nhân. Không gì khác hơn.

Khi tôi có thể thuật lại cho Bapak (lần kế tiếp tới Coombe Springs) nghe những gì xảy ra trong cái latihan đầu tiên đó, điều Bapak đáp làm cho đầu óc và tim can đáng thương của tôi được yên nghỉ: “Bạn đã trông thấy Chúa Giê-Su khi thành tâm hối cải”

Ba mươi năm sau đó, tháng 6 năm 1987, là một sự mất mát cho các anh chị em Subud trên khắp thế giới. Không biết những gì đang xảy ra tại Indonesia, tôi lên giường ngủ tin chắc mình sắp chết. Điều đó không như bất cứ gì tôi đã từng nghiệm được. Có một sức nặng bằng chì không biến mất đè trong thần trí tôi. Thức dậy lúc ban đêm, tôi tin chắc là mình sắp chết. Nhưng tới buổi sáng, tôi ăn sáng như thường lệ. Trong ngày đó, Olivia điện thoại cho tôi là Bapak đã qua đời.

Tôi điềm nhiên nhận cái tin đó, nhưng cũng phải ớn lạnh ngạc nhiên về cái chứng nghiệm đêm trước đó. Tôi lên lầu làm latihan trong vài phút. Những lời nói không cầu xin này nhanh chóng tuôn ra: “Xin Chúa ban ân phước cho Bapak, xin Chúa ban ân phước cho Bapak, xin Chúa ban ân phước cho Bapak”.

Công thức bí truyền

Livingston Dodson (Hoa Kỳ)

Tình trạng là như thế này: sau khi thành hội viên Subud, tôi tập latihan trong hai năm mà không nhìn thấy Bapak. Vợ chồng tôi vẫn còn sinh sống tại Los Angeles, nơi chúng tôi được khai mở. Đó là trong năm 1962, và tôi vẫn còn làm việc cho một công ty nghiên cứu quốc phòng.

Có hai điều xảy ra làm cho đời tôi thêm màu sắc trong 5 năm tiếp theo. Điều thứ nhất là tôi viết thư cho Bapak những gì tầm thường như hỏi về thiên hướng mình. (Trong thâm tâm, động lực của tôi không là muốn biết câu trả lời, mà là có một bức thư của Bapak để cất giữ cho con cháu mình đọc). Thư hồi đáp của Bapak hoàn toàn không đề cập tới câu hỏi đó, mà chỉ nói là tôi nên sinh sống ở New York. Tôi hơi bàng hoàng, nhưng dù sao thì cũng cất bức thư đó vào bàn giấy mà không thắc mắc về ý nghĩa của nó.

Biến cố thứ hai liên quan tới công việc của tôi. Tôi không hài lòng với những phương cách phân tích của các đồng nghiệp, nên thường tìm cách phân tích và tiên đoán hệ quả của những hệ thống xử lí thông tin rất phức tạp. Tôi đi tìm cái gì đó mới mẻ, nhưng cái đó thì chưa có. Tôi tự hỏi không biết mình có thể hay không phát biểu một lối tiếp cận mới mẻ nào đó.

Điều đó quay cuồng trong đầu óc tôi trong khoảng một tháng, nhưng chẳng có kết quả gì. Một hôm nọ, trong lúc tôi nằm trên đĩ-văng trong phòng khách sau khi đi làm về, đầu óc tôi vẫn còn tập trung vào vấn đề đó. Tôi đang vẽ trong đầu mình những biểu đồ đi tìm đáp án, thì điều đó chợt xảy ra.

Ban đầu, tôi không hay là mình đã được đem tới một không gian nào đó khác. Tôi vẫn còn tập trung vào những đồ họa của mình, nhưng lần này thì chúng được phác họa trên một bức tường cao hơn một mét, còn tôi thì thẳng đơ đi đi đứng đứng phía trước những họa đồ. Tôi vẫn còn đang đi thì chợt có một tiếng nói: “Hãy đi vòng quanh bức tường”.

Tôi cảm thấy nếu làm thì chẳng thiệt thòi gì, nhưng dù sao thì cũng trông thấy một cổng tường ngay phía trái các biểu đồ. Tôi đi qua cổng tường đó. Nơi đó tôi trông thấy toàn bộ một quang cảnh đẹp vô cùng, khác hẳn về đực mờ có giới hạn của bức tường và những họa đồ nguệch ngoạc. Tôi thấy mình trên đỉnh một ngọn đồi dốc xuống một bãi biển. Điều khiến tôi thích biển đó là rượu, chứ không là nước, và nó trải ra tới chân trời.

Giữa tôi và bãi biển là một vườn nho, và chính đó là nơi tôi bắt đầu đến gần, bằng cách bước xuống đồi. Trong lúc tới đó, tôi nhận thấy một nhà gỗ nhỏ duyên dáng theo kiểu cũ xưa. Từ đó một bà lão nhỏ thó bước ra; bà có vẻ như không màng tới việc tôi đang xoi mói, và chỉ việc làm công việc mình mà không nói bất cứ gì.

Tôi đến vườn nho, trông nó rộng khoảng một héc-ta, và hái một cành nho tôi muốn lấy làm mẫu. Cầm cành nho trong tay, tôi leo lên ngọn đồi trở lại. Trong lúc đang đi, tôi bỏ nho vào miệng để ăn. Ngay sau đó, tôi nhận thấy mình có thể nghĩ tới bất cứ gì mình muốn. Tôi có thể phát biểu bất cứ vấn đề nào theo tưởng tượng mình lựa chọn mà thấy ngay được giải đáp, dù phức tạp tới đâu đi nữa. Nhận thức được điều đó, tôi thử nghiệm hết điều này tới điều khác, và lấy làm vui mừng là một chuyện như vậy có thể làm được.

Tôi lại nghe thấy tiếng nói là ‘Mọi việc có thể làm được với những ai có đức tin ở Người Con của Thượng đế.’

Như cô bé trong truyện *Alice in Wonderland* trở về nhà đi xuyên qua gương kính, tôi ngạc nhiên thấy mình đang nằm trên chiếc đi-văng trong phòng khách. Tôi đứng lên trong trạng thái tôn kính và vui sướng. Tôi không lo ngại là mình không thể nhớ tới chi tiết của những vấn đề mình vừa trông thấy và giải quyết. Tôi hài lòng là mình nhớ lại tất cả quang cảnh và những gì nghe nói.

Trong vài tuần tiếp theo, tôi dần dần có thể lập nên một thuyết

mới, với tất cả các ứng dụng trong lĩnh vực công việc mình. Xong rồi thì tôi bắt đầu viết luận văn dẫn nhập.

Trước khi tôi làm xong, có hai người của MIT (viện khoa học kỹ thuật lớn nhất của Mỹ) đến thăm công ty tôi, và họ là những giám đốc lĩnh vực nghiên cứu của Không Quân. Họ cho hay mình đang thực hiện một sứ mệnh hơi bất thường. Họ đến thăm tất cả các đại học và viện nghiên cứu của tư nhân trên đất nước để tìm xem có những lối tiếp cận mới hay không về toán học liên quan tới cách thiết lập các hệ thống, bởi họ tin rằng hiện nay chưa có những kỹ thuật là tiêu chuẩn. Tôi hết sức sửng sốt khi nghe họ nói, bởi đó chính là điều đã thôi thúc tôi trong những tháng vừa qua. Một cách thận trọng, tôi chờ đợi xem công ty mình sẽ đáp ứng như thế nào.

Ban quản đốc của chúng tôi cho hay là họ không thể nghĩ có gì đó thích ứng với công ty chúng tôi. Sau khi hội họp xong, tôi riêng tư đến gặp hai vị giám đốc đó để sơ lược trình bày cho họ về những ý tưởng của mình là có thể có những ứng dụng cho lý thuyết. Họ cho tôi biết, và sau đó cho vị chủ tịch của công ty, đó chính là điều họ đang đi tìm. Nếu công ty và tôi chính thức viết một đề nghị về công việc, họ sẽ nghiêm túc xét xem có thể tài trợ cho công trình nghiên cứu mới đó.

Đó chính là điều chúng tôi làm, và họ đáp ứng với một hợp đồng cho một năm cho công trình nghiên cứu của tôi và một đồng nghiệp. Trong lúc đó thì có nhiều điều khác xảy ra. Vị chủ tịch của chúng tôi có một chương trình bán trường cái công ty nhỏ bé của chúng tôi ở Los Angeles. Một hôm nọ, vị phó chủ tịch kêu tôi lên gặp trước khi tôi bắt đầu công việc nghiên cứu theo hợp đồng. Ông nói rằng công ty đang tìm cách mở hai văn phòng mới tại ven biển miền Tây, nên cần có ai đó điều hành văn phòng tại Washington DC. Tôi có thích không? Tôi hỏi, vì tò mò, về cái văn phòng thứ hai thì như thế nào. “Ồ, đó chỉ là một văn phòng nhỏ bé gần New York City tại New Jersey.”

Bức thư của Bapak, trước đó tôi thấy không mang ý nghĩa gì, chợt hiện ra trong kí ức tôi. “Bạn nên sinh sống ở New York”. Nên tôi làm bầm nói điều gì là mình thích tới New York hơn, dù họ không cần có bất cứ ai tới đó. Tuy vị phó chủ tịch nài nỉ thuyết phục tôi tới Washington, nhưng tôi quyết định bằng bất cứ cách nào cũng

phải theo lời khuyên của Bapak. Có lẽ sau này tôi sẽ hiểu được lí do. Tôi đáp: “Nhưng tôi thích như vậy, và bởi tôi là người đã khiến cho có cái hợp đồng đó, một công việc có thể làm tại bất cứ đâu, nên để tôi tới New Jersey thì có sao đâu?”

Bực bội tới nỗi gần như không chịu đựng được, vị phó chủ tịch cuối cùng nói rằng ông sẽ cho phép tôi tới đó theo yêu cầu.

Nếu nhìn từ chỗ đứng hiện nay của mình, tôi thấy văn phòng Washington đã sở hữu một cao ốc to lớn, lớn hơn tất cả các chi nhánh khác của công ty đã phát triển khắp đất nước. Văn phòng New Jersey không còn nữa, và nó chưa từng vượt qua cái tầm mức ban đầu là từ 4 tới 5 người. Lời khuyên của Bapak không liên quan gì tới việc tôi trở thành một triệu phú. ‘Chà, chà, bạn sẽ nói, ‘Bapak lo ngại cho anh chàng này, nếu hắn trở thành một ủy viên có quyền hành của ban quản trị, khiến bị gục ngã trước những cám dỗ của chủ nghĩa duy vật. Có lẽ Bapak muốn cho hắn trở thành một nhà khoa học tuy danh tiếng nhưng khiêm tốn’. Nếu bạn đọc tiếp, tôi sẽ làm cho bạn thất vọng về điều đó.

Vợ chồng tôi ăn ở trong một căn nhà thật đẹp tại vùng đồng quê của New Jersey, và mỗi ngày tôi lái xe đi làm cách đó hơn 30 cây số, nơi tôi được tự do làm công việc nghiên cứu trong một năm.

Vấn đề là tôi hoàn toàn không thể làm công việc đó, hay bất cứ ai khác, và tôi cũng không thể để cho bất cứ đồng nghiệp nào của mình hay được điều đó. Dù sao thì tôi cũng phải tạo tác để giữ đúng lời hứa của mình với những vị của Không Quân. Tóm lại thì hồi đó tôi đang cực kì bị khủng hoảng (một trải nghiệm là thanh lọc của hội viên Subud) tuy chưa thành những biểu hiện vô cùng đáng ngại.

Nhưng tôi đã học được cách thích ứng. Chẳng hạn, tôi học được là nếu chống lại với ý chí mình để lấy lại trạng thái bình thường, thì làm như vậy sẽ chỉ gây thêm phiền phức và đổ vỡ cho môi trường mình. Nếu không chống lại và chỉ việc tin là không có gì rủi ro xảy ra cho mình, thì sẽ không có gì rủi ro. Biết được như vậy thật khiến kinh ngạc. Những phản ứng của người khác với tôi là coi tôi như một người bình thường, theo những gì tôi còn nhớ. Tôi có thể hợp lí chuyện trò, đi đây đi đó, đi ăn uống, những gì đại loại như vậy. Điều tôi hoàn toàn không làm được là suy nghĩ. Và đó lại

chính là điều người ta trả tiền cho tôi để làm.

Một đêm nọ, tôi có một giấc mơ hình như là để cho tôi hiểu thật nhiều về tình trạng mình: trong phòng tắm tôi đang rửa sạch cái gì đó trong bồn tắm. Đó là óc não mình. Nhờ một sự kì diệu nào đó, nó được mang ra khỏi đầu tôi. Điều đó có vẻ như không khiến tôi lo ngại hay bị sốc gì nhiều. Tuy vậy, tôi hiểu được rằng đó là một sự xác nhận về những gì mình tình nghi: óc não mình bị bít lại, ngoại trừ cho những nhu cầu cơ bản nhất, để sửa chữa và rửa sạch những gì là chánh yếu.

Tôi thuê một người bạn, một nhà toán học, để trợ giúp mình với hợp đồng nghiên cứu. Tới lúc đó tôi phát huy được một đường lối về tất cả những gì phải làm (như ngồi nơi bàn làm việc với giấy tờ, v.v...) và để cho những gì xảy ra cứ việc xảy ra, dù xấu hay tốt. Nên một ngày làm việc của tôi gồm việc trước hết là chúng tôi đã tới đâu trong lúc này, để quyết định những gì nên làm sau đó. Kế đến là mỗi người chúng tôi đi theo đường hướng mình, cho tới khi có một kết quả đáng bàn luận.

Điều khiến kinh ngạc là sau đó khi trở về nơi bàn giấy của mình, tôi thường tiếp nhận được, một cách hoàn toàn bất ngờ, những chứng minh của cái định lí cần cho sự hỗ trợ cái cơ cấu lí thuyết mà chúng tôi lập nên. Trong suốt năm chúng tôi làm việc theo cách đó, và không ai hay được là tôi không thể suy nghĩ. Đầu óc tôi có latihan trong 24 tiếng, và đó chỉ là từ mi mắt trở lên, chứ không là những phần khác của cơ thể. Cho cơ thể tôi phải tập latihan với nhóm New York City.

Trong vòng một năm biên bản chung cuộc được trao cho các nhà bảo trợ của Không Quân, và họ xác nhận đó là những gì họ mong đợi. Họ liền phân phát nó cho mạng lưới những thầu khoán và những cục sở liên hệ tới quốc phòng.

Năm 1964 Bapak đi thăm khắp Âu Châu; cái hội đồng nhỏ bé của chúng tôi, Hội đồng Subud Quốc tế, quyết định chúng tôi nên dùng cơ hội đó để đi cùng với Bapak. Đó là một thời gian tuyệt vời được nghe những nói chuyện của Bapak và gặp những hội viên Subud ở Pháp, Đức, Thụy Sĩ và Áo.

Nơi đó là một biệt thự nhỏ bé rất đẹp của một hội viên, trên những ngọn núi của Thụy Sĩ là nơi tôi đứng trên bờ vực một sự 'khủng

hoảng'. Trong lúc đi đây đó trong biệt thự để làm công việc quản trị, tôi đi ngang qua cánh cửa căn phòng trong đó Bapak đang ngồi. Người ra hiệu cho tôi vào. Bapak phải một trong những hầu cận của mình đi kêu những người khác trong nhà.

Có khoảng 20 người tụ tập trong phòng lúc Bapak bắt đầu nói chuyện. Có những truyện về Adam, về cái ngôn ngữ đầu tiên, sơ khai, Bapak nói đó là cái ngôn ngữ phổ thông, và về những nền văn minh cổ xưa. Bapak nói là muốn làm một chút trải nghiệm với chúng tôi: "Ốc nảo các bạn như thế nào nếu nó quay ngược chiều kim đồng hồ?" Không ai trong chúng tôi cảm thấy mình tiếp nhận được một chút gì. Chúng tôi chỉ an phận là mình chưa tới cái tình trạng đó.

Khi tôi trở về New York, những điều về sự triển khai cái 'Công Thức Bí Truyền' vẫn còn xảy ra. Người ta mời tôi dự nhiều hội luận chuyên đề trong đó công việc của tôi và những gì liên quan của những người khác được bàn luận. Tất nhiên là trong những lúc đó tôi trong tình trạng 'sương mù của thiên đàng', và chắc trông như một kẻ ngu ngốc đối với các đồng nghiệp. Có một buổi hội nghị đặc biệt có thanh thế, với khoảng 100 nhà khoa học có uy tín của chính phủ và công nghiệp, tại một nơi suối nước khoáng, để bàn luận những gì kế tiếp cho công việc nghiên cứu. Tôi không nộp một bài luận văn nào, tuy nhiên bài nộp đều dựa trên bài của tôi. Điều khiến ngạc nhiên: thuyết của tôi cho thấy là có thể dùng cho những vấn đề của thực tế.

Kết quả là có thêm nhiều hợp đồng, trong đó có những cái tôi tham gia với đồng nghiệp trước đây của mình. Một hôm nọ, tôi hết sức sửng sốt, khi có một kẻ không quen biết tới văn phòng mình do sự giới thiệu của một đồng nghiệp gần New York City. Kẻ đó nói rằng mình ngưỡng mộ công việc của tôi tới nỗi đã khiến cho đại học mình lập nên một ban khoa học chuyên triển khai thêm những ứng dụng cho thuyết của tôi. Đương sự còn nghĩ là nên yêu cầu tôi làm vị chủ tịch đầu tiên của ban đó. Tiền bạc không thành vấn đề. Tôi còn biết nói gì nữa đây? Điều đầu tiên tôi nhìn thấy là chính mình cầm đầu một ban mà trông như một kẻ khờ dại, tôi biết mình là như vậy, tuy muốn giấu kín. Tôi nói: "Để tôi nghĩ kĩ lại, tôi sẽ cho ông biết sau".

May mắn là trong lúc về nước, Bapak có mặt tại New York City.

Tôi lợi dụng cơ hội để hỏi Bapak, và đã hỏi điều gì như: “Công ty tôi đã cố sức tìm cách chuyển tôi tới Washington DC. Nhưng tôi đã chống lại điều đó, vì công việc ban quản trị ở New York. Tôi có nên tiếp tục chống?” Tôi mong đợi Bapak nói “Nên” nhưng người lại nói: “Bây giờ thì bạn nên chuyển tới Washington”. Tôi không nói với người về cái đề nghị tặng bổng mình của đại học, bởi người đã nói thêm: “Bằng mọi cách bạn không nên làm việc gần New York”.

Bị khước phục vì tất cả những điều đó và âm thầm yên tâm, tôi nói với nhân vật tốt bụng của đại học là mình không thể nhận đề nghị của ông. Tôi đem thân mình tới Washington, và mỗi cuối tuần lái xe tới New Jersey. Bapak đã cứu mạng tôi để tôi không trở thành một nhà khoa học danh tiếng, hay một nhà triệu phú.

Nhưng tôi có thể than trách gì đây, và tôi đã không than trách, vì mọi việc trước hết không là do những gì mình làm? Tôi chỉ muốn đi lang thang, và lấy làm sung sướng vì bộ óc siêu tiện lợi của mình. Tuy nó không hoạt động nhưng có nó cũng thật vui thú.

Vị Tôn Sư từ phương Đông

Indumati Conway (Canada)

Năm 1954, qua một người bạn quen biết ở Manchester, Anh quốc, nơi tôi là sinh viên, tôi được dẫn tới ngưỡng cửa của viện *Institute for Comparative Study of History, Philosophy and the Sciences*, một cái tên nghe rất kêu, khiến cho bất cứ ai cũng cảm thấy mình tầm thường, nếu muốn biết trong đó học tập những gì, và trình độ học vấn phải ra sao nếu muốn được nhận làm học viên.

Tuy thế, viện đó là một là một nơi chốn hết sức thú vị gồm một khu đất khoảng 3 héc-ta, với những bãi cỏ thật đẹp, một cây sồi tuổi hơn trăm năm, một vườn hoa hồng bài trí đẹp mắt, một suối nước duyên dáng uốn khúc qua khu đất, và một tòa nhà thời nữ hoàng Elisabeth. Nơi giữa là một tòa nhà thanh lịch thời vua Eduard, với những căn nhà nhỏ bé và những phòng ngủ tập thể cách căn nhà chánh diện. Một ao nước làm tăng thêm vẻ đẹp của mặt đất.

Lúc tôi tới là lúc có một hội thảo cuối tuần, và có đủ hạng người đang làm những gì là nhiệm vụ mình. Nhìn họ tôi thấy rõ mỗi người trong họ đang trải qua một cơn thử thách nào đó của nội tâm, và vị giám đốc của viện, John G. Bennett, sẽ không làm cho họ dễ dàng giải quyết được cơn thử thách đó. Mỗi người phải tự

mình tìm thấy đáp án làm nhẹ bớt những gì mình đang trải qua. Tôi không biết gì nhiều về ‘phép tu’ của Gurdjieff, thậm chí ngay cả về sự lộn xộn mà phong trào đang trải qua. Hiển nhiên đang xảy ra một công cuộc đi tìm cách hiểu được ‘Tôi là ai?’ và ‘Vị trí trong vũ trụ của tôi là gì?’ Không cần phải có một học vị đặc biệt nào để theo ‘phép tu’ của Gurdjieff, ngoại trừ cái thiên tư là muốn hiểu biết chính mình. Nếu thấy được thôi thúc thì có thể gia nhập các khóa học.

Khi tôi tới Ấn Độ định cư, John Bennett, vì những lí do nào đó, vẫn còn liên lạc với tôi. Có lẽ ông mong tìm thấy một tôn sư ở Ấn Độ? Gurdjieff đã không từng nói hay sao vị tôn sư tương lai sẽ đến từ phương Đông?

Một hôm nọ, tôi không được báo trước, Mariani tới nhà tôi tại Bombay lúc giữa đêm nói rằng chị có một thông điệp của John Bennett cho tôi. Chị từ phi trường -cách đó 27km- lái xe thẳng tới nhà tôi.

Thông điệp là có một vị tôn sư từ phương Đông mà mọi người chờ đợi đã tới Anh, và Bennett sẽ qua Ấn Độ trên đường tới Sri Lanka và Úc, để cho thiên hạ hay vị tôn sư mới đó sẽ sắp tới thăm họ. “Vây hả, tên ông ấy là gì?” tôi hỏi Mariani. “Tên ông là Bapak,” chị đáp. “Nghe như một cái tên Ấn Độ”, tôi nói. “Không” chị nói, “ông là Muhammed Subuh, một người Hồi giáo từ Indonesia, ông gọi con đường của mình là *Susila Budhi Dharma*”. Mariani cũng kể cho tôi về sự lành bệnh kì diệu của Eva Bartok, và về việc báo chí trên khắp thế giới đã đầy đủ thuật lại chuyện đó. “Thật kì ngộ” tôi nghĩ. “Một người Anh đi quảng cáo cho một vị thánh Hồi giáo, và vị đó lại có vẻ như bị ảnh hưởng bởi những quan niệm của đạo Hindu!”

Vài tháng sau đó, Bennett tới Bombay. Bowman Behram, một nhà báo là bạn của Varindra Vittachi và biên tập viên của tờ Eve’s Weekly, là người đón tiếp Bennett. Sau khi đem Bennett tới trọ tại một khách sạn 5 sao, Bowman tụ tập tất cả các bạn bè có thể lực mà mình liên lạc được, để mời họ tới dự một buổi nói chuyện của Bennett tại căn hộ trang nhã của mình. Bennett nói tới Bapak và latihan, đề nghị “khai mở” cho bất cứ ai muốn thử. Chỉ có một người tình nguyện -chính tôi. Tôi mời Bennett tới nhà gặp song thân mình.

Bố tôi lập tức miễn Bennett. Mẹ tôi, sức khỏe không được tốt, lấy làm thích thú về cái chiều cao và thái độ của bác sĩ với bệnh nhân của ông. Bà rất xúc động khi Bennett nói là sẽ rất có thể làm cho bà lành bệnh.

Năm 1958 Bennett viết thư cho tôi nói là Bapak đang ở Sri Lanka, và tôi nên tới đó để được “khai mở”. Vậy thì Bapak sẽ không còn tới Ấn Độ nữa -lần này thì không. (Nhưng sau đó thì đến) Tôi đến Sri Lanka nhưng bỏ mất cơ hội nhìn thấy Bapak trước đó một ngày, vì Bapak và đoàn tùy tùng đã chuyển tới Singapore.

Trụ sở Sri Lanka, một căn nhà ấn tượng, thì trống vắng, nhưng vẫn còn khoảng 100 hay 200 người được khai mở lúc đó mà vẫn còn quanh đó. Bởi không còn phòng trọ nào của hội viên cho tôi, nên Varindra cho tôi vào trọ căn nhà của một hội viên Sri Lanka, nơi có Ibu và Bapak.

Subud náo nhiệt vì những chuyện về Bapak, Ibu và Icksan Ahmad trong những ngày tháng đầu tiên của Subud tại Indonesia.

Trong ngày sau khi tôi được khai mở có một điện tín tới trụ sở báo tin Icksan đã qua đời ở Singapore.

Bennett, luôn bận việc, tổ chức Hội nghị Subud Thế giới Thứ Nhất tại Coombe Springs trong năm 1959. Có hơn 1300 người trên khắp thế giới tới dự Hội Nghị. Một túp lều rất lớn được cất lên trên mặt đất, và một tòa nhà rộng lớn chín cạnh, một Djamichunatra, được cọ rửa sạch sẽ, sàn nhà được trải thảm cho latihan. Người nhà của Bapak và một vài phụ tá Indonesia cư ngụ trong căn nhà chánh diện mà những người ở Coombe gọi là Cánh Tây (West Wing).

Những gì xảy ra thật không thể tưởng nổi. Hàng trăm người tới Coombe Springs trong 10 ngày kế tiếp để được “khai mở” và nghe Bapak nói chuyện. Có đủ hạng người, từ giới quý tộc Anh tới những tài tử điện ảnh của Hollywood, kể cả những dân chuyên nghiệp thuộc đủ ngành. Có một nhóm Subud tỏ vẻ đặc biệt, nhóm người Đức. Người dẫn đầu nhóm, Richard Engels, thường tụ tập những con chiên của mình dưới một cây sồi lớn, để nghiêm trang bàn luận về những gì xảy ra trong ngày -bằng tiếng Đức, tất nhiên.

Bapak, đáng lí ra chỉ ở Anh trong hai tuần, lưu lại hai tháng rưỡi

trước khi trở về Indonesia qua Đức và Ấn Độ. Tôi có một việc làm ở trung tâm London, nên ngụ tại Coombe.

Bapak trở về Anh trong năm 1961, nhưng mọi việc đã thay đổi. Có những buổi latihan, những buổi nói chuyện, với nhiều người tham dự, nhưng tình hình không như trước. Tất cả chúng tôi hay được là John và Elisabeth Bennett không còn là hội viên Subud nữa, vì họ nhận thấy latihan không thích hợp với những gì họ bắt đầu nghiên cứu về trạng thái xuất thần, và không đáp ứng được những gì họ mong đợi, tuy họ mang ơn những gì đã tiếp nhận. Bước đi kế tiếp là họ yêu cầu mọi người rời khỏi Coombe Springs. Vậy nên, Subud phải hoạt động bên ngoài London, và một nơi tập được tìm thấy ở miền Nam Kensington.

Bennett vẫn còn theo lối tu của Gurdjieff với những nhóm của ông, rồi giao Coombe Springs cho một tôn sư Sufi tên là Idries Schah, và một vài năm sau đó thì nhân vật đó đem bán nó đi. Cái Djamichunatra bị gỡ xuống, và một khu vực quy hoạch làm khu dân cư được xây cất trên khu đất độ 3 héc-ta. Tất cả những gì còn lại của Coombe Springs là một cây sồi lớn và tòa nhà thời nữ hoàng Elisabeth. Cặp Bennett chuyển tới Sherbourne.

Quen biết Bapak và người nhà Bapak là một đặc quyền, tuy họ không ở Coombe Springs trong một thời gian dài lâu. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian ngắn ngủi đó, họ đã để lại dấu ấn của mình, tới cả những học giả Tây phương tiếp xúc với họ. Bapak là một người cha hơn là một trí thức. Thông điệp của người thật đơn giản và kĩ thuật của latihan thì dễ hiểu được.

Lòng thương cảm đối với mọi người và sự khiêm tốn tột cùng của Bapak là nhãn hiệu một thánh nhân, tuy sống như một người bình thường. Tôi thấy có những người vào phòng Bapak để hỏi chuyện, rồi bước ra ngoài trong trạng thái bị khuất phục, ngay cả đang khóc. Tôi có lần hỏi Bapak cái khuyết điểm thông thường nhất của loài người là gì; chỉ trong vài giây Bapak đáp: "chê trách người khác về những khuyết điểm của họ".

Hiện nay tôi thấy mình là một kẻ rất hạnh phúc, không mong muốn thuộc bất cứ tổ chức nào, không ham muốn bất cứ gì, có một gia đình hạnh phúc và bạn bè khắp nơi.

Chiều hôm đó trên một chuyến xe lửa

Harlinah Longcroft (Úc)

Một buổi tối nọ, sau latihan, các hội viên đang ngồi uống trà tại phòng bếp của Hội ở Auckland, thì có ai đó hỏi một vị trong phái nữ là điều gì đã khiến chị vào Subud. Chị kể lại như sau.

Lúc đó vợ chồng chị tìm cách thiết lập một trung tâm tâm linh rộng khoảng hơn một héc-ta tại vùng Caribbean. Họ luôn nghĩ rằng nếu thuộc về một chủ thuyết hay một giáo phái đặc biệt nào đó, thì như vậy là quá hẹp hòi, thậm chí khá ấu trĩ. Tất nhiên họ đã nghe nói tới Subud, vì là hạng người luôn nghe nói tới mọi chuyện.

Một buổi chiều nọ trong lúc ngồi ngoài trời, chung quanh là biển cả và những hòn đảo vô dân cư, chị nhắm mắt lại để thâm sâu nhập định. Đột nhiên chị nhận được một thông điệp của nội tâm là phải rời bỏ nơi chốn tươi đẹp này để tới Anh, nơi mình sẽ gia nhập một tổ chức hay phe nhóm nào đó. Tổ chức đó là gì thì không được tiết lộ.

Chị cầu nguyện đại loại như sau: “Lạy Chúa, nếu muốn con làm điều đó, xin Chúa hãy cho con một vé máy bay, vì lúc này, như Chúa đã biết, con không có tiền”.

Sáng hôm sau, một thuyền đánh cá mang tới một điện tín của bà mẹ chị. “Con yêu, con tha thứ cho mẹ, hòn đảo nơi con ở không

máy thoải mái. Mẹ mong con tới thăm mẹ, thay vì mẹ tới thăm con! Nên mẹ tức khắc gửi cho con một vé máy bay”.

Hành trình không phải đi là tới liền. Vé máy bay tại một hòn đảo rất xa miền Nam, một vài ngày sau đó máy bay của chị đã bay qua Anh. Hãng máy bay xin lỗi, cho chị lên một máy bay khác đậu xa hơn ở miền Nam, tại Barbados. Chính nơi đó trong một khách sạn chị gặp một nhà tu hành. Vì không biết Thượng Đế sắp đặt như thế nào nên chị nói với vị đó về công cuộc đi tìm của mình. Ông cho chị một số điện thoại để thử xem khi chị tới London.

Một vài ngày sau đó, chị điện thoại như được đề nghị và nhận thấy mình đang nói chuyện với một nhà tu hành giáo hội Anh, một kẻ tăm tiếng hiểu biết về huyền học. “Làm sao chị tìm thấy tôi?” ông hỏi. “Đây là lần đầu tôi tới London trong 3 năm, và tôi chỉ mới tới nơi đây trong 6 tiếng đồng hồ”.

Nhà tu hành đó phái chị tới một trung tâm của giáo hội Anh về sự trị bệnh dựa vào tâm linh, để coi xem công việc đó có là thiên khiếu của mình hay không. Trung tâm đó có nhiều người trị bệnh, và nhân vật nổi tiếng nhất là một phụ nữ đã lành bệnh nhờ một phép màu. Trong lúc nhân vật nữ đó phỏng vấn chị, có một sức mạnh tâm linh mạnh tới nỗi hầu như có thể thấy được. Tuy nhiên, trong lúc giao tiếp bằng ngôn từ, có một hố sâu giữa họ rộng tới nỗi khiến họ không thể hiểu nhau.

Nên chị tiếp tục đi tìm -nhưng lần này thì khác. Trên chuyến xe lửa trở về London, chị nghe thấy có gì đó nói trong tâm mình: “Bây giờ người phải bắt đầu phó thác ý nghĩ mình cho Thượng Đế”.

Nhà tu hành nói trên đề nghị chị nên học hỏi về huyền học Thiên Chúa giáo, về Thánh John of the Cross và Thánh Teresa of Avila. Tại nhà bà mẹ mình, chị dùng phần nhiều thời gian mình đọc những tác phẩm của những vị thánh đó và quy thuận Thượng Đế qua mặc niệm. Đặc biệt, chị tìm cách phó thác những ý nghĩ của mình. Điều đó khiến xảy ra một điều gì tự động.

Một buổi sáng nọ, trong lúc mặc niệm và phó thác những ý nghĩ mình, chị chợt trông thấy một biểu tượng thật lớn của sự sống nhập vào đầu mình. Khi điều đó xảy ra, có gì đó nơi chị nói: “Hôm nay người sẽ tìm thấy điều người phải theo”.

Uống trà buổi chiều với bà mẹ mình là điều phải có trong đời chị. Trong ngày đặc biệt đó, cô em dâu mẹ chị dẫn tới một người bạn. Nhân vật đó là một chiêm tinh gia tài tử. Trong lúc dùng trà, ông nói mình tin rằng chị sắp theo một môn gì đó, và ông cảm thấy đó là Subud. Chính ông cũng muốn tìm hiểu Subud vì là một môn đồ của lối tu Gurdjieff. Sau khi dùng trà xong, bà dì và ông bạn bà ra về; mẹ chị liền hỏi: “Mẹ lấy làm lạ là điều gì đã khiến họ đi hơn trăm cây số tới đây dùng trà”.

Lúc nào đó tối hôm đó, chồng chị điện thoại từ London. Hôm đó anh tới thăm một người bạn trước kia của mình, và nhận thấy người bạn đó sắp lên đường tới Coombe Springs. “Mau lên xe, anh bạn già. Đang có một Hội Nghị Subud nơi đây. Ngay trên đường phố nơi anh”. Sau một ngày tại Hội nghị Subud Thế giới Thứ nhất, chồng chị nộp đơn xin được khai mở.

Chị không phải đợi 3 tháng theo thông lệ để được khai mở, vì phải về nước trong vòng vài tuần. Điều thật kỳ lạ là ngày chị vào Subud lại xảy ra đúng 3 tháng sau lúc chiều trên xe lửa, lúc chị tiếp nhận được là mình phải phó thác những ý nghĩ mình.

Trải nghiệm sự kì diệu

Stephen Thomson (Anh)

Tôi đã có đó khi Subud tới Anh. Tôi đã có đó ngày 23 tháng 4 1957, khi Bapak tới, và bởi có đó ngay nơi đó và ngay lúc đó nên tôi được khai mở. Tôi nhận được sự giao tiếp với quyền năng của Thượng Đế. Tôi được khiến cho có thể bước những bước tiến đầu tiên đi vào thế giới tâm linh trong khi còn sống.

Những ai nhận được ân phước đó thì không nói gì nhiều về nó, hay về những gì Subud đã làm cho họ. Tôi nghĩ như vậy là đúng. Diễn đạt bằng từ ngữ một đặc ân của Thượng Đế là hạ thấp nó xuống trình độ của trí óc mình. Tuy thế, điều này là tự nhiên nếu thiên hạ hỏi: lợi tức là gì? Tiền lương là bao nhiêu? Tôi thấy sự tiến bộ trong đời sống tâm linh là điều rõ được nhận thấy bởi những kết quả thực sự. Không có gì là mơ hồ và tưởng tượng. Sự việc xảy ra hay không xảy ra. Ta nhận được của Thượng Đế hay không nhận được. Chẳng được việc gì nếu ngụy tạo, chẳng được việc gì nếu tưởng tượng, chẳng được việc gì nếu mơ tưởng. Thực tại của trải nghiệm tâm linh không thể sai lầm.

Tôi tin rằng kể từ lúc khai mở, chúng ta trải nghiệm sự kì diệu; có điều gì đó xảy ra cho mình, điều vượt ngoài giới hạn những trải nghiệm hằng ngày của con người. Mỗi lần tập latihan và cử động, không theo cách thông thường, mà là được làm cho cử động, là hét hay ca hát bởi quyền năng của Thượng Đế -với tôi thì đó là một phép màu. Latihan là một sự việc hoàn toàn tự nhiên, và mỗi lần muốn hỏi Thượng Đế mà nhận được một giải đáp, thì đó đúng là một phép màu.

Những cái đó không thể xem thường, tuy tôi coi đó là thông thường dù đã hơn 30 năm trong Subud. Bởi nếu không thì tôi sẽ nghĩ mình là một kẻ rất đặc biệt. Tôi không có gì đặc biệt; tôi chỉ được ban phước một cách không thể ngờ tới.

Đương nhiên, trong Subud không thể không có những gì là Dấu Hiệu của sự Kì Diệu. Tôi không biết gì nhiều, nhưng nhiều hội viên Subud khác đã riêng tư nói cho nhau về những trải nghiệm thực sự kì diệu vượt ngoài mọi lô-gích, mọi định luật thiên nhiên, mọi sự mong đợi và có khả năng xảy ra. Mục đích những trải nghiệm đó là nhắc chúng ta nhớ tình trạng mình vẫn còn nông cạn, và cái ân huệ ban cho một người hoàn toàn quy thuận Thượng Đế thì không tùy thuộc việc người đó đã được khai mở trong bao lâu. Bản tính và giáo dục mình hạn hẹp nên tôi không thể mô tả chi tiết về điều đó. Nhưng có lẽ tôi sẽ gợi ý cho bạn hiểu được với hai chuyện đơn sơ dưới đây.

Một buổi sáng nọ, tôi đang đi trên con đường Regent Street ồn ào và đông người của London, và đang nghĩ tới những gì là tuyệt vời như sắp đi ăn uống hay đi mua một đôi vớ, thì chợt tất cả những tiếng động của xe cộ và tiếng lộp cộp của hàng trăm đôi giày trên lề đường đều im hẳn. Tất cả những gì tôi có thể nghe thấy là âm thanh duy nhất của những bước chân từ một nơi xa bên kia đường. Tôi băng qua đường, điều này thì hình như mình được hướng dẫn, và nghe thấy những bước chân đó tiến về phía mình. Tôi mặt đối mặt với một kẻ mà mình chưa gặp trong 20 năm. Anh đang gặp khó khăn, và tôi có thể giúp, chỉ có thể thôi. Điều đó khiến tôi kinh ngạc nhận thức được qua latihan mình có thể được hướng dẫn trong đời mình một cách thông thường, không có gì đặc biệt -và có thể sau này một cách đặc biệt hơn.

Một hôm nọ, bàn tay trái tôi trở nên sống động. Điều tôi muốn nói

là bàn tay mình tự nó chọt có một cuộc sống độc lập. Chẳng hạn, nó bắt đầu có thể tự động mở một cuốn sách, bất cứ cuốn nào, dù đó là một cuốn sách dày, ngay tại trang mình cần. Tôi có thể lấy ra một thẻ trong danh mục mà không cần nhìn. Bất cứ lúc nào làm như vậy (nhưng nghĩ tới điều đó thì lại không được) tôi đều cười. Thiên hạ nghĩ tôi là một kẻ lập dị. Thực ra thì tôi cười vì vui sướng -qua latihan một phần nhỏ bé của tôi đã ý thức được một đời sống chân thật bên trong đời sống thông thường để có thể tuân hành ý Thượng Đế.

Qua những năm tháng trong Subud tôi đã học biết được những thuộc tính cốt yếu của lòng kiên nhẫn, để chấp nhận cái quá trình thanh lọc, trong trường hợp mình, chắc sẽ rất dài lâu. Thánh địa của chúng ta không thể được xây cất trong một ngày, hay ngay cả trong 1000 ngày (như Bapak). Một thân cây cũng không thể mang trái, trước khi chưa mọc lên đủ kích thước để mang trái. Tuy thế, tôi dần dần nhận thấy mình trở nên ý thức được là mình được hướng dẫn, mà đôi khi chỉ nhận thấy được như vậy sau đó. Điều đó xảy ra theo nhiều cách khiến ngạc nhiên, đặc biệt hay không đặc biệt, qua một quyền lực, một tiếng nói nhỏ bé, một cái đẩy nhẹ, một cái gì nơi bên trong mà nguồn gốc bên ngoài cái trái đất này.

Và điều khiến an ủi là trong hành trình dài lâu đó tôi thỉnh thoảng được tặng cho những món quà nhỏ bé để tiếp tục lên đường. Một kẻ chưa từng có thể hát đúng điệu một nốt nhạc như tôi thì bây giờ lại có thể hát mà không làm cho thiên hạ bỏ chạy. Đôi khi tôi có thể đi ngủ mà trông thấy chung quanh mình những màu sắc, những mạng ánh sáng và màu sắc sống động tới nỗi làm cho cảm thấy hình như mình đang tại một thế giới khác. Hay tôi đi dự một buổi họp của Subud trong lúc mệt mỏi và bực bội, nhưng sau đó lại hoàn toàn vui sướng và hăng hái. Tôi còn nhớ ngay cả tới việc trong một giấc ngủ trưa lười biếng tại Wisma Subud, thân sinh đã lâu năm quá cố của tôi đến nói với tôi là bây giờ ông được bình an.

Tôi có thể kể lại nhiều chuyện khác nữa. Tôi có thể đề cập tới bình minh của sự an tâm, lúc bắt đầu không còn sợ chết nữa. Tôi có thể ngay cả đề cập tới hôn nhân, và sự chuyển hóa nhờ latihan có thể xảy ra trong quan hệ giữa nam và nữ. Hiện nay tôi và bà

xã Mary thân cận tới nỗi trở nên lố bịch. Chúng tôi hầu như không cần phải mở miệng ra, và người này thường nói những gì mà người kia vừa nghĩ tới. Điều nay có vẻ buồn tẻ. Tin tôi đi, không buồn tẻ đâu. Tình yêu có nhiều đường vào.

Cuối cùng, tôi vẫn còn nghĩ cách tốt nhất để mô tả những gì Subud đã làm cho mình là nhớ lại, nếu tôi cả gan, cái tính kiêu căng và sự ngiệt ngã với người khác, sự hoàn toàn xa lánh Thượng Đế, tính tự phụ, những lo ngại và khiếp hãi, sự hoàn toàn không hiểu gì về mục đích đời người và cái tư cách thiếu đạo đức của mình.

Tôi không đại dột tới nỗi cho là tất cả những điều đó đã không còn nữa. Nhưng tôi biết chắc là không gì trên thế gian có thể phá hoại nó, và nếu thận trọng xem xét những hành vi của mình, tôi có thể sống cuộc đời còn lại của mình dưới sự che chở của Thượng Đế. Ai có thể đòi hỏi gì nhiều hơn nữa?

Chân anh đập mạnh trên thẳng

Trích từ cuốn Subud is a Way of Life của Harlinah Longcroft

Khoảng năm 1978 có một vài sinh viên người Iran sinh sống ở Los Angeles. Một người trong họ đã học hành quá nhiều nên cần phải nghỉ ngơi vì chán ngán mọi chuyện. Cũng có những người khác thấy chán ngán, nên họ bắt đầu đi tìm một con đường tu tập, điều gì đó có ý nghĩa cho tâm hồn.

Họ đi coi phim *Meeting with Remarkable Men* mà họ rất thích, và một người trong họ nhớ tới một điều được nói trong phim đã đập vào đầu óc mình. Đại loại đó là “Nếu đó đúng là lúc thì sẽ được trợ giúp”. Tối thiểu, đó là một ý nghĩ khiến an ủi, vì anh rất cần được giúp đỡ.

Ba người trong các sinh viên đó sống chung với nhau, và một người trong họ làm nghề lái taxi. Anh đọc sách rất nhiều, không những nghiên cứu những nhà huyền học Ba Tư, mà còn đọc cả những sách về Phật giáo và Thiên Tông. Anh đọc trong taxi khi không có khách.

Một hôm nọ, khoảng một tuần sau đó, anh đang sắp vượt qua một ngã ba, thì đèn đỏ sắp bật. Thay vì tăng gia tốc, anh đập mạnh

chân lên thẳng. Với một tiếng kêu ré, xe anh ngừng lại, cùng với tất cả những xe đằng sau. Anh không thể hiểu tại sao mình đã đạp chân lên thẳng.

Ngay khi anh ngừng lại, một hành khách bước lên xe. Vị đó vừa đến từ bên ngoài thành phố, lên một xe buýt tới Santa Monica nhưng không còn chỗ nữa. Đó chính là lúc chiếc taxi ngừng ngay trước mặt mình.

Vị đó nhận thấy trên xe những sách về tâm linh, và ngay sau đó họ trò chuyện về những nhà thơ Ba Tư. Anh lái taxi hỏi vị đó có là một Sufi (nhà huyền học Hồi giáo) hay không. Vị đó đáp mình thuộc một cái gì còn hơn thế nữa. Khi nghe nói điều đó, anh lái taxi cảm thấy bình thân, mát mẻ và vui sướng.

Về tới nhà anh chạy lên phòng kêu la: “Tìm thấy rồi! Tìm thấy rồi!” Nên hai ngày sau đó các sinh viên Iran sắp xếp gặp nhân vật Subud tại một tiệm cà phê để nghe nói về Subud.

Một người trong họ không muốn đi. “Không”, anh nói, “mình sẽ đi xem xi-nê. “Thôi mà, đi chung với bọn mình đi”, nhưng người kia nói, “chẳng có phim gì hay, và cũng không còn gì trong tủ lạnh. Tốt hơn bạn nên tới quán cà phê”.

Khi gặp những nhân vật Subud, hai người trong các sinh viên chẳng hỏi han gì nhiều, nhưng một người trong họ thì hỏi tới 3 tiếng đồng hồ. Sau khi được giải đáp đầy đủ, anh nói: “Không, tôi sẽ đi vào sa mạc để đi tìm một tôn sư Sufi”.

Đang nói chuyện với một người khác, anh hội viên Subud chợt quay sang phía anh sinh viên đó nói: “Tội tình gì bạn phải vào sa mạc đào hố kiếm nước, trong khi ngay dưới chân bạn đang có một giòng suối?” Chính đó là lúc anh sinh viên đó biết mình muốn vào Subud.

Một người từ phương Đông

Istimah Week trong the Man from the East

Một trong những giáo lý mà Erling, chồng tôi, đọc biết được về đường lối tu tập của Gurdjieff là một phương pháp về sự khai triển một siêu tâm thức. Gurdjieff đã lập nên tại Pháp giữa Đệ nhất và Đệ nhị Thế chiến một phái huyền học theo đó ông nghĩ ra một số những phép tu làm cho các môn đồ tự nhận thức được cái siêu tâm thức đó.

John G. Bennett, một đệ tử của Ouspensky, truyền dạy lối tu Gurdjieff và là người lập nên viện *Institute for the Development of Man* tại Coombe Springs ở Anh, để truyền bá lối tu đó với hàng trăm đệ tử trong năm 1957. Thân cận với Erling, ông anh tôi cũng muốn tìm hiểu lối tu Gurdjieff. Thế nên, ông bắt đầu liên lạc với Bennett từ Chí Lợi.

Lúc đó là mùa Hè 1958, lúc đang ở Briarcliff Manor thì tôi chợt cảm thấy mình muốn đi tìm một cội nguồn tâm linh hay tôn giáo rộng lớn hơn lối phụng thờ tại giáo đường. Tôi hầu như không thể hiểu những chứng nghiệm của Erling, và tuy biết ông anh mình có liên hệ với những giáo lý của John Bennett nhưng tôi cũng không muốn biết gì hơn.

Một ngày nọ đầu tháng 6 tôi nhận được một bức thư làm đời mình thay đổi hẳn, cả bên trong lẫn bên ngoài. Erling vắng nhà không

bao lâu vì công việc làm ăn. Người mang thư tới đưa tôi vài lá thư, trong đó có một lá thư của anh tôi ở Chí Lợi. Khi đọc thư tôi cảm thấy 'Đây là lúc quan trọng nhất trong đời mình!'

Anh Guido nói rằng anh hay được từ một bức thư của ông Bennett là ông không còn phải nghiên cứu lối tu Gurdjieff nữa. Có cái gì mới mẻ. "Cái đó," Bennett nói với anh tôi, "là sự trực tiếp trải nghiệm Thượng Đế nhờ một người từ phương Đông. Nó không đòi hỏi giáo lý hay giáo điều".

Bennett còn nói chính mình đã nhận được sự giao tiếp đó, và đó quả thực là một sức mạnh trong lành tới nỗi có thể nhập thẳng vào bất cứ ai chỉ bằng cách xin cho nó được truyền từ người nhận được tới người yêu cầu. Một khi nhận được thì không cần bất cứ một trung gian nào khác. Đồng thời nó thích ứng với tất cả các tôn giáo.

Đứng trong phòng khách tôi chăm chăm nhìn bức thư. Không chỉ có mình tôi. Các con tôi đang ngoài vườn với người hầu gái. Tôi cảm thấy như mình đã nhận được một thiên khai. Tôi biết được, chắc chắn là vậy, đó là cái mình mong muốn hơn bất cứ gì khác trên thế gian.

Ngày hôm sau khi Erling điện thoại, tôi nói với anh mình có điều gì rất quan trọng cho anh hay, và nài nỉ anh nên mau chóng về nhà.

Trong 6 ngày kế tiếp, trong lúc chờ đợi Erling, tôi cảm thấy như được nạp điện đầy mình. Tôi không thể làm bất cứ gì một cách thông thường. Tôi không thể ngủ thẳng giấc. Khi Erling về, tôi đứng ngoài cửa đợi anh, tay cầm bức thư của ông anh tôi. Erling đọc xong thì tôi hỏi: "Đó là cái anh đang mong đợi?" "Đúng là nó", anh nói.

Erling đã cho tôi hay là theo những trải nghiệm tâm linh của mình anh tin rằng trong đời mình sẽ xảy ra những biến chuyển trọng đại trên thế giới, và những biến chuyển đó, theo anh hiểu, là "sự biểu đạt mới mẻ của Thiên Chúa giáo". Những trải nghiệm sau đó khiến anh nghĩ rằng Thượng Đế sẽ trợ giúp qua một người từ phương Đông.

Ngày hôm sau, tôi viết thư cho Bennett để yêu cầu cho biết thêm về sự giao tiếp lạ thường đó. Ông gửi cho tôi tên tuổi của một

trong ba người nữ ở New York đã tiếp nhận được latihan của Subud.

Latihan kedjiwaan của Subud, ông giải thích, là một lối tu tập (tiếng Indonesia latihan nghĩa là tập luyện và kedjiwaan nghĩa là tâm linh). Ta tiếp nhận được nhờ một thái độ quy thuận Thượng Đế, trong lúc đứng chung với một người đã tập latihan. Cái latihan đầu tiên là việc tiếp nhận sự giao tiếp đó, và người tiếp nhận được coi là được khai mở. Người đứng tập chung quy thuận Thượng Đế bằng cách tuân theo latihan mình. Phái nữ chỉ tập với phái nữ, và phái nam thì với phái nam.

Tôi cùng Erling tức khắc thuộc một nhóm gồm từ 40 tới 50 người nam và nữ; cứ hai tuần một lần chúng tôi gặp nhau để hỏi những điều về Subud. Chúng tôi được cho hay là một thời kì chờ đợi là 3 tháng. Ba tháng sau đó, tôi tiếp nhận latihan.

Sự khai mở của tôi xảy ra trong một phòng với những đèn thông thường. Người ta yêu cầu tôi cởi giày dép ra cùng với những đồ trang sức khiến cho cảm thấy không được tự do cử động. Cùng với khoảng 6 người nữ khác tôi đứng chung với 3 người nữ đã được khai mở và được Pak Subuh cho phép truyền sự giao tiếp cho người khác. Một người trong họ nói một vài lời của Pak Subuh là những gì giải thích thể thức khai mở. Đó là việc những ai truyền sự giao tiếp chỉ là những chứng nhân cho lòng chân thành phụng thờ Thượng Đế của tôi. Và bởi Thượng Đế là Toàn Năng nên việc tìm cách dùng những ước muốn và ý nghĩ của chính mình là không thích đáng. Thế nên, tôi không được tập trung tư tưởng, mà nên cởi mở cảm xúc mình, để quy thuận và phó thác cho ý Thượng Đế, để trở nên kiên nhẫn và chân thành trước Thượng Đế.

Khi nói xong những lời đó, người nữ đó yêu cầu tôi nhắm mắt lại, khiến không bị phân tâm vì những người khác, để được thư thái và làm theo bất cứ động tác nào xảy ra. Chị liền nói: “Bắt đầu...”

Sau nửa tiếng đồng hồ chị nói: “Xong rồi”.

Trong nửa tiếng đồng hồ đó, ba người nữ đó chỉ làm latihan của họ, bằng cách quy thuận ý Thượng Đế. Tôi có thể cảm thấy họ không ảnh hưởng gì tới tôi. Tôi tiếp nhận latihan và không chú nghĩ ngờ nó trực tiếp là do quyền năng của Thượng Đế. Tôi cảm

thấy một trạng thái an bình thâm sâu, và nhận thấy cơ thể mình nhẹ nhàng tự động lắc lư...

Kể từ đó trở đi tôi đều đặn tập latihan, hai lần mỗi tuần, dù mưa nắng hay tuyết rơi, và nhờ những người giữ trẻ trông nom con cái mình. Tôi càng lúc càng chắc chắn, theo những trải nghiệm của chính mình, latihan của Subud là sự chân thật phụng thờ Thượng Đế. Tôi nghiệm thấy nó là một dòng suối thiên ân, một sự giao tiếp với quyền năng của Thượng Đế. Tôi nhận thấy một trạng thái bình an sâu sắc của nội tâm.

Ta không để gì mô tả những gì xảy ra trong cái latihan là kết quả sự quy thuận Thượng Đế. Tư tưởng, thị hiếu, cảm xúc đều lắng đọng, và ta nhận thấy chính mình là thành phần thâm sâu cái bản chất tâm linh của mình. Trong trạng thái quy thuận, chân tâm chứa chan đức tin và sự phụng thờ Thượng Đế. Dần dần ta cảm thấy sự chấn động của một năng lượng. Đó là khởi đầu của sự nghiệm thấy một đời sống mới mẻ của chân ngã.

Pak Subuh giảng giải điều đó như sau: các bạn sẽ không còn thấy lạ lùng nữa, sau một latihan, là mình cảm thấy một sự sống mới mẻ sôi nổi trong tâm mình, điều không có trước đó. Sự sống sôi nổi đó có nghĩa là linh hồn đang thức tỉnh và được giải phóng khỏi cảnh làm nô lệ cho những ảnh hưởng của thế gian.

Là một người Công giáo thành tín nên mỗi Chủ Nhật tôi vẫn còn đi dự lễ. Đức tin Công giáo của tôi vẫn còn là một cái nền chắc nịch và yên lặng, lập thành những tiêu chuẩn cho cuộc sống ngoài đời của mình, trong khi latihan khiến có một trạng thái phụng thờ của nội tâm.

Ngay sau khi được khai mở, một buổi sáng nọ trong kỳ nghỉ hè của con cái, tôi mãnh liệt cảm thấy mình cần phải chỉ có riêng mình. Tôi yêu cầu Erling đem con cái tới văn phòng anh, và ngay sau khi anh ra đi, tôi tập latihan trong phòng khách. Đó là một cái latihan rất mạnh, và tôi thấy mình nằm trên sàn nhà. Tôi nghe thấy một tiếng nói như đang nhập vào đỉnh đầu mình. Nghe thật lớn tiếng nhưng lại không có âm thanh nào từ bên ngoài: "Hãy tin cậy Thượng Đế, đừng tin cậy con người!" Trong tình trạng đó, tôi cảm thấy mình tiếp xúc với điều gì là một sự hỗn hợp huyền bí của sự gần cận và tình thương đối với Thượng Đế, và điều đó tồn tại nơi

tôi trong nhiều ngày.

Sau này tôi nhận thức được sự quan trọng của cái thông điệp đó, vì nó chuẩn bị cho tôi đối phó những biến chuyển lớn lao tiếp theo trong đời mình. Latihan bắt đầu trở thành một cội nguồn của sự hướng dẫn.

Pak Subuh giảng giải: “Cái latihan mà các bạn tiếp nhận là chỉ thị của Thượng Đế chứ không là chỉ thị của người này cho người kia. Bằng chứng của điều đó sẽ tự động xảy ra trong nội tâm mỗi người các bạn. Các bạn sẽ nhận nhiên, bởi những gì trong chân tâm mình sẽ tự động xảy ra”.

Một đêm nọ tại trụ sở Subud, tôi có một chứng nghiệm ấn tượng về điều là sự hướng dẫn của nội tâm. Có khoảng 8 người chúng tôi đang ngồi trong một phòng ánh đèn mập mờ để chuẩn bị tập latihan, thì tôi chợt nghe thấy một tiếng nói như từ bên trên: “Người sẽ nhận được một đặc ân!” Tôi nghĩ sẽ có cái đặc ân đó trong lúc mình tập latihan, bởi với tôi thì không có gì trên thế gian này cao quý hơn latihan. Tuy nhiên, chẳng có gì xảy ra sau khi xong latihan.

Sau đó, chúng tôi yên lặng ngồi trên ghế. Một cách bất ngờ, tôi cảm thấy bên trái mình như có cái gì đó mãnh liệt. Đó là một sức mạnh -như từ chính Thượng Đế. Một cách tự động, tôi nhìn qua phía đó. Có một tiếng nói: “Tình thương người mong ước sẽ được ban cho người”. Tôi biết như vậy tức là mình sẽ tìm thấy tình thương của Thượng Đế.

Những cánh cửa của tri giác được chùi sạch

Haris Smart (Úc)

Tôi gia nhập Subud tại Los Altos California trong năm 1968. Lúc đó tôi 25 tuổi và đời mình thì xuống dốc thê thảm. Tôi đến Mỹ từ quê hương Úc mong muốn thành danh là một nhà văn, nhưng trong năm 1968 mọi việc trong đời tôi đã hỏng bét. Hôn nhân tôi đã đổ vỡ và tất cả những ước mơ của tôi chẳng đi tới đâu hết.

Khi gia nhập Subud ta phải đợi 3 tháng giữa lúc mình tuyên bố muốn gia nhập và lúc được khai mở. Trong thời gian đó ta có thể tới hội Subud gần nơi mình nhất, để làm quen với mọi người, hỏi những điều thắc mắc, đọc sách báo, nói chung là tìm hiểu Subud. Thời kì chờ đợi 3 tháng khiếm có thể quyết định muốn chân thành gia nhập Subud hay không.

Tôi nhớ tới lúc mình lần đầu nghe nói tới latihan tại Los Altos. Phòng tập được phân cách bởi một màn che dày mà dựa vào đó là vài chiếc ghế ngồi. Tôi ngồi trên một trong những chiếc ghế đó cùng với một vài hội viên dự bị khác.

Hơn 10 phút sau, hay khoảng đó, có khoảng 30 người bước vào phía bên kia màn che. Tất cả đều im hơi lặng tiếng trong khoảng 15 phút, rồi có những tiếng âm ỉ kinh khiếp. Có những tiếng gào thét và la hét, tiếng kêu inh ỏi và cười la, tiếng lảm bảm và khóc lóc, than van và rên rỉ. Có những tiếng vỗ tay và giậm chân, tiếng của những cơ thể đang đấm đá. Cùng với những điều đó là những tiếng hát êm tai và ngân ngui. Hầu hết các âm thanh đều không rõ

ràng, nhưng trong đó cũng có những đoạn cầu khẩn hay cầu kinh.

Hình như tất cả đã không được phối âm và chỉ là những điệu nhạc chói tai. Tuy vậy, trong hơn nửa tiếng đồng hồ tôi nhận thấy điều gì như có hình dạng và nhịp điệu. Có một sự gia tăng cường độ đạt tới một đỉnh cao sau 20 phút hay khoảng đó, để rồi dần dần phai nhạt cho tới khi chỉ còn một vài tiếng than rên đơn độc và tiếng nức nở kỳ quái. Các người nam xuất hiện từ đằng sau màn che, trông không mệt mỏi. Trái lại, họ tỏ vẻ thư thái, mắt sáng ngời, miệng mỉm cười.

Tôi hay được những gì xảy ra đằng sau màn che là latihan, hay đúng hơn là latihan kedjiwaan. Đó là một trải nghiệm hoàn toàn tự nhiên. Không có ai điều khiển hay tổ chức bất cứ gì. Không có những khuôn cố định, những cầu kinh hay những điều làm theo nghi thức. Mọi người đều tuân theo những cảm xúc của chính mình, và của bất cứ những âm thanh hay động tác có thể khởi phát từ bên trong mình.

Một vài tháng sau đó, tôi được khai mở ('khai mở' là một từ được dùng khi có ai đó tập latihan lần đầu tiên, và nghiệm được sự giao tiếp với quyền năng của Thượng Đế. Lúc khai mở, tôi cảm thấy như có một chén gốm vàng nấu chảy đổ lên hệ thống dây thần kinh phía sau dạ dày. Cái chất lỏng nóng ấm đó chạy qua huyết quản để nhập vào mỗi phân tử của cơ thể. Tôi có thể ngay cả cảm thấy nó chen lấn vào những mao mạch nhỏ bé nhất tại đầu ngón tay.

Sau đó, tất cả các giác quan của tôi trở nên sâu sắc sống động. Tôi có thể rõ rệt trông thấy từng nét những chiếc lá của một thân cây. Tôi có thể sâu sắc nghe thấy mỗi âm thanh của ban đêm. Điều đó như là những cánh cửa của tri giác đã được chùi sạch.

Tôi nhớ lúc vào một tiệm ăn mình có thể đọc được câu chuyện đời họ trên khuôn mặt mỗi người. Tôi biết hết những gì về họ.

Trẻ hơn lúc mùa Xuân

Siti Muti'a Lestiono (Indonesia)

Lúc tôi ở Vermont với Gena, con gái tôi, một người bạn và cô con gái chị, Francoise và Amelia Kirby, tới thăm tôi. Trong lúc thăm viếng, chị đề cập tới việc mình đã được 'khai mở' trong một phong trào có tên là Subud, và đó là một trải nghiệm tuyệt vời. Tôi chợt thấy có gì đó hợp với mình, nhưng không quan tâm tới và gạt nó qua một bên. Chưa tới lúc.

Chẳng bao lâu sau đó, quan hệ của tôi với chồng mình trở nên không thể thông hiểu nhau. Chúng tôi quyết định tới lúc phải chia tay. Tôi miễn cưỡng trở về nơi nhà cha mẹ mình tại Long Island. Đó là một lúc khó khăn cho cả Gena và tôi. Tôi đưa Gena vào một nhà trẻ, còn mình thì đi kiếm việc làm tại đô thị.

Một hôm nọ trong lúc đang lê bước trên con đường Madison Avenue, tôi gặp bạn mình là Francoise. Tôi đã không thấy chị trong nhiều tháng, nên kinh ngạc khi thoáng nhìn thấy chị. Trông chị 'trẻ hơn thời mùa xuân'. Chị có một vẻ bình an mà tôi không thể biết tại sao.

- Điều gì đã xảy ra với bạn? Tôi buột miệng nói ra.
- Đó là Subud, chị nói.
- Subud, Subud -đó là cái phong trào bạn nói với mình vài năm trước đây?
- Đúng vậy. Nào, chúng ta đi uống cà phê thì mình sẽ nói cho bạn hay.

Đó là lúc khởi đầu của đời tôi. Tôi nói ‘khởi đầu’ là vì đó là lúc tôi bắt đầu hiểu được đời mình. Đó là lúc khởi đầu của sự đi tìm ánh sáng.

Tôi được khai mở ngày 5 tháng 7 1961 tại New York. Điều đó xảy ra thật nhanh chóng. Tôi tới Hội chỉ được một tuần, thì tuần kế tiếp tôi đã được khai mở. Người ta cho tôi hay thông thường phải mất 3 tháng – thời kì chờ đợi trong đó ta tìm hiểu về Subud bằng cách nói chuyện với những người trong đó. Nhưng trong trường hợp tôi, người ta thấy bởi tôi đã biết về Subud được một vài năm, nên họ chấp thuận cho tôi được khai mở ngay.

Tôi vừa mới ly dị, có một căn hộ mới, một việc làm mới, tới ở một đô thị mới. Tôi rất bận việc, nhưng ở cái tuổi 28 tôi cảm thấy đời mình trống rỗng, và dù tôi có cố gắng tới đâu đi nữa, hình như trong đáy lòng mình luôn có câu hỏi: “Mình là ai? Sống để làm gì? Chỉ có vậy thôi hay sao? Sống rồi chết, chỉ có vậy?”

Tôi đi theo cái này cái nọ -theo phái Christian Science, theo nhà thần bí Rudolf Steiner, theo phép dưỡng sinh Reichian Therapy-những cái đó có hiệu quả nhưng không làm mất đi điều mình muốn là sự trống rỗng của đời người. Nên tôi sẽ thử cái phong trào mới lạ này. Dù sao, có gì đâu mà bị thiệt thòi?

Ngày trước lúc được khai mở, tôi được cho hay những điều tóm lược về Subud: “Subud là chữ viết tắt của những chữ: Susila -lối sống chân chính theo ý Thượng Đế, Budhi -một sinh lực trong tâm mình, Dharma -phục tòng, tin cậy và chân thành với Thượng Đế.”

Điều đó đụng tới những gì thâm sâu trong lòng tôi.

Tới lúc khai mở, người ta nói với tôi phái nữ không tập chung với phái nam, để mọi người cảm thấy được tự do và không bị lúng túng. Người ta đưa tôi vào một phòng trải thảm không đồ đạc; tôi

cởi bỏ giày dép và đồ trang sức, đứng nhắm mắt lại.

Với mọi người đang yên lặng đứng, chị Françoise nói: “Chúng tôi là những phụ tá của hội Subud, và chúng tôi có nơi đây để làm chứng cho ước muốn phụng thờ Thượng Đế Duy Nhất của bạn. Chúng tôi mong cái ước muốn đó của bạn là do lòng thành”.

“Như bạn đã biết, Thượng Đế Duy Nhất là Tạo Hóa của toàn thể vũ trụ, của tất cả những gì có thể nhìn thấy cũng như không nhìn thấy với mắt phàm. Thượng Đế Toàn Vinh, Toàn Tri và Toàn Năng. Thế nên, trong sự phụng thờ của bạn, điều không thích đáng là dùng những thị hiếu và tư tưởng theo ý chí. Do đó chúng tôi mong rằng trong lúc này bạn không tập trung tư tưởng, mà cởi mở cảm xúc, để thực tâm quy thuận và phó thác ý chí mình cho ý Thượng Đế. Bạn nên kiên nhẫn và chân thành trước sự vinh quang và hùng vĩ của Thượng Đế Duy Nhất.”

“Để cho cảm xúc bạn được yên tĩnh, chúng tôi mong bạn nhắm mắt lại, đứng hoàn toàn thụ thái, mà không chú ý tới những người khác đang tập chung quanh. Vậy, khi xảy ra những động tác của cơ thể, bạn đừng chống lại và lơ lửng, mà chỉ việc làm theo bất cứ những gì xảy ra từ nơi bên trong mình.”

Với điều đó, hình như là các cánh cửa đã được mở tung ra. Tôi không thể ngăn cản lại. Tôi cảm thấy như mình đã trút bỏ một gánh nặng mà mình mang từ lúc sinh ra. Mọi người đang tập latihan chung quanh tôi; tôi ý thức được họ, nhưng sự nhận thức toàn diện đó là một nơi thâm sâu bên trong mình. Chợt nhiên, tôi khóc và khóc, như không bao giờ muốn ngưng, như một đập được đào cho nước chảy ra -khóc để cảm tạ Thượng Đế. Trong lúc khóc tôi nói: “Xin tạ ơn Chúa. Quê hương. Quê hương.”

Cái latihan đầu tiên của tôi xảy ra trong khoảng nửa tiếng đồng hồ, và tôi nghiệm được nhiều điều trên nhiều thang độ. Điều đó như là có một áp lực, và cái áp lực đó chợt giảm nhẹ. Tôi hoàn toàn ý thức và làm chủ được, và đồng thời cũng có thể tri giác tất cả những gì chung quanh mình. Tôi quỳ xuống trên đầu gối. Đó là cái tôi đã đi tìm trong suốt đời mình. Nó thật gần nhưng tôi đã không nắm bắt được, thật gần nhưng cũng thật xa. Nó đã có đó từ lúc khởi thủy. Cái đó bao trùm vạn vật trong vũ trụ. Nó vượt ra ngoài ngôn từ. Bạn đừng hỏi tôi là như thế nào, nhưng tôi có thể hiểu đó

là Ân Huệ của Thượng Đế.

Có ai đó nói: “Xong rồi.” Tôi mở mắt ra và cảm thấy mình đã tắm gội sạch sẽ, cả bên trong lẫn bên ngoài. Tôi còn khóc, và yên lặng ngồi bên cạnh tôi, một phụ tá nói cứ việc buông thả cho nó xảy ra.

Sau này, khi về nhà và đem con gái mình lên giường, tôi nghĩ tới nhân vật được lựa chọn để đem Subud tới cho thế giới. Tôi chưa biết gì về điều đó, nhưng sẽ đến nơi chốn ông sinh ra, để tìm dò những gì làm tài liệu về đời ông.

Một hành trình vào Subud

Rashad Pollard (Hoa Kỳ)

Thiên hạ hình như vào Subud vì nhiều lí do khác nhau. Tôi có vẻ như thuộc một phái vào đó không vì lí do rõ rệt nào.

Thời niên thiếu tôi có vẻ thích Giáo Hội Anh, vì đã được gửi vào một trường nội trú làm cho tôi thích những gì là cao quý của giáo hội. Tuy nhiên, điều đó không có một giá trị trí thức đích thực nào. Đó chỉ là việc tham gia những lễ nghi hấp dẫn, và có lần tôi thấy những lễ nghi đó thật cảm động.

Học hết trung học, tôi không còn tích cực tham gia những sinh hoạt của tôn giáo. Sau khi tốt nghiệp đại học Belfast, tôi được chuyển tới London làm trong một ban xuất cảng quần áo cho đàn ông.

Cùng với một người bạn dân Ireland cũng trong công ty, chúng tôi xin nghỉ việc. Chúng tôi dành dụm được một số tiền, mua một lều cắm trại và những dụng cụ, để quyết định đi xem thế giới.

Sau khi xin đi nhờ xe qua Âu Châu và Thổ Nhĩ Kỳ, chúng tôi tới Iran, trong túi không đồng xu nào. Chúng tôi kiếm được việc làm

tại những tờ báo cạnh tranh nhau. Tôi làm công việc hiệu đính cho tờ *Keyhan International*, dần dà dành được một số tiền để tiếp tục du hành. Sau khoảng một năm, anh bạn Ireland quyết định về nước. Anh đã thấy ớn! Ngay lúc đó, một trong những biên tập viên của báo đến gặp tôi. Anh cho hay mình du hành tới Đông phương, và bởi nghe nói tôi cũng có ý định đó, anh đề nghị chúng tôi cùng đi với nhau. Tôi làm quen với Derrick là như vậy.

Hai người chúng tôi xin nghỉ việc, gom góp số vốn không có là bao của mình, rồi lên đường qua miền Tây Iran tới Pakistan và Ấn Độ. Trong nhiều tháng hành trình, Derrick và tôi bàn luận về những mục tiêu mình. Mục tiêu tôi là tới thăm họ hàng tại Úc, nhưng Derrick nói là anh sẽ tới Indonesia. Tôi không hiểu chút gì về Indonesia, hay tại sao lại có kẻ muốn tới đó. Hình như đó là một thuộc địa của Hà Lan, thay vì của Anh.

Chúng tôi bị mắc kẹt ở Calcutta. Chúng tôi không thể đi qua Miền Điện tới hướng Đông, vì biên giới đã đóng cửa. Người ta khuyên chúng tôi tới Thái Lan, vì nơi đó dễ kiếm việc làm, còn môi trường thì niềm nở. Tới đó thì phải lấy máy bay.

Cuối cùng chúng tôi kiếm được những công việc ngon lành ở Thái Lan. Tôi làm kế toán cho một cơ quan quảng cáo. Derrick làm biên tập viên cho một tạp chí du lịch.

Sau khoảng một năm sống xa hoa ủy mị, Derrick và tôi bắt đầu mỗi người làm theo ý thích mình. Cho tới lúc đó, chúng tôi đều chung nhau làm mọi việc. Tôi nhận thấy mỗi tuần hai lần, anh có vẻ như đi một mình ra ngoài. Nhưng điều khiến tôi thắc mắc là anh không chịu cho tôi biết anh đi đâu. Tôi lấy làm lo lắng và nói cho anh biết điều đó. Anh nói chuyện đó không mắc mớ gì tới tôi, và như vậy lại càng khiến tôi muốn hiểu biết thêm. Cuối cùng thì anh phải cho tôi biết vì sự nài nỉ của tôi.

Derrick kể cho tôi nghe những gì đã xảy ra cho anh. Anh kể một cách hết sức miễn cưỡng, và nói đó là một chuyện riêng tư, một chuyện chắc chắn tôi sẽ không thích và không đáng nghe kể. Những chi tiết về chuyện đó tôi đã quên, hay đã mờ nhạt sau hơn 40 năm, và dưới đây là những gì tôi còn nhớ.

Hình như ngay từ lúc còn trẻ, Derrick chắc chắn là Chúa Giê-Su sẽ tái hiện. Vì nghĩ như vậy nên anh đã sớm bỏ học, thoát li gia

đình để đi tìm Ngài. Sau nhiều năm, anh tình cờ biết tới một ẩn sĩ sống tại khu rừng Epping gần London. Anh chắc chắn cảm thấy là nếu tới gần nhân vật đó, anh sẽ tìm thấy đầu mối điều mình đang tìm kiếm. Sau vài tháng sống tại nơi ở làm bằng đất và nhánh cây của vị ẩn sĩ đó, anh bắt đầu cảm thấy là vị đó không muốn nói cho mình biết bất cứ gì. Một hôm nọ, vị đó thô bạo và mãnh liệt đuổi anh đi, nói rằng anh phải đi kiếm một nơi nào khác.

Nhưng đi đâu đây?

Derrick lên đường tới phía Nam London. Sau một lúc, anh tới London, và trong lúc nhìn chung quanh mình, anh trông thấy một tiệm bán sách cũ. Anh cảm thấy mình phải vào đó, đi tới những ngăn sách và lấy đại ra một cuốn để đọc. Đó là một cuốn về một người Indonesia tên là Bapak Muhammed Subuh Sumohadiwidjojo, trong đó ông nói mình đã nhận được một đặc ân vĩ đại của Thượng Đế cho toàn thể nhân loại, và cái đặc ân đó mang hình thức của một lối tu tập được gọi là latihan. Ông đã lập nên một phong trào có tên là Subud. Sách đó còn cho hay là một số môn đồ của Gurdjieff tại Anh đã tiếp nhận phép tu đó, và họ có một căn nhà tên là Coombe Springs tại Surrey gần London.

Derrick biết mình phải tới Coombe Springs. Anh tiếp tục lên đường. Sau một vài ngày, anh đến một căn nhà lớn trong một khu vườn cũng lớn. Hôm đó là một ngày mùa Hè, và khi đi trên con đường cho xe cộ, anh có thể trông thấy cửa tiền và các cửa sổ đều mở. Khi bước vào nhà, anh thấy không có ai. Anh tìm kiếm khắp nơi. Với anh thì hình như có nhiều người đang đợi mình, nhưng vì những lí do nào đó, anh không thể trông thấy hay gặp được họ. Tin chắc là sẽ đạt được ý nguyện, anh lại lên đường, quyết chí sẽ đích thân gặp Bapak. Dù phải đi tới Indonesia!

Chúng tôi gặp nhau tại Iran là như vậy, và đó là mục đích cuộc du hành của anh.

Dù sao thì tới lúc đó, Derrick đã tới tận Thái Lan. Theo thói quen, một buổi tối nọ anh đến quán bar mình ưa thích để uống rượu và tìm vài người bạn gái cho ban đêm. Anh trò chuyện với một người Anh, cả hai đều uống bia và nhìn những cô gái trần truồng đang múa. Gã người Anh đưa cho Derrick hút một điếu thuốc hashish, và đề nghị đêm hôm đó họ đi chơi chung với nhau. Hình như hẳn

biết có một nhóm người kỳ quái mỗi tuần hai lần gặp nhau tại một căn nhà gần sở thú. Nếu tới đó đợi cho tới khi những kẻ đó vào nhà và tắt đèn, ta sẽ nghe thấy những tiếng động quái đản từ căn nhà trong nửa tiếng đồng hồ, hay khoảng đó. Trong lúc đó, nếu lén lút đến ngồi nơi hiên nhà, sau khi uống bia và hút hashish, ta có thể nghiệm thấy những gì kỳ thú nhất. “Bạn sẽ ngạc nhiên,” hắn nói.

Điều đó Derrick thấy hấp dẫn, nên hai người họ kêu một tắc-xi chờ mình tới căn nhà gần sở thú. Đương nhiên, điều gã người Anh tiên đoán quả thực đã xảy ra. Chợt nhiên, những tiếng động ngưng hẳn, và đèn bật lên. Ngay lúc đó, gã người Anh đứng lên, chạy vội ra đường kêu một tắc-xi. Nhưng Derrick không muốn cùng đi. Anh gõ cửa, và khi cửa mở ra, anh hỏi người ra mở cửa: “Các vị đang làm gì ở đây?” Người ta cho anh hay đó là Subud, và mời anh cứ tự nhiên vào!

Như vậy đó, Derrick cho tôi hay, anh tới nhóm Subud mỗi tuần hai lần, bởi điều cần phải làm là tới đó trong 3 tháng trước khi có thể gia nhập tập latihan. Anh còn nói là anh không tin tôi sẽ hứng thú một điều như vậy, và bây giờ thì tôi đừng làm phiền anh, mà để cho anh đi một mình.

- Không, tôi đáp, anh cứ để tôi cùng đi.

- Nhưng, Derrick nói, tôi không thể tin một điều như vậy sẽ thích hợp với anh.

- Không sao hết, tôi đáp, cứ cho tôi cùng đi.

Như vậy, một vài tháng sau đó, Derrick được khai mở, và trong cái latihan kế tiếp tôi được khai mở bởi Hassan Vogel, một kiến trúc sư Thụy Sĩ; cùng với bà vợ Thái Lan của anh, họ là hai phụ tá của một nhóm khoảng 20 hội viên.

Sau khi chúng tôi được khai mở, người ta hỏi chúng tôi có muốn biết gì thêm không. Tôi chẳng biết phải hỏi gì, còn Derrick thì hỏi rất nhiều.

Sau khi được khai mở, Derrick nói với tôi là anh không tiếp nhận được gì, và mong tôi sẽ không thất vọng như anh. Tôi nói với anh là mình tiếp nhận được một sự chấn động mãnh liệt giữa đôi mắt, mà cảm thấy tuyệt vời và an bình. Tôi nhận thấy anh có vẻ như

lấy làm buồn nghe thấy tôi nói điều đó, như là tôi không xứng đáng được như vậy!

Dù sao, Derrick lưu lại Thái Lan trong nhiều năm và lấy vợ tại đó. Nhưng sau chỉ một vài tháng latihan, tôi mãnh liệt cảm thấy mình không muốn ở đó, và trong năm 1965 tôi tới Indonesia để gặp Bapak. Điều này như là tôi đã hoàn thành cuộc hành trình của Derrick.

Như thế đó tôi đã vào Subud, và là một hội viên kiên định kể từ đó. Sau này, tôi nghe tin Derrick đã trở về Anh với vợ con mình, nhưng như thế nào anh là một hội viên không tích cực.

Theo tôi, điều quan trọng nhất mà tôi học được là không nên mong đợi bất cứ gì của latihan. Latihan không hơn không kém chỉ là sự phụng thờ Thượng Đế mà không bị ảnh hưởng bởi mong muốn và thị hiếu. Đó chỉ là bổn phận của chúng ta, theo ý Thượng Đế. Ngoài ra, không có mục đích gì khác. Nếu coi là có mục đích thì sẽ chẳng có gì xảy ra. Nhưng nếu có nhu cầu mà chân thành phó thác những nhu cầu đó cho latihan mà tin cậy và thành tâm để cho tâm trí hoạt động trên thế gian, thì những phép màu sẽ xảy ra.

Sau khi du lịch tới Úc, tôi trở về Anh trong năm 1966. Sau một vài năm, tôi kiếm được một công việc tại một công ty quảng cáo ở Singapore, nơi tôi cưới bà xã mình là Latimah. Năm 1970 tôi được chuyển tới Jakarta để thiết lập một chi nhánh của công ty tại đó. Bảy năm sau tôi được chỉ định làm giám đốc tiếp thị cho văn phòng S.Widjojo mà Bapak dựng nên tại Jakarta. Tôi cũng từng làm giám đốc cho sự phát triển một khu dân cư của Bapak tại Kalimantan và Pamulang gần Jakarta.

Năm 1984 tôi hết làm việc cho Bapak nên quyết định rời khỏi Indonesia, vì con cái tôi đã lớn và chúng cần một nền giáo dục tốt hơn.

Lúc đó tôi đến từ biệt Bapak. Tuy nhiên, bà xã tôi bắt tôi phải hứa là không được hỏi Bapak về bất cứ gì chúng tôi sẽ làm sau này. “Chúng ta phải tự tìm lấy con đường mình,” bà nói. Nhưng sau vài điều trò chuyện, Bapak hỏi chúng tôi kế tiếp sẽ làm gì. Tôi nói có một công ty sẵn tìm những người tài giỏi sẽ giúp tôi, họ có những công việc tốt lành cho tôi, và lúc này thì chúng tôi sẽ trở về Anh. Bapak ngồi yên lặng một lúc rồi nói: “Không được, bạn

nên qua Mỹ.“ Đó lại là nơi chúng tôi không nghĩ là mình sẽ tới. Dù sao, không nghĩ ngợi gì thêm, vợ chồng tôi với hai đứa con đến Mỹ với tư cách du khách và không công ăn việc làm. Tôi khó kiếm được việc làm, vì không có giấy phép cho đi làm, và chúng tôi đã chỉ sống còn được nhờ sự trợ giúp của các hội viên Subud Washington.

Một vài tháng sau, một hội viên Subud giới thiệu tôi cho USAID - một cơ quan tài trợ của chính phủ. Cơ quan đó kiếm những ai có kinh nghiệm về tiếp thị để giúp cách cải thiện những giáo dục y tế trên khắp thế giới. Không thể trực tiếp mượn tôi vì tôi không là công dân Mỹ, nên họ mượn tôi với tư cách một cố vấn độc lập. Đó chính là điều tôi làm trong 23 năm qua, và tôi phải nhìn nhận hiện nay mình là một chuyên gia hàng đầu của thế giới trong lĩnh vực đó.

Đó là những gì xảy ra về phép màu của sự tiếp nhận latihan và của đời sống tôi.

Một món quà Giáng Sinh không ngờ tới

Miriam Snow (Anh)

Một đêm Giáng Sinh nọ, tôi mãnh liệt cảm thấy mình phải đi nhà thờ dự lễ giữa đêm.

Hồi còn nhỏ tôi đều đặn được dẫn đi nhà thờ, và tới tuổi thanh thiếu niên tôi ước ao nội tâm mình hiểu được những gì tôi cảm thấy là vượt ngoài tầm hiểu biết của mình. Lúc tuổi 15, tới tuổi làm Lễ Kiên Tín, tôi đến nhà thờ cho ông cha xứ ban phép lành cho mình, lòng tràn trề hy vọng, đầu óc đầy những chuyện trong Tân Ước về ngọn lửa Hạ Trần. Bàn tay ông đặt lên đầu tôi. Tôi chờ đợi. Tôi trở về chỗ ngồi trong nhà thờ. Buổi lễ như thế là xong. Chẳng có gì đã xảy ra.

Ngày tháng trôi qua. Mỗi Chủ Nhật tôi đều đi dự lễ ban thánh thể, đi thật sớm. Tôi cảm thấy đó là lỗi mình, nếu mình không nhận thấy gì, và tuy không có gì đã thay đổi nhưng mình phải kiên trì.

Và tôi đã kiên trì trong hai năm. Nhưng dù tôi có thử và cầu nguyện tới đâu đi nữa, chẳng có gì đã xảy ra.

Tôi tìm kiếm tại những nơi khác, ở những tôn giáo khác: giáo phái Quaker, Thiên Tông, Yoga, lối tu Gurdjieff và tôi luôn biết: ‘Đó

không là con đường nên theo -sẽ hoàn toàn không thể cải hóa tâm hồn.’

Tới tuổi 15 hay 16, tại một thư viện công cộng ở Chelsea, tôi tìm thấy cuốn *The Path of Subud* của Husein Rofe. Khi đọc cuốn đó, tôi cảm thấy tất cả những gì mình đã cảm thấy có thể xảy ra. Tôi tìm thấy một nhóm Subud tại trung tâm London và xin gia nhập: tôi như một con cá trở về sông nguồn sau khi bị nhốt trong một lọ nước.

Sau 4 năm nghiệm được ân huệ của latihan, tôi cảm thấy cần phải đi nhà thờ. Tôi làm theo cảm xúc mình.

Nhà thờ Chelsea là một nhà thờ nhỏ bé và đơn sơ bên sông Thames, ngược dòng từ London. Được xây cất cách đây hơn 900 năm, nó hầu như đã bị tàn phá lúc chiến tranh nhưng đã được xây dựng lại với tình thương. Đi trên bờ sông một đêm Giáng Sinh hơi lạnh nọ, tôi thấy nhà thờ đầy ánh sáng, ánh sáng màu của vàng tuôn ra từ các cửa sổ. Khi đi vào bên trong, tôi kinh ngạc thấy đồng người tới nổi phải tìm một chỗ ngồi trong hành lang. Các bức tường màu trắng tỏa sáng, và những đèn nền nhiều ngọn rọi chiếu mọi thứ thành vàng. Không khí thật sống động và vui vẻ, tràn trề hy vọng với những nhóm người đủ lứa tuổi. Buổi lễ bắt đầu theo truyền thống với những bài hát mừng và sự cầu kinh. Không còn dấu vết nào về cái không khí tang tóc, u ám của những nhà thờ thời Trung cổ mà xưa kia chỉ lèo tèo vài người đi dự, theo những gì tôi còn nhớ. Bây giờ thì vui vẻ và thanh nhẹ.

Cuối cùng thì tới lúc ban lễ thánh thể cho những ai muốn nhận. Từ hành lang tôi nhìn về phía hàng người bận rộn là các tín đồ đang đợi chờ nhận lễ. Tôi ngạc nhiên vì không ngờ là có lễ ban thánh thể. Đã từ lâu rồi tôi không còn đi nhà thờ nên nghĩ là mình không được quyền đứng xếp hàng để nhận lễ. Nhưng rồi tôi cũng đi theo. Không ai quen biết tôi. Mọi người tỏ vẻ vui mừng và chấp nhận. Thượng Đế sẽ thông cảm, tôi lí luận, đó là chuyện tình cảm.

Cuối cùng, tôi quỳ nơi lan can bàn thờ, yên lặng đợi chờ trong lúc các tu sĩ chậm chạp di động bên hàng người. Vị thứ nhất cầm bánh xốp, vị thứ nhì cốc rượu lễ. Một nghi lễ cổ xưa, tôi biết là như thế nào. Vị thứ nhất đến đặt bánh xốp lên lưỡi tôi.

Một niềm vui ngây ngất truyền qua cơ thể tôi với cường độ một

dòng điện. Trí óc tôi chưa hiểu được hẳn cái cảm giác lạ thường đó thì cốc rượu đã đụng vào môi tôi, để cho tôi nhắm nháp rượu. Một nỗi thống khổ vượt ngoài tất cả những đau khổ có thể tưởng tràn lan nơi tôi. Rồi mất hẳn.

Tôi sững sờ đứng lên trở về nơi chốn mình. Buổi lễ tiếp diễn. Tôi lấy làm lạ về cái chứng nghiệm hoàn toàn bất ngờ đó, và tạ ơn Thượng Đế đã cho mình cái món quà khó tin đó.

Tử Thần, mi còn hại được ai?

Dinah Dobell (Anh)

Mẹ tôi mất sau 6 tháng đau đớn và liệt thân, do đột quy. Điều tôi thuật lại về sự qua đời của mẹ tôi có thể là niềm an ủi cho những ai khác.

Tuy mẹ tôi đã trong Subud được 18 tháng nhưng bà không muốn tập latihan lúc bệnh tật. Căn bệnh bà càng trầm trọng, chính tôi cũng bắt đầu cảm thấy đau ốm, và nhiều lần tự hỏi làm sao mình sẽ chịu đựng được.

Ở Coombe Springs người ta quả quyết với tôi là tôi đang giúp cho mẹ mình chịu gánh nặng của bà, nhưng điều đó không an ủi tôi là bao. Như thế nào đó tôi biết là mình không muốn chấp nhận, nhưng với một người thân như mẹ tôi thì tôi rất mong cho bà được bình phục.

Sau một cơn đột quy thứ nhì và nhiều đau đớn của mẹ tôi, người ta nói với tôi là không hy vọng gì nữa: thực vậy, trong hoàn cảnh đó tôi không mong cho bà được bình phục. Có lẽ chính vì vậy mà tôi bắt đầu chấp nhận, nên không còn cảm thấy đau ốm khủng khiếp nữa, và thay vào đó là một sự mệt mỏi thông thường cùng với sự mạnh mẽ cam chịu.

Một ngày trước lúc mẹ tôi mất, lúc chỉ có mình tôi với bà, tôi chợt có latihan và nhận thức được một ánh sáng chói lòa mà mình có lần đã thấy khi được khai mở. Cô y tá chợt vào phòng nên tôi phải ngưng latihan lại, nhưng đó là một sự chỉ dẫn khiến an ủi.

Sau khi mẹ tôi mất, tôi tập một latihan cho bà, vì tôi nghe nói rằng như vậy có thể giúp cho linh hồn bà thoát khỏi thể xác. Ban đầu chỉ là một cái latihan ‘thông thường,’ nhưng dần dần tôi ý thức được một sự an bình và vui sướng như đổ vào nơi mình từ một bình chứa.

Sau khoảng 20 phút tôi ngưng tập, và khi đi ra ngoài phòng, tôi nghe thấy có tiếng thở, thâm sâu và êm thấm như tiếng ống gió. Không tin lỗi tai mình, tôi trở vào phòng để nhìn xem cái cơ thể bất động của mẹ tôi. Tôi nhìn quanh phòng, tôi nhắm mắt lại, tôi mở mắt ra, tôi ngưng thở -nhưng cái âm thanh đó chắc chắn vẫn còn đó. Nên cái trí óc tồi tệ và nghi ngờ của tôi phải chấp nhận mình được đặc quyền biết được rằng mẹ mình còn sống và được an toàn trong cái môi trường mới mẻ của bà.

Tôi ra ngoài phòng gần như đang bay bổng trong không trung. Sùng sục vui sướng, tôi muốn nhảy múa, và thấy mình không lúc nào không ca hát. Tôi cũng có những ý nghĩ u ám và cảm xúc buồn bã, nhưng chúng nhanh chóng bị xua tan vì niềm vui sùng sục.

Trong cái latihan ngày hôm sau, tôi nghe thấy như có một tiếng nói: “Người đừng cảm thấy có tội vì vui sướng. Chẳng có gì phải buồn bã. Người đã không mất bà mẹ mình. Bây giờ bà còn sống và vui vẻ cùng người.”

Một tháng đã trôi qua, và tôi phải trở về cái trần gian này. Niềm vui cực kì đã phai nhạt, và cũng có những lúc buồn bã, nhưng luôn có chút gì đó nơi tôi nhìn thấy được điều đó một cách thích đáng.

Tôi không cảm thấy có gì đã mất mát. Tôi thực sự cảm thấy, với tất cả những gì là chính mình, mẹ tôi vẫn còn sống. Sự hiện diện của bà tuy thiếu thốn, nhưng đó như là bà đã đi vắng tới thăm một nơi nào đó.

Cải hóa định mệnh

Rochannah Cash (Hoa Kỳ)

Trong những năm 1960 tôi sinh sống tại New York City, nơi tôi là diễn viên và người mẫu cho một đài truyền hình thương mại. Theo những tiêu chuẩn của một làng quê ở Texas, nơi quê nhà mình, tôi có vẻ đã thành đạt trong sự nghiệp mình.

Thất vọng vì cuộc sống một diễn viên và người mẫu, tôi quyết định lấy chồng. Bên ngoài chồng tôi có những tính nét thanh nhã. Anh duyên dáng và có óc khôi hài, có bằng thạc sĩ của đại học Harvard và là chủ nhân một công ty của chính mình. Anh cao lớn, hào phóng và là một lực sĩ tài ba, nhưng có tật nghiện rượu mà tôi chỉ hay được sau khi đã thành hôn và có những chuyện không hợp tình nhau. Cộng chung lại những điều đó đã phá hoại hôn nhân chúng tôi.

Cuối cùng tôi trở về New York với cảm giác đời mình đến đó là hết vì đã vỡ mộng: tôi đã không lấy được ‘hoàng tử trong mộng’ của mình để mãi mãi sống hạnh phúc. Sau khi tới thăm Pháp, Đức, Yugoslavia, Bulgaria, Thổ Nhĩ Kỳ và London với bạn mình là Carole, tôi cũng không được khuây khỏa do sự bất hạnh của

mình. Tôi trở về New York mà cảm thấy không còn cách gì cứu chữa được nữa. Tôi có thể thấy sự trống rỗng của một cuộc sống đơn độc trong khi cố sức lập một sự nghiệp ở New York. Có gì đó thiếu thốn, và đó không là người chồng mà tôi luôn nghĩ sẽ lấp đầy cái không gian trống vắng của mình. Hồi đó tôi không biết là chỉ có Thượng Đế mới có thể lấp đầy cái không gian đó, vì chúng ta sẽ nối kết trở lại với cái ánh sáng là sự tiếp xúc của linh hồn mình với quyền năng của Thượng Đế. Sự nối kết đó là điều xảy ra khi được khai mở trong Subud.

Một chị bạn tôi có một căn hộ rộng lớn, và để cho bớt cảm thấy đơn độc, tôi quyết định ở chung với chị trong một thời gian trong lúc đi tìm một hướng đi cho đời mình.

Nơi chung cư chị có một nhóm dưỡng sinh tên là *Castiel Encounter Group Therapy*. Tôi đến đó xin một việc làm, được nhận cho làm, và chẳng bao lâu sau đó tham gia chương trình dưỡng sinh của nhóm. Tôi lấy làm khuây khỏa tìm thấy một nơi chốn trong đó sự biểu đạt những cảm xúc tiêu cực cũng như tích cực được coi là lành mạnh và thích đáng. Cuối cùng tôi thành một huấn luyện viên của nhóm.

Tôi nghĩ là làm việc chung với những người khác trong nhóm dưỡng sinh đó, giúp họ giải quyết những thái độ, cảm xúc và lối hành xử tiêu cực của họ cũng sẽ giải quyết được những gì của tôi. Tuy cảm thấy khả quan hơn sau khi đối diện một vài lẽ lối hành xử trong đời mình, nhưng tôi vẫn chưa tìm thấy được một sự an tâm và khuây khỏa mà tôi biết là có tại một nơi nào đó.

Tôi luôn tin có Thượng Đế, đã từng đi nhà thờ làm lễ trong suốt thời niên thiếu mình. Những lúc đi làm người mẫu cho những chương trình TV ở New York, tôi thường đi vào những nhà thờ đẹp để dưỡng tâm vì tiếng ồn ào của đám đông, sự chen lấn và hối hả của đường phố.

Trong sự nghiệp mình tôi nhận được một hợp đồng làm việc cho đài NBC. Họ cho tôi đi học diễn xuất tại trường *American Dramatic and Theater Academy*. Một thời gian sau đó, tôi du lịch tới Âu Châu để tham quan những bảo tàng viện lớn.

Trong một buổi dưỡng sinh cuối tuần, tôi làm quen với một phụ nữ nhỏ bé người Bạch Nga. Chị làm thợ may cho nhà vẽ kiểu

mẫu Christian Dior. Chị rất khả ái, mắt chị luôn có vẻ lơ đãng, và chị không thể nhận diện hay biểu lộ bất cứ cảm xúc nào, ngay cả trong những buổi dưỡng sinh. Cuối cùng chị không còn tham gia nữa. Sau này, tôi gặp chị tại một tiệm bán thực phẩm chay, nơi chị làm việc tại quầy thu tiền. Tôi nhìn vào cặp mắt người phụ nữ nhỏ bé đó, và trông thấy một ánh sáng chói lòa khiến tôi ngạc nhiên hỏi: “Điều gì xảy ra cho chị vậy?” Chị nói mình thuộc một hội tâm linh không là cho bất cứ ai, nhưng nếu là thích đáng cho tôi, tôi sẽ tự mình tìm đến. Sau khi tôi hỏi thêm nữa, chị chỉ nói đó là cái gì tâm linh, nhưng không thể giải nghĩa gì cho tôi, vì chính mình cũng chỉ trong Subud không được bao lâu. Tuy nhiên, chị còn nói là có thể dẫn tôi đi dự một buổi họp lúc Thứ Năm.

Bởi có điều gì nơi tôi đã biết chính đó là cái mình đã đi tìm suốt đời, nên tôi mong cho ngày Thứ Năm đó chóng đến. Tới ngày đó, tôi ngồi chung với một nhóm phụ nữ muốn tìm hiểu về Subud. Danh từ Thượng Đế được nhắc tới nhiều lần trong buổi họp đó, nên tôi luôn nghĩ tới một nhân vật trên trời, với những áo choàng dài thướt tha màu trắng, và đó là những hình ảnh từ những sách vở lòng của buổi học đạo đầu tiên. Điều đó khiến tôi rất khó chịu, vì tôi biết là không có một Thượng Đế như thế, và tôi cũng không muốn bị lừa bịp bởi một giáo thuyết hay thần học về bản tính của Thượng Đế.

Tuy nhiên, tôi bình tĩnh lại, đặc biệt sau khi hay được mình phải đợi 3 tháng trước khi được khai mở. Trong thời kì đó, tôi có thể hỏi những gì về Subud để coi xem đó có thực sự là cái mình muốn theo không.

Sau khi được khai mở, tôi biết được như thế nào đó mình đã trở về cội nguồn mình. Tôi chỉ có thể mô tả đó là một cảm giác thần tiên vì cuối cùng đã trở về cố hương.

Một thời gian sau đó, tôi bị những hóa chất nguy hại làm hại mình, trong công việc kinh doanh bất động sản, khiến bị mất trí nhớ trầm trọng và không thể tiếp tục làm cái nghề đó nữa. May mắn là không bao lâu trước sự rủi ro đó, tôi nhận thức được công việc thích hợp với bản chất mình là trở thành một họa sĩ. Nên sau khi cắt đứt tất cả những quan hệ với công việc trước kia của mình, tôi ghi danh vào đại học nghệ thuật để lấy bằng cấp về môn mỹ thuật.

Sau khi có bằng cấp, tôi bắt đầu đi tìm một xưởng nghệ thuật tại Carmel. Chuyện đó không dễ, vì có nhiều người cần những xưởng như vậy, và thuê mượn thì mắc tiền. Tuy nhiên, phần chần vì sự tiếp nhận là sẽ có một xưởng cho mình, tôi đi tìm trong những tờ báo địa phương, và thấy quảng cáo cho thuê với giá phải chăng một xưởng nhỏ bé nơi một sân trong. Tôi lập tức gọi điện thoại, chỉ để nghe thấy là xưởng đã hứa cho người khác thuê.

Quảng cáo đó biến mất trên báo chí. Tôi tiếp tục đi tìm, thì một vài tuần sau lại thấy có quảng cáo đó. Tôi lại kêu điện thoại, và lần này thì người ta cho hay là tôi có thể thuê.

Tôi trở thành một nghệ sĩ thành đạt nơi cái xưởng đó trong 32 năm. Sau khi đóng cửa xưởng, tôi chuyển tới Texas. Tôi tiếp tục vẽ tranh, và làm điều đó theo chân tài mình cho phần còn lại của đời mình. Tôi vô cùng cảm tạ Thượng Đế và Bapak, vì đã có thể nghiệm được sự hiện diện của quyền năng Thượng Đế trong đời mình, và được cơ hội cải hóa đời mình, bằng cách nhận thức được định mệnh mình qua đặc ân của latihan kedjiwaan Subud.

Sẽ không còn bao lâu nữa

Francois Michel và Helsa Rousseau (Canada)

Tới tuổi 20 nhiều người thắc mắc về tôn giáo, cầu nguyện và đời sống tại thế giới bên kia. Chỉ việc cầu nguyện, đều đặn đi dự lễ, thì sau khi chết, ta chợt nhiên sẽ thấy mình trên thiên đàng với Tạo Hóa? Còn tất cả những nỗ lực và trải nghiệm của các nhà thần bí học thì ra sao? Từ năm 1965 Helsa và Francois Michel (sinh năm 1938 và 1933) bắt đầu đi tìm một lối tiếp cận mới mẻ với Thượng Đế, nhưng đã không tìm thấy bất cứ gì khiến họ hài lòng. Vì đã tìm thấy điều họ tin là một con đường kì diệu, nên họ muốn kể lại cho bạn điều đó xảy ra như thế nào.

Như phần đông những người Pháp Quebec hồi đó, họ lớn lên trong phạm vi đạo Công giáo Quebec. Nhận thấy cái tôn giáo đó rất khát khe và hẹp hòi, nên họ không còn muốn theo bất cứ tôn giáo nào. Nhưng họ vẫn còn cầu nguyện trong tâm mình, theo cách của họ.

Năm 1967 Francois bán cổ phần văn phòng kiến trúc cho kẻ làm ăn chung với anh. Năm 1969 anh nghỉ việc kiến trúc. Cuối mùa hè năm đó, họ mua, với giá rẻ mạt, một nông trại 100 mẫu, cùng với một căn nhà tồi tàn cách Sherbrooke vài cây số, nơi họ sống một

mạc với hai đứa con.

Sau khi thử một lần cuối, Francois quyết định không đi tìm tâm linh nữa, vì anh nghĩ rằng nếu là thiên mệnh cho anh tìm thấy, thì chắc chắn anh sẽ tìm thấy. Một vài tuần trước đó, anh chợt tỉnh dậy do một linh thị cực kì ấn tượng: việc anh đi tìm Thượng Đế là đi trong sa mạc, và trong khi anh tiếp tục chậm chạp đi mà không tìm thấy gì, chợt bên cạnh anh Chúa Giê-su nói: “Sẽ không còn bao lâu nữa.”

Đầu tháng 7 năm 1970, trong lúc Francois Michel đang sơn màu một mái nhà tôn, anh chợt không muốn làm nữa, vì cảm thấy rất thoải mái. Anh chợt thấy an bình và rất vui sướng; những đồi núi và khu rừng chung quanh anh chưa từng có một vẻ đẹp như lúc này. Ngay sau đó, Helsa nói với anh là Richard Lacroix, mà họ đã quen biết được một vài năm, vừa điện thoại cuối tuần anh sẽ đến cùng vợ anh là Patricia. Ngay lúc đó, Francois Michel cảm thấy Richard sẽ cho anh hay về con đường tới Thượng Đế, con đường họ đã lâu năm đi tìm.

Khi Richard và Patricia tới, Francois Michel ngắt lời họ, yêu cầu Richard lập tức cho biết tại sao anh tới thăm. Ngạc nhiên, Richard nói là mùa hè này tại Nice, anh tìm thấy một lối tu là Subud, một con đường huyền bí tạo sự giao tiếp với một Sinh Lực Sáng Tạo. Cái đó không có giáo lý, giáo điều, phép tắc nào -ngay cả phải đóng tiền cho mỗi lần! “Đó là một trải nghiệm riêng tư”, Richard nói, “trong tâm mình. Ta nhận được sự giao tiếp với cái Sinh Lực đó, chỉ có vậy thôi. Kể từ đó thì mọi việc xảy ra giữa Tạo Hóa và bản thân mình.”

Helsa và Francois Michel sửng sốt. Có thể đơn giản tới như vậy sao? Francois Michel tin chắc chắn đó là cái mình đã mong ước, bởi anh cảm thấy rất vui sướng, và nói là mình sẽ tới Montreal để nhận sự 'giao tiếp' đó. Thận trọng hơn, Helsa kêu la:”Sao! Anh có dờ hơi hay không? Mỗi tuần anh lái xe 600km để thử theo một cái mà anh hầu như không biết chút gì?” Francois Michel suy tính lại và đề nghị chỉ đi một lần thôi để xem sao. Nếu đó không là cái mình mong ước, anh sẽ không quan tâm tới nữa. Helsa đồng ý.

Nên Thứ Hai kế tiếp Francois Michel tới trung tâm Subud tại Montreal, và bởi Richard nói với anh là những ai ở xa có thể tức

khắc nhận được sự 'giao tiếp' nên anh xin được tiếp nhận ngay chiều hôm đó. Michael Thomas và Raymond Grad hỏi anh có thể đợi một vài phút hay không. Không bao lâu sau đó, họ trở lại nói với anh là mọi chuyện đều tốt đẹp. Như thế đó, ngày 10 tháng 9 năm 1970, Francois Michel đã nhận được sự 'giao tiếp' với Nguồn Đại Lực. Anh không cảm thấy bất cứ gì lúc khai mở, nhưng trong lúc về nhà, anh chợt cảm thấy có một sức nặng rất lớn được lấy ra khỏi ngực mình.

Trong nhiều tháng, anh không cảm thấy bất cứ gì lúc tập latihan. Nhưng anh thấy sung sướng, thư thái và hòa hợp với môi trường xung quanh, và Helsa cũng cảm thấy như vậy. Anh mất 7 tháng mới cảm thấy có gì đó lúc latihan. Tháng 10 anh nhận được một công việc tại đại học Montreal dạy môn Phác họa Đồ án mỗi Thứ Hai từ 10 tới 12 giờ. Kể từ đó, anh được trả tiền để tới Montreal tập latihan! Helsa cũng quyết định nhận sự 'giao tiếp.' Một đồng nghiệp của ông anh chị, một luật sư ở Sherbrooke, mỗi tuần lái xe tới Montreal, nên có thể chở chị tới đó rồi chở về. Sau khi nhận được sự "giao tiếp", Helsa càng lúc càng cảm thấy thanh thản hơn.

Tháng 11 năm đó, họ hay được là sẽ có một Hội nghị Subud Thế giới tại Indonesia lúc mùa Hè năm 1971. Tình trạng tài chánh họ không cho phép họ tới dự. Nhưng một buổi sáng tháng 4 nọ trong năm 1971, họ chợt thức dậy, ngồi trên giường nhìn nhau cùng nói: "Dù sao, tại sao chúng ta lại không đi dự Hội Nghị?" Nếu lấy hết ra tiền tiết kiệm, họ sẽ có đủ tiền cho chi phí. Sau khi làm đơn lấy tiền ra xong, Francois Michel nhận được một việc làm ngắn hạn tại một công ty kiến trúc ở Montreal, chi phí cho việc đi dự Hội Nghị.

Đi Tìm một Cảm Nhận

Edwin Gusenhoven (Hà Lan)

Tôi xuất thân từ một gia đình Công giáo ở Hà Lan. Trong các tổ tiên tôi có những vị là nam và nữ tu sĩ, những nhà truyền giáo hoạt động tại Trung Hoa và Brazil. Việc tôi thích tôn giáo và những nơi chốn đích thực đã xảy ra những gì là tâm linh có lẽ là được thừa hưởng của họ. Khi còn bé, tôi cảm thấy có một quyền năng tâm linh trong giáo hội Công giáo, đặc biệt lúc ban Lễ Thánh Thể.

Khi lớn tuổi hơn, tôi dần dần mất khả năng cảm nhận được cái quyền năng đó, nhưng là không mất hẳn. Khi khoảng 18 tuổi, tôi trải qua một giai đoạn cực kì thích tôn giáo, và đã vào tu trong nhiều tu viện trong một thời gian. Có lần, trong những ngày Giáng Sinh, tuy tôi thấy thiếu thốn những buổi liên hoan vui vẻ xảy ra ở nhà, nhưng điều đó lại làm tôi nhớ tới cái thời kì thơ ấu trong đó mình tin có Thánh Linh và quyền năng Thần Hồn của Chúa Giê-su. Tôi ước ao có nhiều hơn nữa.

Không bao lâu sau đó, anh tôi đến thăm tôi nói: “Edwin, anh lại tin là có Thượng Đế, một cách sâu sắc, thực sự, như chưa từng trước kia.” Tôi hết sức ngạc nhiên hỏi: “Làm sao như vậy được, đột xuất?” “Anh tìm thấy cái này đây”, anh nói, “họ là những người nói những điều mình triết mà mình nên giao thiệp.”

Nhưng tôi thì chỉ say mê cần cảm nhận được sự hiện diện của

Chúa Giê-Su, chứ không là những kẻ dù mình triết đi nữa. Anh tôi không biết ăn nói sao về điều đó, và tôi cũng quên hẳn đi nhóm người đó.

Tôi chẳng tìm thấy bất cứ gì cho chính mình. Anh tôi có vẻ hài lòng với nhóm Subud, và không bao lâu sau đó nài nỉ đòi tôi đi cùng anh tới trụ sở của họ tại Rotterdam. Khi vào đó, tôi ngẫu nhiên nghe thấy có ai đang hát, một cách rất êm đẹp: “Alleluia, Alleluia!” Lời hát đó tinh trong tới nỗi khiến tôi như bị đụng chạm, hầu như khắp cơ thể mình, và tôi cảm nhận rõ được đó là cái gì tâm linh mà mình thường nghiệm thấy lúc còn bé, trong nhà thờ. Tuy không khí rất thân ái và mọi người đều cởi mở, nhưng tất cả đều có vẻ thông thường, quá thông thường tới nỗi không thể là những gì tôi tìm kiếm.

Tôi không trở lại đó trong gần một năm. Tôi vẫn còn chưa tìm thấy bất cứ gì. Nhưng tới một lúc nào đó tôi lại khát khao cảm nhận được điều mình nghiệm thấy tại trụ sở Subud, nên quyết định gia nhập để cảm nhận nó một lần nữa. Cái đó, bây giờ tôi mới biết, là latihan.

Tôi đã trong Subud được 7 năm, và có thể thành thật nói rằng mình không những đã tìm thấy nơi chốn là của mình, mà còn được xác nhận về chân lí của tôn giáo mình. Nhận xét thực tại và sự toàn thiện của Chúa Giê-Su, cùng với những cảm xúc về điều đó trước kia của mình, tôi thấy tất cả đều hoàn toàn ứng hợp với nội dung của cái Thần Trí tìm thấy qua Subud.

Tôn Sư của tất cả các Tôn Sư

Vicki Gordon (Anh)

Tôi đã liên hệ với các tôn sư, cách đây không lâu. Tôi có một tôn sư, một người Anh chính cống, đã từng là đệ tử của một tôn sư khác, và chính ông cũng có sức hấp dẫn rất mạnh. Trong hai năm, hiểu theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, tôi đã ngồi dưới chân ông, tận tụy với ông, làm tất cả những gì ông bảo tôi làm và hấp thụ tất cả những gì ông nói. Ông dạy tôi nhiều điều, và tôi vẫn còn mang ơn ông, nhưng ông không là Thượng Đế, và một ngày nọ tôi chợt nhận ra là ông cũng có thể sai lầm.

Một năm khác trôi qua, tôi bắt đầu cảm thấy ngứa ngáy là mình phải nhìn xem chung quanh mình -đó là một thử thách cho lòng trung thành của mình, tôi tự hỏi. Tuy ông rất tốt và có uy tín nhưng tôi càng lúc càng ý thức được ông cũng chỉ là một con người, và do đó không thể không hơn gì những người khác như chúng tôi. Mắt tôi không còn nhìn thấy ánh sáng nữa, và cái hào quang thiêng liêng cùng với cái thần trí vô biên của ông dần dà mờ nhạt khi tôi bắt đầu tự mình tư duy. Những chân lí từng được coi là ẩn tượng của ông trở thành không khác gì hơn những khuôn sáo, và sự tự tôn quá mức của ông hiển nhiên tới nỗi khiến phải lo ngại. Một hôm nọ, tôi rút cuộc cảm thấy chính ông cũng cô đơn và hơi chán chường. Nhưng tới lúc đó thì tôi không phải quan tâm, vì đã tìm thấy Subud.

Ban đầu thì không có gì nhiều, chỉ là việc đi dự mỗi tuần hai lần, và mọi người thì có vẻ đồng đều tối dạ -nhưng không hiểu tại sao tôi vẫn bám vào.

Tìm thấy tôn sư mình là một Biến Cố đột ngột và kì diệu. Tôi đã từng dự những buổi giảng đạo, và tức khắc mê thích tất cả những gì có với nó: cái không khí huyền bí và lãng mạn, hàng trăm người trẻ tuổi bao quanh thầy, những tràng hạt và quần áo kỳ dị của họ, những công việc nặng nhọc chúng tôi cuối tuần cùng làm với nhau, những buổi họp long trọng và sự tham thiền buổi sáng theo lễ nghi. Tôi mê thích tất cả những điều đó, và là một thành phần của nó. Tôi đã học hỏi được nhiều, và thấy đó là một lối sống tuyệt vời -cho tới khi mình bắt đầu tự tư duy.

Trái lại, việc tôi vào Subud thì không có gì trọng đại xảy ra. Chỉ dần dần tôi mới nhận thức được mình là một cá thể tự do. Không có ai bảo tôi làm những gì phải làm, hay ngay cả mong tôi làm bất cứ gì. Tất cả những gì chung quanh tôi -thiên hạ, nơi chốn và các phụ tá đều thông thường và không có gì hấp dẫn tới nỗi tôi cảm thấy thiếu hẳn cảm tình với họ. Tôi đi tập dù có họ, chứ không là vì họ.

Và tôi vẫn còn theo tập, tay áo mình được kéo giạt bởi một sợi chỉ vô hình mỗi Thứ Hai và Thứ Năm. Những ngày tháng đầu tiên đó trong Subud thật lộn xộn, và những gì các phụ tá nói trái ngược nhau tới nỗi tôi không thể tin bất cứ lời nào của họ. Nhưng tôi vẫn tiếp tục.

Nhiều năm sau đó tôi vẫn còn tiếp tục, vẫn còn không ưa thích cái khung cảnh. Tôi không ưa những phòng tập xám xịt, sự tự mãn của một vài phụ tá và sự vô vị của một số hội viên. Nhưng tối thiểu thì tôi biết rằng mình đã có điều mình đi tìm trong nhiều năm qua: hướng đi, trợ lực và dẫn dắt trong đời mình, một cảm giác sống động về quyền năng của Thượng Đế trong tâm mình.

Đó là cái Sinh Lực nói tới trong những phim *Star Wars*. Cái đó có trong Subud, nó tốt lành và có hiệu quả. Tôi đi trên lối đi của chính mình -con đường của chính mình, làm vừa vặn cho chính mình, do một Thần Trí hiền lành, không do một tôn sư là con người.

Theo tôi, những ngày tháng của các tôn sư không còn là bao nữa, vì hiện nay các cá nhân có thể giao tiếp với tôn sư họ, trong tâm họ, và đó là quyền năng của Thượng Đế, Tôn Sư của tất cả các Tôn Sư.

Đời tôi sẽ không bao giờ còn như trước nữa

Emmanuel Elliot (Anh)

London, Anh quốc, trong năm 1957. Sắp tới mùa Thu, lúc sinh nhật thứ 21 của tôi, còn tôi thì là một hạ sĩ quan trong Không Quân, một thành viên của bộ chỉ huy. Ông xếp trực tiếp của tôi là phi đội trưởng Roy H.Compton. Ngoài quan hệ nghề nghiệp, Roy và tôi cùng chung một ý thích: đi tìm đạo. Chúng tôi có thói quen so sánh những gì mình ghi lại về những tác phẩm thần bí mới nhất mà mình đọc, về những buổi hội thảo và vân vân. Sự chia sẻ đó đều có lợi cho cả hai chúng tôi.

Tôi đã bắt đầu đi tìm đạo lúc khoảng 18 tuổi. Không ưa thích lối giáo dục cứng ngắt thời niên thiếu của Thiên Chúa giáo, tôi đã có ý nghĩ là không một tôn giáo nào độc quyền được về tâm linh, trong khi có biết bao thế hệ của những tín đồ sinh ra trong những môi trường tôn giáo và văn hóa khác nhau. Đương nhiên là còn có gì thâm sâu hơn những giáo điều độc tôn và nông cạn của tôn giáo này hay tôn giáo kia. Có thể tất cả các tôn giáo lớn, tất cả các chân đạo, đều xuất phát từ một cội nguồn tinh trong duy nhất mà mọi người đều mong ước sẽ trở về đó?

Bước đột phá ban đầu của tôi là sự phát hiện được trong một thư viện công cộng một tác phẩm mỏng về Phật giáo của Christmas Humphrey. Tôi còn nhớ tới việc mình đã phấn chấn say sưa đọc cuốn sách nhỏ đó. Điều đó như có một cửa sổ đã mở toang trong trí óc tôi. Sau khi thăm viếng một ngôi chùa ở London, tôi tiếp tục đọc những tác phẩm khác về Phật giáo, cùng với những sách của các nhà huyền học Hồi giáo, Ấn Độ và Do Thái giáo. Những tác

phẩm của Krishnamurti, Rudolph Steiner, Gurdjieff và Ouspensky cũng đóng một vai trò quan trọng trong sự mở mang nhận thức tôi. Nhưng điều đáng ghi nhớ nhất trong thời kì đó là một truyện về Thánh Ramakrishna. Vị thánh thế kỉ 19 đó đã được khiến cho tuân hành theo lối hành đạo của mỗi tôn giáo lớn trên thế giới. Sau cuộc thí nghiệm đó, ông có thể làm chứng cho việc thực chất của các tôn giáo đều như nhau, mỗi tôn giáo đều làm cho đạt được niềm cực lạc của tâm hồn.

Anh bạn tôi tìm hiểu theo cách của anh, tất nhiên, và nếu có thời gian gián đoạn công việc, chúng tôi thường trao đổi những ý nghĩ của mình. Tuy nhiên, có điều bất thường này là những tia sáng trong cặp mắt anh, khi một buổi sáng nọ anh đột ngột vào văn phòng nói: “Nghe kĩ đây!” Anh hầu như không thể đè nén sự phấn chấn của mình. “Đêm hôm qua, Michael Scott, một người bạn xưa kia hiện nay đang ở Tangiers, đã điện thoại cho tôi. Anh cho tôi biết về một cuộc viếng thăm tới Anh của một tôn sư Java tên là Bapak. Theo Michael, nhân vật đó có thể đem thiên hạ tiếp xúc thẳng với quyền năng của Thượng Đế trong tâm họ. Ông ấy đang ở viện Gurdjieff Institute gần Richmond, mà viện trưởng là J.G.Bennett.

Có tin là Bapak đã có mặt trong nhiều tuần tại Coombe Springs ở Surrey, với tư cách là khách của John Bennett, một nhân vật chủ chốt trong phong trào theo lối tu Gurdjieff. Hình như là nhân vật từ Java đó đã tạo nên điều gì như một trận sóng gió tâm linh, bằng cách dẫn nhập Bennett và hàng trăm đệ tử của ông vào một con đường tâm linh mới lạ, một cách độc đáo làm thức tỉnh tâm hồn mỗi cá nhân.

Cái tin đó có điều gì hấp dẫn. Chỉ trong vòng vài ngày, Roy và tôi đã có mặt trong đám đông tụ tập tại Coombe Springs để nghe ông Bennett nói về điều gọi là Subud. Subud, hình như vậy, là danh hiệu của cái phong trào đang nhanh chóng bành trướng ở Tây phương trong cuộc viếng thăm vừa rồi của Bapak.

Bennett kể cho chúng tôi hay về cuộc đời trước kia của Bapak, về việc như thế nào Bapak đã tiếp nhận được một sự chấn động tâm linh mãnh liệt làm nhiều người phấn chấn và chú ý tại một nơi chốn yên lặng này là Surrey.

Việc truyền thụ sự giao tiếp đó từ người này qua người kia được gọi là khai mở, Bennett giải thích. Sau khi được khai mở thì có thể tự nhiên nghiệm thấy những gì xảy ra trong lối tu tập này.

Lúc ông nói, tôi cảm động thấy tâm mình yên tĩnh. Như thế nào đó, tôi biết được ‘đúng là nó’ nên không còn muốn hỏi gì thêm. Một tuần sau đó, khi trở về Coombe trên một chuyến xe mà phân nửa là những người đi tìm hiểu Subud, tôi thấy mình khó hiểu được tại sao họ lại tranh luận và phân giải Subud đúng ra là gì. Thông thường tôi sẽ tham gia tích cực cuộc tranh luận đó, nhưng lại thấy mình chỉ việc yên lặng ngồi để hòa điệu với những gì là chắc chắn trong tâm mình.

Để chứng tỏ lòng thành của mình và cho mình thời gian tìm hiểu tất cả những gì về Subud, chúng tôi phải chờ đợi 3 tháng trước khi được khai mở. Với tôi thì đó là một lúc mà thời gian trở nên chậm chạp. Qua giai đoạn đó, ngày 18 tháng Giêng 1958 tôi đến Coombe Springs từ North London cho biến cố trọng đại. Tôi lần lộn cảm thấy vừa căng thẳng, vừa mong đợi.

Người ta dẫn tôi vào một căn phòng đã có 3 hay 4 hội viên, tất cả đều phái nam. Nơi đó người ta yêu cầu tôi cởi áo gió, giầy dép và cà-vạt ra. Có một anh bạn trẻ Indonesia đến tập chung với chúng tôi, tên anh là Sjafrudin, một trong những phụ tá trụ cột hội đó ở Tây phương. Một trong những người nam đọc một tuyên ngôn ngắn cho biết họ là chứng nhân cho ước muốn cho sự phụng thờ Thượng Đế của tôi. Anh còn cho hay là tôi chỉ việc thư thái mà không tập trung tư tưởng. Anh liền nói: “Bắt đầu.”

Những người khác bắt đầu cử động chậm chạp quanh phòng, một vài người nhẹ nhàng hát theo cách rất cá biệt của họ. Tôi thấy nóng lòng muốn làm như họ. Nhưng điều khiến tôi ngạc nhiên và hơi bực bội là đầu gối mình muốn động đậy. Tôi luôn luôn ép mình đứng thẳng người để chuẩn bị bắt đầu tu tập. Cuối cùng điều xảy ra là chân tôi biết được, biết rõ hơn trí óc, sự tu tập đã bắt đầu, nên tôi cho phép chân mình làm theo ý thích của nó. Tức khắc và bất ngờ, tôi tự động quỳ xuống trên đầu gối để phụng thờ và quy thuận.

Đời tôi sẽ không bao giờ còn như trước nữa. Đời sống Subud của tôi đã bắt đầu.

Tôi phải đề phòng ngay

Abraham Spivak (Hoa Kỳ)

Khi chuyển tới New York City trong năm 1961, tôi vui mừng vì được gần cận người bạn thân nhất mà mình đã ít gặp trong vài năm qua. Tuy những sinh hoạt của đời tôi có thể khiến mẫn nguyện, tôi không mấy cảm thấy mình được hài lòng và nuôi dưỡng. Dù cảm thấy như vậy, tôi không nhận thấy là mình muốn đi tìm bất cứ gì. Tôi ngạc nhiên thấy bạn mình đã đi tìm và tin rằng anh phát hiện được một tôn sư về huyền học có thể đưa anh tới điều anh gọi là ‘tâm thức.’ Anh đưa cho tôi đọc một cuốn sách, mong rằng tôi sẽ cùng anh đi tìm. Tôi không muốn đọc, nhưng vì nể anh tôi đã đọc. Khi trả sách lại cho anh, tôi nói là mình không hứng thú. Tôi cảm thấy không ai có thể hiểu tất cả những gì là chính mình và không là chính mình, nên không thể thấy bất cứ ai có thể biết được tất cả những gì tôi cần để đáp ứng sự khao khát còn phôi thai trong tâm tôi.

Anh rất thất vọng, suy nghĩ trong một lát rồi nói anh sẽ kiếm một cuốn khác. Tôi kêu rên trong lòng mình, nhưng cũng vì nể anh nên tôi lại đọc. Khi về nhà, tôi bắt đầu đọc *Concerning Subud* của John Bennett. Tuy tác giả có vẻ như không cất nhắc gì nhiều về Subud, chỉ trong vài trang sách, nhưng tôi đã hứng thú đọc, dù mình không biết gì nhiều về những chuyện đó, vì đã không đọc nhiều và ngay cả tìm hiểu về những đề tài tâm linh. Tôi không tin là có thần hồn hay một thế giới tâm linh nào. Tôi không có bằng chứng nào về điều đó, và cũng chưa từng cảm thấy có gì đã xảy

ra trong đời mình có khả năng kiểm chứng. Nhưng bây giờ thì tôi phải suy nghĩ dù đó là bất cứ gì, tôi có thể tự mình nghiệm được. Sẽ không có ai dạy bảo tôi, hay đứng giữa tôi và cái đó.

Sau khi tìm thấy địa chỉ của nhóm Subud ở New York, tôi đi dự một buổi họp cho những người muốn tìm hiểu. Tôi đi ngay cả dù không tin điều đó sẽ đem lại kết quả nào. Chúng tôi họp nơi tầng trệt của một tòa nhà gác xép, các ghế ngồi sắp đặt theo kiểu đặt trước sân khấu, với khoảng 7 hay 8 người nam đối diện khoảng 15 người chúng tôi. Khi họ nói và trả lời những câu hỏi, tôi nhanh chóng nhận thấy thực ra họ đã không cho chúng tôi biết bất cứ gì đặc biệt về 'latihan'. Tôi cố gắng trải qua 3 tháng phải chờ đợi trước khi được tập cái latihan đầu tiên mà họ gọi là 'Khai Mở'. Nền trong những tuần đó, tôi đến dự mỗi buổi họp, ngồi đó mà không nói bất cứ gì, điều này thì tôi phải thú nhận, và đôi khi đã ngủ gà ngủ gật (nhưng không làm phiền bất cứ ai). Thế rồi tới lúc trọng đại.

Một vị nọ dẫn tôi lên lầu một, và cho hay những gì sẽ xảy ra: vị đó yêu cầu tôi nên cởi bỏ giày dép và tất cả những gì trong túi quần ra có thể khiến mình không chú tâm mà chỉ việc thoải mái, thư thái và đừng lo sợ. Một tuyên ngôn được đọc cho tôi nghe trước lúc latihan. Tiếp theo, vị đó dẫn tôi lên lầu hai vào một phòng khá mờ tối, trong đó có khoảng 6 hay 7 khuôn mặt u mờ. Tôi phải đề phòng ngay, và quyết định không để cho bất cứ gì áp đặt lên đầu mình. Cùng với những người khác, tôi đứng yên lặng, nhưng trong trạng thái cảnh giác, khi nghe lời tuyên ngôn được đọc (tôi cau mày khi nghe thấy tiếng 'Thượng Đế') trước khi latihan bắt đầu.

Tôi ý thức được những người khác đang cử động, và đôi khi nghe thấy những âm thanh, nhưng tôi không cảm thấy bất cứ gì. Bất cứ những gì xảy ra cho mình, tôi nghĩ có thể dễ dàng giải thích. Chân tôi cảm thấy lạnh, như vậy phải có một gió lùa. Đầu tôi muốn gục xuống trên ngực, như vậy là vì tôi mệt lử. Tôi bắt đầu lắc lư, đó có vẻ như là tôi mệt mỏi vì đứng yên lặng. Và latihan đã xong. Tôi thất vọng. Tôi không cảm thấy bất cứ gì đã xảy ra, và dù đó là bất cứ gì, tôi chẳng nghiệm thấy gì hết. Lúc lấy lại giày dép mình, tôi chỉ muốn cho người ta đừng hỏi han gì mình.

Khi tôi đi xuống tầng trệt là nơi có ghế ngồi, vị đọc tuyên ngôn đi

theo tôi hỏi tôi có cảm thấy gì không. Tôi nói với ông là mình thật thoải mái, và không muốn làm bất cứ gì. Tôi chỉ muốn ngồi và được yên lặng. Ông trở lên lầu sau khi nhìn kỹ tôi, còn tôi thì yên lặng ngồi, lấy làm vui thích vì sự tĩnh lặng. Tôi ngồi đó có lẽ được 30 phút. Tôi thấy rất thư thái và lấy làm lạ là sao mà tất cả đều yên lặng đến thế. Tôi liền trở về căn hộ mình, đi bộ khoảng 20 phút.

Về tới nơi ăn chốn ở mình, tôi cảm thấy hết sức thất vọng là có vẻ như mình đã chẳng nghiệm thấy bất cứ gì, và tự hỏi chắc có gì đó thiếu thốn nơi mình. Khi lên giường ngủ, tôi bắt đầu ôn lại những biến cố tối hôm đó, tìm cách nhớ lại những gì đã xảy ra để coi xem có gì thiếu thốn không. Tuy tất cả những điều đó xảy ra trong đầu óc mình, tôi vẫn còn cảm thấy sự tĩnh lặng lành mạnh đó. Nằm trên giường, tôi nhớ lại những lời tuyên ngôn, và khi nghe lại những lời cuối, tôi tự nói với mình như đã được nói: “Bắt đầu”. Đột nhiên hình như có một sự rung chuyển nâng cơ thể tôi lên khỏi giường!

Một tiếng kêu vo vo phát ra từ vùng bụng phía dưới xương sườn. Tôi hết sức ngạc nhiên. Thật bất ngờ - một điều như vậy phải nói là hoàn toàn bất ngờ. Tôi cảm thấy như có một máy phát ra điện từ trung tâm cơ thể mình. Tôi không hiểu điều gì đang xảy ra. Bởi điều đó tiếp diễn, tôi lo ngại yêu cầu nó ngưng lại. Nó lập tức ngưng lại. Ngay sau đó, tôi hồi tiếc là mình đã lo sợ khiến nó ngưng lại. Nhưng đồng thời tôi cũng kinh ngạc. Và điều quan trọng nhất là tôi biết điều gì có thật đã xảy ra. Sự nói kết tôi tiếp nhận được từ latihan cho tôi bằng chứng về việc còn có những gì ngoài sự tin tưởng của mình.

Trong những năm tiếp theo tập latihan đều đặn, cả với nhóm lẫn một mình, tôi đi đến chỗ biết được là quả thực có một thần hồn và quyền năng cao siêu. Tôi được nối kết với nó, với sự nuôi dưỡng đưa mình lên một cảnh giới cao hơn và sự hướng dẫn khiến được thanh lọc của nó. Tạ ơn Subud.

Lần đầu nghe nói về Subud

Roland Graham (Canada)

Ngày 1 tháng 6 1959 Maria và tôi cùng với 3 đứa con đi xe lửa từ Montreal tới Vancouver để bắt đầu một cuộc sống mới. Hồi đó tôi thích viết văn và đến coi những tiệm sách mình có thể tìm thấy. Tháng 2 1960 tôi tình cờ thấy tiệm sách Yoga-Vedanta trên đường Robson Street. Nơi đó tôi gặp Swami Radha, một đệ tử của Sivanda, và bà hứa sẽ dạy tôi yoga nếu tôi chịu làm việc trong tiệm sách bà.

Trong buổi yoga đầu tiên, tôi gặp một cặp vợ chồng lão niên mà giữa lúc học họ đi ra ngoài phòng học nằm trên tiệm sách rồi trở về học 40 phút sau đó. Điều đó xảy ra hai hay ba lần.

Một hôm nọ, sau một buổi học, Swami Radha đề nghị họ cho tôi đi cùng xe với họ trên chiếc xe VW Beetle của họ, vì nhà tôi cùng hướng với nhà họ. Họ đồng ý. Trên đường về, họ dừng lại trước một tòa nhà trông như vô chủ, trên góc đường Thurlow Street. Bà vợ xin lỗi, nói rằng chỉ mất có vài phút, rồi đi vào tòa nhà từ con đường nhỏ.

Cặp vợ chồng đó là Merne và Leonard Cumming.

Khi Merne trở về sau một lúc không lâu, Leonard tiếp tục lái xe. Tôi hỏi Merne đó có là nơi vợ chồng bà tới hay không, khi họ đi ra ngoài giữa lúc học yoga.

- Đúng là nơi này, bà nói.

- Bác làm gì ở đó?

Họ liền dùng một chiến thuật khéo léo tránh né, tìm mọi cách đánh

lạc hướng tôi. (Chỉ sau này tôi mới hay được là Swami Radha đã bảo họ không được nói với tôi về Subud, vì tôi chưa đủ căn cơ).

Chúng tôi đến một nơi cách một nhà kho bên cạnh trụ sở Subud trên con đường Fraser Street ở Vancouver, và Leonard đậu xe lại cho tôi xuống xe, vì nhà ông gần đó trên con đường East 22 Avenue.

Không chịu buông tha, tôi nói: “Tôi sẽ không xuống xe nếu bác không cho tôi biết.”

Bực mình, Merne bắt đầu nói về Subud.

Không hiểu sao tôi đã không quay hẳn người về phía bà trong lúc bà nói, nhưng lại nhìn qua khung cửa sổ đằng sau chiếc xe VW cũ kĩ của họ. Chợt nhiên -lúc đó khoảng 9 giờ tối- tôi trông thấy một luồng ánh sáng vô biên chiếu xuống thành phố, tuy đó không là ánh sáng vật chất.

Tôi biết ngay cái ánh sáng “khác lạ” đó là từ Thượng Đế; nó thường xuyên chiếu xuống thế giới, và Subud là một phương tiện để nối kết với cái ánh sáng đó.

- Tuyệt quá, tôi nói và nhận thức được đó là cái ánh sáng mình đã đi tìm trong suốt đời mình, điều bác nói tới là thiên ân!

- Bác phải tới nói cho vợ tôi hay, tôi cũng nói.

Từ đó tôi chắc chắn Subud là cho mình, cho vợ mình và anh bạn Charles của mình.

Leonard và Merne Cumming đến nơi ở nhỏ bé của chúng tôi để nói cho Maria hay về Subud. Chúng tôi tức khắc thành dự bị hội viên. Chúng tôi được khai mở ngày 13 tháng 6 1960. Một thời gian sau đó, Charles cũng biết về Subud và được khai mở.

Leonard và Merne trở thành những thiên thần hộ vệ của chúng tôi, giúp nuôi ăn con cái chúng tôi, khi chúng tôi thiếu thốn thức ăn, và chở chúng tôi đi tập latihan rồi chở về nhà. Chúng tôi luôn mang ơn họ.

Sự khai mở

John Barter (Anh)

Các màn che được hạ xuống. Các đèn, ngoại trừ chiếc đèn cuối phòng, đã tắt. Chúng tôi đứng theo một vòng tròn không đều đặn. Đối diện tôi, Tom thanh thản nói một vài nhận xét về ý nghĩa sự khai mở. Lời khuyên đó là tôi đừng suy nghĩ tới bất cứ gì, đừng cảm nhận bất cứ gì, đừng mong muốn bất cứ gì. Chúng tôi nhắm mắt lại. Tom nói: “Bắt đầu.”

Tôi chấp tay lại phía trước ngực. Tôi cố gắng thư thái làm cho trí óc mình trống không. Điều đó không dễ gì. Thứ nhất, trí óc tôi thông thường trong trạng thái hoạt động mãnh liệt. Không dễ gì mà gạt bỏ những so sánh, những suy đoán, những căng thẳng và hiểu kì trong tâm trường. Thứ hai, ngay khi chúng tôi bắt đầu, quá trình thanh lọc của Nguồn Đại Lực hoạt động, và tự biểu hiện theo cách riêng biệt của những người khai mở. Thế nên, một người trong họ hầu như bắt đầu thở khó nhọc và rên rỉ như trong cơn đau. Tuy tôi đã chuẩn bị và do đó phần nào không thấy khó chịu, nhưng điều đó khiến tôi phân tâm và khó thư thái hoàn toàn. Hai người trong những người khai mở nhẹ nhàng ngâm nga. Một người trong họ đi tới đi lui như đang sốt ruột.

Có hai biến cố xảy ra, một cách phi thường và khó giải thích tới nỗi không có bất cứ gì trong đời tôi đã chuẩn bị tôi cho những gì khiến kinh ngạc. Tôi khó có thể nói tới hay viết về những điều như vậy.

Cho tôi được nói những gì đã xảy ra. Nhưng trước hết tôi phải nhìn nhận là mình đối diện một chương ngại tiếp giao mà những người khác trong Subud đã vướng vào. Cái ngôn ngữ phải dùng thì không thích đáng cho sự tiếp giao. Dùng ngôn từ, âm nhạc hay hội họa không thể diễn đạt màu sắc, âm điệu hay sự huy hoàng của cái nghệ thuật đặc biệt đó. Những gì tôi nhìn thấy là như vậy.

Một lúc nào đó trong nửa tiếng đồng hồ tôi đứng đó, lúc khai mở, tôi thấy một sức mạnh hữu hình dâng tràn lên chung quanh mình. Nó đi lên từ mặt đất cách tôi gần một thước trong hình dạng hình nón, một cách không mấy nhanh. Bề mặt của nó nhẵn trơn và đều đặn, nhưng cái phần bên trên khi nó đi lên chung quanh tôi thì rung rinh và không đều, đúng hơn như vành một cây nến đã đốt được một thời gian. Nó toàn diện bao quanh tôi trong một lúc, trong một kén tầm của ánh sáng. Nó hơi trong suốt. Tôi có thể nhìn thấy căn phòng xuyên qua nó. Có lần từ một vách đá ở Wales, tôi ngắm nhìn bắc cực quang (*) nơi chân trời đại dương. Cái sức mạnh mọc lên chung quanh tôi trong một tiếng nổ chậm chạp là điều gì như vậy, chỉ khác ở chỗ là nó hoàn toàn không màu sắc. Nếu có bất cứ màu sắc nào, thì đó là màu vàng nhạt. Không những tôi chỉ trông thấy, mà còn nghe thấy nó, tôi tin như vậy, nhưng sự dâng trào của nó còn có thêm điều gì là hiểu biết trong tâm tôi. Tôi hiểu được rằng cái sức mạnh đó có tính chất che chở, và kể từ đó, không có gì, bất cứ gì, có thể làm hại tôi. Tôi hiểu được, bằng cách nhận ra, hay đó là một sự hiểu biết đã có sẵn, đó là một sức mạnh uy quyền nhất, vi siêu tuyệt nhất, trong vũ trụ, và nếu có một bom khinh khí nổ để phá vỡ nó, thì đó không hơn gì nùi bông nhẹ đối với sắt thép.

Đó không chỉ là một sức mạnh bốc lên chung quanh tôi như một tấm chắn, mà ngay lúc đó, mọi điều được thông mở, tôi còn thấy được nơi chốn là cội nguồn của nó. Tôi thấy nó đến nơi mình từ chỗ thâm sâu nhất, từ chỗ ranh giới xa xôi nhất của vũ trụ, như một cái phễu hay bao vỏ trải ra từ nơi vô tận xuyên qua không gian và tất cả các ngân hà tới cái hành tinh này và cá nhân tôi trong phòng. Tuy vậy, nó có vẻ như không kinh khiếp và vô cảm. Trái lại, tôi còn cảm thấy như vô cùng vui sướng, tin rằng mình thanh bình không thể bị hại, và ý thức được như có một thiên lực che chở nhập vào tâm mình từ một nơi xa xôi ngoài sức tưởng tượng.

Điều đó trôi qua. Tôi không thể phân chia biển cố thành từng phần, và có những người nói rằng nó không xảy trong thời gian, mà là muôn đời. Tôi không thấy nó mất đi. Điều tiếp theo phải xảy ra liền xảy ra.

Tôi hoàn toàn có thể nhìn thấy chung quanh. Tôi nhìn thấy tất cả những gì chung quanh: phía trước, bên cạnh, đằng sau, trong cùng một lúc.

Ngay sau đó, trong sự tĩnh lặng hoàn toàn, bốn thiên thần hiện xuống đứng bên cạnh tôi; hai vị đứng trước mặt, hai vị kia, mà tôi cũng có thể nhìn thấy, đứng phía sau. Tôi tức khắc trông thấy tất cả họ, một cách rõ rệt. Tất cả những gì khác đều xóa mờ, hay biến mất, trừ 4 vị thiên thần đó. Căn phòng không còn đó. Những người khai mở cũng không còn đó. Không có một nền tảng vật chất hay chất liệu nào, chỉ có chính tôi và các thiên thần. Họ và tôi đối diện nhau.

Tôi có rất nhiều kinh nghiệm về giấc mơ hay sự mơ tưởng. Tôi biết thế nào là ảo giác và ảo ảnh; tuy chính mình chưa từng gặp những gì tương tự, nhưng tôi đã đọc về và trông thấy những hình chụp về những “hồn ma” lơ lửng và không trong suốt mà người ta nói tới trong bóng tối của những buổi cầu cơ. Không thể so sánh với những gì như vậy. Điều này thì khác hẳn. Nếu lúc này đang ngồi trong một phòng sáng trưng, hay trong một khu vườn dưới ánh mặt trời, và có những người khác hiện diện cách mình hơn một thước, bạn sẽ thấy họ rõ rệt và có thật y như tôi đã thấy các thiên thần.

Họ lơ lửng trong một ánh sáng (nguồn gốc của nó thì không thấy được) hoàn toàn rõ ràng tại một tầng lớp cao hơn của tôi, như họ đang trên bờ mép một cái đĩa đường kính khoảng 5 hay 6 thước, còn tôi thì đứng nơi chỗ trũng của cái đĩa đó. Họ cao khoảng từ 2 tới 3 thước, họ không khác là bao với những thiên thần mà truyền thống đã tượng hình. Theo những gì tôi còn nhớ, những áo choàng màu trắng lòng thông từ vai họ. Tôi cũng còn nhớ là mình đã đặc biệt chú ý tới những quần áo trông như vảy cá hay lông chim của họ, từ chỗ thắt lưng tới đầu gối. Cái đó có một màu xanh dương đẹp vô cùng của chim bói cá. Trong những bức tranh của các nghệ sĩ tài ba, các thiên thần hầu như đều được tượng hình là “tốt lành” hay thánh thiện, theo một cách khái quát và vô sinh

khí. Nhưng khuôn mặt của mỗi vị thật độc đáo, không chỉ trong cơ cấu, màu sắc, tóc tai và diện mạo, mà còn trong tâm hồn. Một cách riêng biệt và sáng tỏ.

Trong lúc tôi chăm chăm nhìn họ chung quanh mình, trong sự ki diệu và đầy đủ, họ mỉm cười nhìn lại tôi, một cách trang nghiêm thanh thoát và khiến yên tâm. Một lần nữa, tôi đặc biệt cảm thấy an ủi bởi cái nhìn của họ, bởi cái uy quyền thân thiết về sự hiện diện để che chở của họ: họ vừa là những hộ vệ, vừa là những sứ giả.

Tôi đã mô tả những gì đã xảy ra và nhìn thấy.

Một chứng nghiệm như vậy vô cùng oai nghiêm. Không có gì phải nghi ngờ, là mộng tưởng, hay liên tục thay đổi trong sự lộ diện của nó. Nhìn thấy 4 vị thiên thần đó trong trạng thái vững chắc của không gian ba chiều không khác gì với việc phân biệt được một người bình thường hay một đồ vật cách mình độ vài thước, trên một đường phố dưới ánh mặt trời. Nếu đó có thể (hay không thể) là khuôn hình cô bé Bernadette đã nhìn thấy ở Lourdes, thì bây giờ tôi không khó khăn hiểu được cô luôn quả quyết đó là một thực tại khách quan.

Thực tế, điều khó có thể xảy ra là các thiên thần hiện ra với xương thịt họ. Hầu hết những ai đã có bất cứ chứng nghiệm nào trong Subud đều giải thích đó là những “linh thị”. Những linh thị đó, tuy không thông thường, xảy ra nhiều lần cho những ai trong Subud.

Lớn lên trong Subud

Rayner Sutherland (Canada)

Tên tôi là Rayner Sutherland. Bố mẹ tôi đã trong Subud và tích cực hoạt động trong đó, khi tôi sinh ra trong năm 1964, tại Vancouver, Canada.

Lớn lên như một đứa bé trong Subud là một trải nghiệm tuyệt vời. Tôi rất thích những lúc chơi đùa với những đứa bé Subud khác. Các hội viên ở đây đã từng sở hữu một nông trại rộng lớn ở Aldergrove, một cộng đồng nông thôn ngay bên ngoài Vancouver, nơi tất cả chúng tôi gặp mặt nhau lúc cuối tuần. Các người lớn hòa mình với nhau, làm đồ ăn, chơi nhạc, điều hành nông trại, tổ chức những sinh hoạt cho trẻ em, và cùng nhau tập latihan. Các trẻ em được tự do và độc lập làm bất cứ những gì mình thích. Chúng tôi chơi hockey, giúp xây cất một nhà bằng gỗ nguyên khối trong rừng sâu, thám hiểm khu rừng rộng lớn có một nhánh sông xuyên qua đó, làm những chiếc bè trên đó chúng tôi ngồi cho nó trôi nổi trên một ao nước nhỏ bé nhưng khiến vui thú, chơi đùa trong kho lúa, hay làm tất cả những gì khác mình thích. Đó là một nơi chốn thần tiên mà tôi vẫn còn tiếc nhớ, sau nhiều năm phải bán nó đi.

Mỗi năm chúng tôi có những trại mùa Hè của Subud, đi trượt tuyết hay nghỉ mát nhân dịp những hội họp của Subud khắp nơi trong tỉnh hay tại những nơi khác. Có nhiều buổi họp giao tình tại phòng tập latihan miền Tây Vancouver, trong đó các trẻ em được phép là trẻ em và được chạy đùa mọi nơi.

Gia đình tôi thường có những người khách Subud từ nước ngoài đến tá túc. Khi lớn hơn được một chút, tôi thích nghe bố mẹ mình nói chuyện với các khách về những chuyện và chứng nghiệm trong Subud.

Như hầu hết các trẻ em Subud khác, tôi cùng họ lớn lên mà không biết gì nhiều về Subud, về latihan và Bapak. Bởi Subud không là một tôn giáo hay có giáo lý, nên cũng không có những buổi dạy học chính thức về Subud mỗi Chủ Nhật, theo kiểu của các trường học. Những điều học được về Subud, chúng tôi học được một cách bất chính thức từ bố mẹ và các bạn bè mình.

Khi còn ở tiểu học, tôi nhanh chóng biết được là mình không nên nói chuyện với những đứa trẻ khác về Subud, về sự thăng thiên của Bapak hay về latihan -nếu không thì sẽ bị coi là “kỳ cục”. Ngay cả khi lớn lên, và ngay cả với những người bạn thân nhất của mình, tôi cũng nhận thấy tốt hơn là nên giữ kín những gì đặc biệt, thiêng liêng, quý báu nhất của đời mình, không thì sẽ bị trêu chọc là thuộc một “dị giáo”. Những bạn bè thân nhất của tôi không hề biết là tôi theo con đường tâm linh đó.

Ở trung học học hành không có gì là xuất sắc, nên tôi quyết định, một cách có vẻ miễn cưỡng và thiếu tự tin, là mình sẽ vào học trong một trường đào tạo thành cảnh sát thuộc Đội Kỵ Binh Hoàng Gia Canada. Điều khiến ngạc nhiên là tôi lại học hành rất khá, nhưng nhận thấy môn tội phạm học là chán ngán và không hứng thú. Thay vì vậy, tôi trốn tránh những buổi học mỗi tối Thứ Hai, để về nhà xem đá banh.

Tôi ý thức được cái quá trình trong Subud gọi là “trắc nghiệm về tài năng”, trong đó ta nhận rõ được công việc thích hợp với bản tính mình -công việc phản ánh cái thiên khiếu có thể có. Nên một hôm nọ, tôi đến văn phòng bố mình để xin ông và những phụ tá Subud khác trắc nghiệm về công việc đúng hợp cho đời tôi. Tôi nói với ông là mình sẽ bỏ học môn tội phạm học, và sẽ theo bắt

cứ những gì mà các phụ tá tiếp nhận được về chân tài tôi. Bố mẹ tôi luôn thông cảm và hỗ trợ tôi; tuy mẹ tôi là giáo viên và ba tôi là hiệu trưởng, họ không đặt nhiều giới hạn cho con cái. Nên tôi đã ngạc nhiên, khi ba tôi nói là “không được“. Ông nói rằng tôi phải được khai mở, và tự mình trải nghiệm với các phụ tá, khiến nội tâm tôi nhận thức được công việc thích hợp của đời mình.

Bố mẹ tôi không bao giờ ép buộc con cái vào Subud. Tôi cũng không bao giờ nghĩ ngợi gì nhiều về chuyện đó. Tôi nghĩ lúc đó mình đã nói với ông già mình là tôi sẽ chịu vào Subud, nếu nó có thể khiến tôi thấy được một hướng đi khác hơn cho đời mình.

Tôi nghĩ là bố tôi đã phải cảm thấy một điều gì không mấy chắc chắn nơi tôi, bởi tôi còn nhớ là ông đã vào phòng tôi một vài ngày sau đó, để hỏi tôi có còn muốn được khai mở hay không. Tôi chia sẻ với ông sự lo ngại của mình là Subud sẽ biến tôi thành một kẻ mình không muốn thành. Tôi còn nhớ là ông đã nói, một cách nhẹ nhàng và khôn khéo như ông thường làm, latihan xuất phát từ quyền năng của Thượng Đế, và bất cứ những gì từ Thượng Đế đều tốt đẹp cho sự cải thiện của đời mình. Điều đó khiến tôi an tâm.

Lí lẽ cốt yếu khiến tôi vào Subud, tuy đã muốn, là tôi đã xem xét coi bố mẹ mình là ai, và Subud có hiệu quả gì với họ. Hiện nay thì tôi vô cùng kính trọng và ngưỡng mộ họ.

Đến ngày là sự khai mở trong Subud của tôi. Tôi còn nhớ là mình đứng theo vòng tròn với một nhóm phụ tá, rồi lớn tiếng lặp lại một tuyên ngôn ngắn mà bố tôi đọc cho nghe. Trong đó có điều là tôi tin ở Thượng Đế, và vui lòng tiếp nhận một sự giao tiếp với quyền năng của Thượng Đế. Tôi tự nghĩ: “Nhưng mình đâu tin có Thượng Đế“. Tôi chưa từng tin là có Thượng Đế. Tôi là một kẻ theo chủ nghĩa bất khả tri. Tôi muốn tin có Thượng Đế, nhưng cảm thấy tại sao mình phải tin, nếu chưa từng thấy có bằng chứng về sự hiện hữu của Thượng Đế. Tuy nhiên, tôi đã lặp lại tuyên ngôn đó, và chỉ việc làm theo những gì sẽ xảy ra.

Các phụ tá bắt đầu làm latihan chung quanh tôi. Tôi có thể nghe thấy những tiếng nói và âm thanh của họ, nhưng vẫn nhắm mắt lại và đợi chờ được giao tiếp với quyền năng của Thượng Đế. Nửa tiếng đồng hồ đã trôi qua mà không có bất cứ gì xảy ra. Tôi đã chỉ

đứng nguyên một chỗ mà không cử động, cảm nhận, trông hay nghe thấy bất cứ gì là tâm linh hay diệu kì. Tuy nhiên, như thế nào đó tôi đã không cảm thấy thất vọng.

Một vài ngày sau đó là cái latihan đầu tiên của tôi với những người Subud khác trong nhóm. Đêm đó có khoảng 15 người, và tất cả đều tập latihan chung quanh tôi. Tôi cố gắng yên tĩnh, kiên nhẫn và quy thuận. Tôi vẫn đứng nguyên một chỗ, bất động và không cảm thấy bất cứ gì, trong khi vẫn nhắm mắt.

Đột nhiên, một cách bất ngờ, tôi cảm thấy một sự hiện diện và chấn động phủ ngập hồng mình. Tôi cảm thấy đó là cái gì rất kỳ lạ và ngoại lai, không như bất cứ gì đã nghiệm thấy trước kia. Tôi liền bắt đầu cảm thấy cái năng lượng hay sức mạnh vô hình đó đẩy hồng tôi làm một động tác theo vòng tròn, hình như mình đang tìm cách dùng một cái vành hình tròn. Tôi cảm thấy điều này thật kỳ cục là có thể mình cử động và làm một điều mình không có ý hay muốn làm. Tuy thế, tôi cảm thấy yên bình và nhẹ nhõm là có gì đó đã xảy ra cho mình. Điều đó kéo dài trong những giây phút latihan tiếp theo đó.

Nửa tiếng đồng hồ sau đó hay khoảng đó, nhóm người tập latihan trở về chỗ ngồi, và yên lặng ngồi đó trong một lúc. Tôi không nghiệm thấy bất cứ gì thâm sâu, nhưng lấy làm vui mừng và biết ơn là mình đã tập latihan.

Latihan khác biệt đối với mỗi người. Không bao giờ có chuyện người này chỉ dạy cho người kia cách tập latihan. Mỗi người chỉ việc đứng trước Thượng Đế với thái độ kiên nhẫn, chấp nhận, phục tùng, chân thành và dũng cảm, để tuân theo bất cứ những động tác, cảm xúc, ý nghĩ hay trải nghiệm nào xảy ra cho mình trong latihan, và đó là việc linh hồn mình đã tiếp nhận được sự giao tiếp với Nguồn Đại Lực khi ta được khai mở.

Tôi siêng năng đi tập latihan hai lần mỗi tuần. Tôi thường đọc cuốn Susila Budhi Dharma và những nói chuyện của Bapak.

Latihan tôi tiến triển tới chỗ tôi có những động tác rất mạnh. Tôi cảm thấy là mình đang lợc bỏ một vài lỗi lầm trong rất nhiều những lỗi lầm của chính mình và tổ tiên mình.

Một vài năm sau khi tập latihan, tôi ý thức được mình là một trong

số vài hội viên không bao giờ nói bất cứ gì, hay phát ra một âm thanh nào trong latihan. Tiếng nói nội tâm tôi đã chưa thức tỉnh, hay trở nên sống động. Tôi có những động tác rất mạnh, nhưng chỉ tới chỗ là ho hen hay rên rĩ trong latihan.

Sự câm lạng đó kéo dài trong 8 năm. Tôi nhớ lại là mình đã nhiều lần mong ước giọng nói mình trở nên sống động, khiến mình có thể phát ra những âm thanh trong latihan. Thì một hôm nọ, chợt nhiên, không được báo cho trước hay mong đợi gì, tôi bắt đầu hát bài thánh ca *Jesus Loves Me*. Tôi rất ngạc nhiên và cảm khái vì có cái chứng nghiệm đó. Ngoài ra, tôi còn hát nhiều bài khác trong trạng thái latihan.

Có những hội viên đã trông thấy các linh hồn, hay có những chứng nghiệm ly kì, nhưng tôi thì không có gì nhiều. Trong Subud ta phải kiên nhẫn, và đừng mong đợi tiếp nhận điều này hay điều nọ. Tuy nhiên, tôi đôi khi bất quả tang mình mong ước, trong một lúc, cho nội tâm được thức tỉnh để nhìn thấy những linh hồn đương nhiên là có chung quanh chúng ta mà hầu hết mọi người đều không ý thức được. Tôi biết mình chưa đủ căn cơ cho điều đó, vì vẫn còn sợ hãi khi có những chứng nghiệm như vậy.

Tới nay tôi đã tập latihan được hơn 20 năm, và nó đã thâm sâu thay đổi đời mình theo nhiều cách mà tôi không thể kể lại hết ở đây. Tôi sẽ chỉ chia sẻ hai chuyện. Ban đầu, tôi chỉ muốn vào Subud chỉ vì không còn hứng thú học môn tội phạm học, và muốn phát hiện được chân tài mình. Tôi đã làm cái trắc nghiệm về tài năng, và để khỏi phải dài dòng, đó là điều khiến ngạc nhiên, vì tôi được dẫn dắt thành một người làm công tác xã hội. Hiện nay tôi có bằng thạc sĩ về môn Công tác Xã hội, và phải mang ơn Thượng Đế vì đã được dẫn dắt theo nghề nghiệp đó. Tôi khó tin sẽ thành một người làm công tác xã hội, nếu đã không làm cái trắc nghiệm đó.

Tôi là một kẻ theo chủ nghĩa bất khả tri khi được khai mở trong Subud, nhưng bây giờ thì không theo nữa. Cái “bằng chứng” mà tôi cần về quyền năng của Thượng Đế và đức tin ở sự Hiện Hữu của Thượng Đế không do việc tôi được khai mở, hay ngay cả do việc tập latihan được vài năm lúc ban đầu. Tôi luôn tin latihan là do quyền năng của Thượng Đế, nhưng điều đó đã chưa từng thấm vào bản chất tôi. Một đêm nọ, sau một số năm tập latihan, trong

lúc lên giường nằm để đi ngủ, tôi nắm chiếc gối với đôi tay mình để làm cho nó mềm. Đột nhiên, không do ý muốn hay ý định mình, tôi nhận thấy mình lớn tiếng nói: “Chúa ơi, Chúa Vạn năng, Chúa Cao Cả, sao mà con mến thương Chúa đến như vậy“. Tôi rất ngạc nhiên nghe thấy mình nói điều đó, bởi cho tới lúc đó tôi rất hiếm khi lớn tiếng gọi Thượng Đế, và cũng chưa từng công khai tuyên bố đức tin đó cho chính mình hay những người khác. Tôi rất cảm khái là có cái chứng nghiệm đó, vì ngay lúc đó tôi nhận thức được mình không còn theo chủ nghĩa bất khả tri nữa, mà thành tâm tin có một Thượng Đế mà mình hết sức mến thương. Năm tháng trôi qua, cái tình thương đó trở nên sâu đậm hơn, và điều hiện nay tôi mong ước là phục vụ Thượng Đế và các hội viên Subud.

Bố mẹ tôi, đặc biệt bố tôi, dạy cho tôi biết là làm những điều như sau thì vẫn chưa đủ: đi tập latihan mỗi tuần hai lần, đọc *Susila Budi Dharma* hay những nói chuyện của Bapak, đóng tiền cho Subud, tìm cách nghiệm được latihan những lúc khác trong ngày, nhịn Ramadhan, hay nhịn chay theo Thiên Chúa giáo hay theo những cách khác, hết sức cố gắng cải thiện lối cư xử của mình và tránh phạm vào những lỗi lầm đã từng làm. Mà còn phải phục vụ Thượng Đế và làm việc cho Subud. Cả bố lẫn mẹ tôi đều chăm chỉ làm việc cho Subud trong nhiều năm, một cách khiêm tốn, hài hòa và có hiệu quả.

Nên sau vài năm latihan, tôi bắt đầu dần thân làm việc cho ban quản trị, và từng là hội trưởng của Subud Canada trong năm 1992, lúc 27 tuổi. Cái thời gian phục vụ cho Subud và các hội viên đó thật vui thú và hài lòng. Những latihan của tôi trở nên thâm sâu và có tính cách phụng thờ hơn. Hồi đó bố tôi có chân trong ban quản trị quốc gia của Subud Canada. Tôi rất vui sướng được làm việc bên cạnh ông cho Subud.

Với thời gian, cái ước muốn phục vụ Thượng Đế và các hội viên Subud càng trở nên thâm sâu hơn. Tại Hội nghị Subud Thế giới, Áo quốc năm 2005, tôi là một ứng viên cho chức vụ chủ tịch WSA (hiệp đoàn Subud thế giới). Tôi không là chủ tịch, nhưng được đề cử làm điều phối viên cho hai chương trình tài trợ của Subud quốc tế cho những hội viên cần được trợ giúp.

Pindy bà xã tôi cũng trong Subud. Rayna và Megan, hai cô con gái tôi, tuy còn quá trẻ để được khai mở, đã thích Subud. Tôi rất

mong cho Subud trở nên cường thịnh hơn lúc chúng có thể được khai mở.

Đối với tôi cái đẹp và sự hứa hẹn của Subud và latihan là nó đem tới niềm hy vọng cho cái tình trạng từ lâu cần được ổn định hiện nay của thế giới. Nó làm cho họ gặp gỡ nhau dưới một mái nhà là những người Thiên Chúa giáo, Hồi giáo, Do Thái giáo, Phật giáo và ngay cả những ai không theo một đạo nào. Những ai thuộc mọi tôn giáo, hay không theo một tôn giáo nào, cùng nhau phụng thờ một Thượng Đế Duy Nhất, trong hòa bình và hòa thuận.

Tuy cho tới nay Subud chưa phát triển và bành trướng để mãnh liệt ảnh hưởng tới thế giới, nhưng tôi luôn lạc quan về tương lai của nó. Hiện nay tôi còn tin chắc hơn là Subud sẽ đóng một vai trò trọng yếu trong việc đem lại hòa bình và ổn định cho thế giới. Tôi mong cho, một ngày nào đó, nếu đó là ý Thượng Đế, mình sẽ đóng một vai trò nhỏ bé trong tất cả những điều đó.

Như thế nào tôi thành một nghệ sĩ

Damon Hildreth (Hoa Kỳ)

Trong năm đầu ở đại học, một người bạn đề nghị là chúng tôi học khóa điêu khắc. Tôi hỏi tại sao thì anh đáp: “Tất cả những gì phải làm là nhìn những phụ nữ khỏa thân, rồi dùng đất sét, và như vậy thì sẽ được điểm A. Tôi cần phải có thêm điểm thi, nên đồng ý học khóa đó với anh.

Tôi phải làm một tượng hình bằng đất sét, từ một khuôn mẫu sống động. Điều đó hơi khó khăn với tôi, vì tôi không rành hình dung những cảnh 3 chiều. Ngày cuối khóa học, giáo sư nói: “Hôm nay, người mẫu sẽ đứng trong một tiếng đồng hồ, và các bạn có thể làm bất cứ những gì mình muốn -không cần phải hiện thực”.

Khi bắt đầu làm, tôi cảm thấy một sự kỳ lạ là chợt thấy mình trong một cảnh giới khác, nơi thời gian không có nghĩa lí gì. Tôi nhìn theo một cách khác, nên toàn bộ căn phòng trở nên mờ tối, ngoại trừ cô người mẫu và đất sét. Tuy hoàn toàn tách biệt nhưng tôi đồng nhất với những gì mình đang làm. Khi xong xuôi, tôi làm thành một tượng hình bằng đất sét khác với tất cả những gì mình đã từng làm. Tuy không có gì là đặc sắc nhưng điều đó khiến tôi ngạc nhiên.

Kỳ học tiếp theo, tôi cũng học khóa điêu khắc, và lần này thì tôi được làm bất cứ những gì mình thích. Mọi người đều thích tác phẩm của tôi, nhưng không có gì khiến tôi hài lòng. Tôi có cảm giác nguồn gốc tác phẩm của mình là từ một nơi thâm sâu của chính mình, còn cái phần bên ngoài của mình thì như một đồ lợc bị méo mó, một dụng cụ không hoàn thiện. Tình trạng đó khiến chán nản tới nỗi tôi bỏ học điêu khắc để bắt đầu đi tìm một giải pháp.

Vài tháng sau đó, một vài người bạn tôi cho tôi hay về Subud, nên

tôi cùng đi với họ tới nơi có Subud. Khi tới đó, họ nói với tôi: “Bạn ngồi dưới này, chúng tôi lên lầu, và sẽ trở lại trong nửa tiếng đồng hồ.” Khi các bạn bè tôi tập latihan trên lầu, tôi chợt thấy mình trong một cảnh giới trong đó thời gian không có ý nghĩa gì. Cái nhìn của tôi thay đổi, toàn bộ căn phòng trở nên mờ tối, ngoại trừ cái biểu tượng của Subud trên tường. Sau cái chứng nghiệm đó, tôi biết rằng Subud là cái mình đang đi tìm.

Sau khi tôi được khai mở, những gì phải thay đổi trở nên hỗn loạn tới nỗi khiến tôi cần phải như thế nào đó làm cho mình được thư thái. Tôi nhớ lại là mình đã thư thái trong lúc làm việc với đất sét, nên mua đất sét về để khắc chạm và đeo gọt cho sự giải trí của mình.

Sau một tuần, tôi làm xong một bức tượng: một hình dáng tôi thấy có vẻ thích đáng và hoàn hảo. Tôi hiểu được rằng một con đường đã được dọn sạch từ nơi thâm sâu nhất của chính mình cho tới phần bên ngoài của mình, để cho sự sáng tạo đó xảy ra. Tôi hỏi một anh bạn nghệ sĩ mình có thể làm gì với bức tượng bằng đất sét này, vì tôi biết nếu để cho nó khô lại, nó sẽ rạn nứt. Anh đề nghị biến nó thành kim đồng. Tôi tìm thấy một nơi đun chảy kim loại gần đó, để cho biến thành một bức tượng bằng đồng, rồi đánh bóng bằng cát bóng loáng như gương kính. Thấy bức tượng đó, một anh bạn Subud hỏi là tôi có thể đem nó tới Chicago hay không, để trình bày nó trong một phòng triển lãm nghệ thuật. Đột nhiên tôi có thể trình bày điều khắc của mình tại những nơi triển lãm khá nhất ở Chicago. Tôi làm thêm nhiều điều khắc nữa, và ngay sau đó có thể trình bày tác phẩm mình tại hai phòng triển lãm. Điều khắc đầu tiên của tôi đã được đem vào viện bảo tàng Indianapolis Museum of Art.

Tôi nhận thức có một đường dẫn được dọn sạch từ nơi thâm sâu nhất của mình tới nơi bên ngoài, và mình đã tìm thấy cái chân tài của mình. Nghệ thuật tạo hình là một phương cách biến đổi, và kết quả là một điều khắc có thể nhìn thấy.

Con đường tái sinh của tôi

Abdus Salam Molla (Bangladesh)

Tôi sinh là người Hồi giáo, từ Bangladesh. Bố mẹ tôi rất coi trọng các giới điều (*shariat*) của tôn giáo, và bố tôi thì đặc biệt để ý tới việc các con cái phải trưởng thành như mình trước kia. Ông thuê một thầy giáo dạy tiếng Ả Rập, và mỗi sáng các anh chị em tôi phải ngồi trước mặt ông thầy đó, với những cuốn sách bằng tiếng Ả Rập. Chúng tôi học cách đọc kinh Koran, tuy không ai trong chúng tôi được dạy cho cách viết và nói tiếng Ả Rập. Chúng tôi cũng không hiểu được gì. Người ta tin rằng chỉ việc tụng niệm kinh Koran bằng tiếng Ả Rập, thì điều đó có lợi cho đời mình và cho cái thế giới bên kia.

Trong tháng trai giới Ramadhan, bố tôi thường mỗi tối tới giáo đường để cầu kinh. Có một cầu kinh đặc biệt có tên là *Tarabi Namaj*. Toàn bộ kinh Koran được liên tiếp tụng niệm mỗi tối trong 30 ngày Ramadhan. Thông thường thì tụng xong ngày thứ 27 hay 28 của tháng, trong “Đêm Quyền Năng”. Trong lúc cầu kinh, thiên hạ đứng thành hàng để nghe vị imam tụng niệm, rồi làm theo các lễ nghi. Tới 10 giờ đêm thì xong.

Lúc Ramadhan bố tôi thường mỗi ngày dẫn tôi tới giáo đường để

cầu nguyện và nghe tụng niệm kinh Koran. Trong lúc đứng chung hàng với những người khác trong một lúc lâu, với mắt nhắm hần hay nửa nhắm nửa mở, tôi còn nhớ là mình thường bị lay động, như lá cây dừa trước cơn gió nhẹ.

Sau khi xong trung học, tôi vào đại học. Tôi vẫn còn đều đặn cầu kinh 5 lần mỗi ngày, và tuân theo những lễ nghi khác của Hồi giáo. Tuy nhiên, tôi cảm thấy có một vấn đề chánh yếu, và đó là câu hỏi: “Tại sao? Cầu nguyện thì có ý nghĩa gì? Nếu là vậy thì tại sao mình vẫn còn làm?”

Những câu hỏi đó làm cho đức tin ở tôn giáo của tôi bị lung lay. Đó là một thời gian đen tối trong đời tôi, khi sự mất tin tưởng đó chiếm lấy ý nghĩ tôi. Điều đó tôi không thể tránh được. Tôi bắt đầu đi tìm nguyên do, đi tìm giải đáp.

Tôi thích tiếp xúc với các ‘Sufi’, những người Hồi giáo chuyên về tâm linh. Tôi đến gặp họ, và hỏi họ những điều mình muốn biết. Nhưng không ai có thể trả lời khiến tôi hài lòng. Có những người khuyên tôi cầu nguyện nhiều hơn. Những người khác thì bảo tôi tụng niệm đều đặn những câu như *Allahu Akbar*, *Subhanallah*, hay *Alhamdullillah*. Những người khác nữa thì khuyên tôi làm *djikir*. Nhưng cơn đau của tôi là tại một nơi nào khác, và điều đó thì họ không thể chẩn đoán và đạt tới. Điều tôi muốn là cảm nhận được một câu trả lời từ nơi tận cùng bên kia, khi tôi cầu nguyện.

Tại sao Tạo Hóa đã không trả lời khi tôi kêu gọi? Hay là tôi đã không kêu gọi với một thái độ và sự tận tâm đúng cách? Nếu là vậy thì ai sẽ dạy cho tôi cách cầu nguyện thích đáng để Tạo Hóa trả lời cho tôi? Hay là chẳng có ai hết để trả lời? Tất cả những cầu nguyện của tôi chỉ là cho cái chẳng có gì hết? Tất cả những gì bố tôi đã dạy bảo tôi chỉ là tin ở những gì sai lạc? Nhưng nếu là vậy thì tại sao lại có hàng triệu triệu người cầu nguyện Thượng Đế từ xưa cho tới nay? Và tại sao và khi nào đã có những sứ giả của Thượng Đế được phái xuống trần gian để kêu gọi thiên hạ cầu nguyện?

Tôi chẳng hiểu ắt giáp gì. Tôi chỉ biết là mình không biết gì hết. Nên tôi đến những miếu thờ của các Sufi tại những nơi khác nhau, để đi tìm giải đáp khiến hài lòng. Ở Bangladesh xưa kia đã có nhiều Sufi đến từ những quốc gia Hồi giáo khác, và có nhiều miếu thờ là

nơi thiên hạ tới để cầu nguyện và xin được phù hộ. Trong cái thời kì đen tối đó, tôi đến hầu hết những nơi được coi là linh thiêng ở Bangladesh, nhưng vẫn không tìm thấy giải đáp cho những thắc mắc của mình, cũng như không cảm thấy được an lòng.

Sau chiến tranh (cuộc chiến với Pakistan) khi đất nước được tự do, tôi đi học trở lại, và sau khi tốt nghiệp thì nhận một công việc tạm thời với lương thấp. Nhưng vẫn còn những gì chưa được quyết định và khiến băn khoăn: có nên cầu nguyện Thượng Đế hay không.

Một buổi sáng nọ trong tình trạng rối trí đó, trong lúc vội vã đến sở làm, tôi trông thấy trong báo chí một mục nhắn tin nhỏ cho hội viên Subud. Tuy không có gì đáng chú ý nhưng mắt tôi dừng lại nơi đó. Nếu tôi nhớ không lầm, mục nhắn tin đó là: “Các hội viên Subud, xin liên lạc với địa chỉ...”

Chữ ‘Subud’ tạo nên một cảm giác kỳ lạ ở tôi. Đầu óc tôi có nhiều câu hỏi. Cái đó là gì? Một tổ chức như Hội Hồng Thập Tự? Một tổ chức chính trị với một đường lối cho tư lợi mình? Mục nhắn tin đó khiến tôi tò mò, và chữ ‘Subud’ khiến tôi quyết định viết thư cho địa chỉ đó. Ngày hôm sau, cũng trong trang báo đó, tôi cũng thấy một mục nhắn tin như vậy. Tôi ngạc nhiên: tại sao mắt mình lại dán chặt vào đó? Lần này thì tôi ghi chép địa chỉ, và viết thư ngay hôm đó.

Sau 3 ngày, tôi nhận được một hồi đáp: “Cám ơn bạn đã viết thư đề ngày 10 tháng 3. Thực ra, Subud là một hội tâm linh. Tôi là một người mới tới Bangladesh. Tôi đặt mục nhắn tin đó trên báo vì mong liên lạc được với một vài hội viên Subud nơi đây. Xin trả lời câu hỏi của bạn: Subud là một hội gồm những người theo một đường lối tu tập gọi là latihan. Mục tiêu của Subud là sự hoàn thiện một xã hội thống nhất trong sự phụng thờ Thượng Đế. Subud không là một tôn giáo mới, và cũng không có bất cứ giáo lý nào. Tất cả những gì phải làm là sự quy thuận hoàn toàn. Điều đòi hỏi duy nhất ở một hội viên muốn gia nhập là một ý định nghiêm túc và chân thành tuân theo Ý Thượng Đế Duy Nhất. Rashid Roger’.

Bức thư đó khiến tôi chú ý. Chữ ‘latihan’ là cái gì hoàn toàn mới mẻ kích thích sự tò mò. Tôi sốt sắng muốn tìm hiểu latihan là gì. Tôi viết thư cho Rashid Rogers để yêu cầu anh giành cho mình

một chút thời gian cho tôi có thể gặp anh, để tôi hỏi anh nhiều hơn về Subud, latihan, phụng thờ và vân vân. Rogers viết thư hồi đáp là anh sẽ gặp tôi.

Tình hình chính trị ở Bangladesh sau khi đất nước được giải phóng hỗn loạn tới nỗi tôi vẫn còn thành kiến về những người nước ngoài làm việc ở đây. Tôi tin họ đều là những viên chức có mục tiêu chính trị, bằng cách này hay cách khác, nên thành thật mà nói thì không thể gặp anh. Khi chúng tôi gặp nhau, tôi hỏi anh rất nhiều điều từ những khía cạnh khác nhau như chính trị, xã hội, tôn giáo, tâm linh, để có một ấn tượng rõ rệt hơn về con người anh.

Khi về nhà tôi nghĩ về con người anh, về những câu trả lời của anh, nghĩ rất nhiều. Những gì anh nói có vẻ tương ứng với những quan niệm của tôi, mà tôi thấy đều chấp nhận được. Nhưng tôi vẫn chưa hết nghi ngờ, nên lại phải gặp anh thêm nhiều lần. Tôi nhận thấy quan niệm của Subud về sự quy thuận quyền năng của Thượng Đế Duy Nhất là cái tín ngưỡng căn bản của Hồi giáo, tôn giáo mình! Nên tôi xin tập latihan. Anh cho tôi 3 tháng để đợi chờ, một thời kì để tôi suy nghĩ lại và hỏi tất cả những gì tôi thấy cần phải hỏi.

Hiển nhiên là anh đã không sót sáng áp đặt những quan niệm của anh lên đầu tôi. Thay vì vậy, anh có vẻ ngần ngại -và như vậy tôi lại càng muốn tìm hiểu hơn. Sau hai tháng rưỡi anh đồng ý khai mở cho tôi.

Ngày tôi được khai mở, thời tiết thật xấu, thành phố trở nên hỗn loạn vì cơn bão. Tuy những xáo trộn thiên nhiên đó, tôi đến nhà anh đúng lúc, và với đức tin hoàn toàn ở tôn giáo mình, tôi quy thuận quyền năng của Thượng Đế theo khả năng mình.

Trong tuần lễ đầu tiên tập latihan, tôi nhận được đáp án về việc tại sao phải cầu nguyện Thượng Đế. Tôi vô cùng hài lòng vì đã thành một người Hồi giáo chân chính được tái sinh.

Cuộc sống này và cuộc sống nơi bên kia

Deborah Bentin (Anh)

Đối với tôi, sự giao tiếp của Subud là một Ân Huệ, một đặc ân mà bất cứ ai cũng có thể tiếp nhận, nếu vui lòng phó thác chính mình và đời mình cho ý Thượng Đế.

Cách đây 28 năm khi hầu như tức khắc nhận được cái Ân Huệ đó, tôi ý thức được có một thành phần mới mẻ của chính mình hoàn toàn khác biệt thể chất, trí óc và cảm xúc của mình. Cái thành phần mới mẻ, hay vừa thức tỉnh đó, có khả năng vui vẻ ngạc nhiên quan sát những động tác của cơ thể, những cảm xúc khuấy động tim can và ngay cả những ý nghĩ nhập vào trí óc trong giây lát.

Vì thiếu hiểu biết nên tôi nghĩ rằng kể từ đó trở đi mình sẽ không bao giờ bị khó khăn nữa: tôi chỉ việc để cho latihan bắt đầu hoạt động nơi mình, thì mọi việc sẽ đi theo một con đường thanh thản. Điều đó như ngày đầu tiên tại trường nghệ thuật, khi tôi ép vát các màu sắc trên khung vẽ để sơn vẽ bức tranh đầu tiên của mình: chỉ là khởi đầu; chỉ là mùi vị đầu tiên, với những gì phải chăm chỉ học và những lúc đen tối phải trải qua.

Lúc tôi được khai mở, tuổi mình đã hơn 40, nên đã có sẵn những

thói quen và quan niệm sai trái cần phải tu chỉnh. Chẳng hạn, tôi thường nói về cái Tôi mình, và coi cái Tôi là kẻ thù của tất cả những gì không là tâm linh -tôi phải hạ bệ nó bằng mọi cách, nếu muốn một dịp may được vào thiên quốc.

Dần dần tôi nhận thức được tuy chỉ có linh hồn mới có thể vào đó ở, nhưng trong lúc chúng ta còn sống trên trần gian, cơ thể, tim can và trí óc là những tôi tớ hữu ích cần phải đối xử tốt đẹp. Những giáo lý của các tôn giáo lớn đều chỉ về nơi cuối cùng này: các sức mạnh của cơ thể, tim can và trí óc phải thành tôi tớ, chứ không là chủ nhân.

Nghe tôi nói như vậy, chắc bạn nghĩ rằng sau 28 năm trong Subud, tôi sẽ không bao giờ dùng cơ thể mình không đúng cách, không bao giờ chiều lòng những cảm xúc tiêu cực, và không bao giờ là nạn nhân của những ý nghĩ không thể kiểm soát. Không phải vậy đâu. Nhưng tôi cũng có thể cho rằng hiện nay mình ý thức được nhiều hơn những sinh hoạt đó, và bớt thành nạn nhân của nó. Có lẽ tôi như một người chủ khôn ngoan khoan dung một phần nào cho tính ương ngạnh của những tôi tớ mình, vì chúng là những gì có thể tốt nhất phục vụ cho mình.

Khi lần đầu nhận được cái đặc ân đó, tôi tất nhiên muốn chia sẻ với những bạn bè mà tôi nghĩ là sẽ chấp nhận nó. Nhiều người trong họ chê nó là “quá dễ“, còn những người khác thì nghĩ chắc là có một thủ đoạn gì đây.

Với hầu hết mọi người, tiếp nhận sự giao tiếp của Subud thì dễ dàng như sinh ra một đứa bé. Phần khó khăn chỉ là sau này. Vậy, tại sao lại theo? Tại sao lại có con cái? Đó là điều căn bản để cho nhân loại có thể tiến hóa. Thế nên, theo tôi, ta cũng cần phải đạt tới một cảnh giới cao hơn, bên ngoài mình. Thương yêu, phụng thờ, biểu thị và phục vụ những gì cao quý là nguồn sống của tất cả các nghệ thuật và tôn giáo chân chính.

Bởi không là một tôn giáo nên Subud có tính chất thống nhất trong đó tất cả các tôn giáo được kết hợp mà không làm mất cách hành lễ riêng biệt của mình. Điều thật thú vị với tôi là có thể tu tập trong latihan cùng với những người Thiên Chúa giáo thuộc mọi phái, với những người Hồi giáo, Do Thái giáo, Phật giáo và Ấn Độ giáo, kể cả những ai không theo một tôn giáo nào.

Đồng thời, một số người đã nhờ Subud mà thấu hiểu được tôn giáo mình, và trong nhiều trường hợp họ đã trở về với đạo mình. Những người khác, những ai không theo một tôn giáo đặc biệt nào, thì đi tìm một tôn giáo mà mình thích, và cũng có những người chỉ tập latihan là thấy hài lòng. Mục tiêu đều y như nhau, nhưng con đường tới đó thì cá biệt cho mỗi người.

Các nhà thần bí học Thiên Chúa giáo phân biệt 3 giai đoạn trên con đường tâm linh: rửa tội hay thanh lọc (purgation), khai trí (illumination) và cuối cùng là nhất trí (union). Theo kinh nghiệm của tôi, trong Subud chúng ta tiếp nhận được sự khai trí tùy theo căn cơ mình, và liền theo đó là thanh lọc. Chính sự khai trí cho chúng ta thấy những lỗi lầm của mình: hai cái đó luôn luôn phiên nhau. Chúng ta cũng có thể được ân phước ném được hương vị sự nhất trí, nhưng với phần đông chúng ta thì cái trạng thái đó không kéo dài bao lâu - chúng ta là phạm nhân, chứ không là thánh nhân. Tôi tình nghi đối các vị thánh thì cũng vậy.

Bởi là một tín đồ phái Giáo Hữu (Quaker) nên tôi tích cực hoạt động cho hòa bình trong nhiều năm. Tôi nhận thức được công việc đó phải khởi đầu với chính mình, và chỉ có hòa bình khi có những người với những tâm hồn an vui. Theo tôi, chỉ khi điều đó xảy ra thì tình hình thế giới mới hết tuyệt vọng, không chỉ là bớt đi mà còn trở nên khá hơn, và nếu ân huệ không được truyền cho thì tương lai thật đen tối.

Subud hoạt động trên thế giới qua các hội viên, trong lĩnh vực tâm linh cũng như thực tiễn. May mắn là hiện nay có nhiều bạn trẻ trong Subud, nhiều người trong họ đã đi theo con đường của bố mẹ mình, những người khác thì đến với Subud vì muốn đi tìm một thực tại thâm sâu hơn của cái thế giới hằng ngày. Họ bớt phải gạt bỏ những điều như những người già như chúng tôi; họ đơn giản hơn, trực tiếp hơn trong lối tiếp cận và sự tiếp nhận. Nói chung thì tuổi tác không quan trọng; trong tâm linh không có khoảng trống giữa các thế hệ.

Hiện nay tuổi mình đã 70, và tôi có thể nhìn lại cuộc đời dài lâu, thú vị, tuy không dễ dàng, của mình. Tôi thích đi thăm quá khứ một lần nữa, nhưng không bao giờ nằm chết ở đó. Hiện tại mới hệ trọng. Tôi nhận thức được mình may mắn có nhiều tài năng mà không thể dùng hết - vì như một con chim vụt qua từ cành hoa này

tới cảnh hoa khác- nên tôi mong rằng trong cái thế gian có tính chất sửa soạn này, tôi sẽ dùng tất cả cuộc đời còn lại của mình cho những gì tốt đẹp và đầy đủ.

Điều đó hệ trọng, không chỉ cho bản thân, mà còn là một vai trò nhỏ bé chúng ta phải đóng trong tuồng kịch của sự vĩnh hằng, và cái vai trò cốt yếu đó chúng ta phải đóng đúng cách, với tất cả khả năng mình -trên trần gian cũng như nơi thiên đàng.

Tôi tin rằng mình đã ném được trong latihan nhiều hương vị của cái trạng thái chúng ta gọi là thiên đàng. Đó là cái gì hoàn toàn vượt ngoài ngôn từ, vô cùng tươi đẹp hơn tất cả những gì của cái trần gian này, nên tôi chỉ có thể mong đợi nó, hầu như khát khao nó. Điều đó tất nhiên không khiến tôi khỏi phải làm, với hết sức mình, theo những gì mình được khiến cho làm nơi đây, dù thông thường hay chẳng có ý nghĩa gì đi nữa.

Vì là dụng cụ cho cuộc sống chúng ta trên trần gian, cơ thể chúng ta, cùng với cảm xúc và trí óc, chỉ phục vụ tốt đẹp nhất cho cuộc sống khi được điều khiển từ một cội nguồn cao quý, và như vậy thì chắc chắn tới lúc chết, những dụng cụ đó sẽ bị loại bỏ. Chúng là của cái trần gian này, và sẽ trở về với cái trần gian này. Cái tiếp tục sống tại thế giới bên kia là linh hồn, vì đương nhiên linh hồn sẽ về cái nơi chốn thích nghi cho nó.

Tôi tâm niệm lời khuyên của Chúa Giê-Su cho các tông đồ: khi được mời đi dự tiệc, họ nên ngồi nơi cuối bàn, bởi thà được mời ngồi nơi gần đầu bàn còn hơn bị đuổi xuống nơi gần cuối bàn. Tôi không biết nơi chốn nào được dành cho chính mình; tôi chỉ cảm khái là mình dù sao cũng được mời đi dự tiệc.

Trong lúc này tôi (cái Tôi đã sống lại trong 28 năm qua) đang mong một cuộc sống sau khi hết cuộc sống này, với cảm giác ngửa ngáy và thú vị của một kẻ sắp khởi hành một cuộc phiêu lưu mới.

Đi giữa Thiên Đàng và Trần Gian

Rayner Raid (Áo)

Mọi chuyện bắt đầu với một giấc mơ. Tôi đang lái xe tới gần một ngọn núi, thì nó chợt mở ra để cho tôi lái thẳng vào đó. Khi tôi tới trung tâm, có một thang máy cho tôi lái vào đó, và tôi được làm cho phóng nhanh tới nơi cao nhất. Đó là khởi đầu một cuộc hành trình khác thường - một cuộc phiêu lưu vĩ đại nhất của đời tôi - trong đó trong 5 ngày tôi đi giữa thiên đàng và trần gian.

Ba ngày sau khi tôi có giấc mơ đó, toàn thể giác quan về thời gian của tôi hình như đã thay đổi. Tôi sống trong hiện tại, từng giây từng phút. Tôi không thể nhìn tới phía trước hay phía sau, tôi chỉ có thể sống trong cái hiện nay của hiện tại. Vì luôn là một kẻ mộ đạo, với Chúa Giê-Su là người hùng của mình trong thời niên thiếu, nên tôi nhận thức được đó là một chứng nghiệm Thiên Chúa giáo. Tôi được cho hay là mình sẽ có Thượng Đế và một hiệp sĩ ăn mặc màu đen dẫn dắt mình qua cái chứng nghiệm đó.

Điều đầu tiên tôi được chỉ cho thấy là lòng tha thứ hoạt động từng giây từng phút trong đời sống hằng ngày. Một mối liên hệ được tạo thành với người mà chúng ta gặp - một sợi chỉ mỏng chạy qua

giữa mình và kẻ đó. Một sợi chỉ dày hơn được tạo ra nếu cuộc gặp gỡ đó khiến mình bị tổn thương; nếu sự tổn thương đó thật thâm sâu, một dây cáp nối liền mình với kẻ đó. Chính đó là lúc của lòng tha thứ. Lòng tha thứ cắt đứt sợi chỉ.

Chúa Giê-Su nói rằng chúng phải tha thứ không là 7 lần, mà là 77 lần. Điều Chúa Giê-Su làm là cho chúng ta hay cách giải phóng mình khỏi sự cấu thúc của tính hay hiểm thù. Dù người ta có làm gì hại mình đi nữa, ta nên tha thứ cho họ vì lợi ích của chính mình; bởi làm như vậy ta sẽ giải phóng mình khỏi cơn đau và nỗi thống khổ trong tim can và cảm xúc mình. Như vậy thì ta không những làm cho mình, mà còn cho người khác được giải thoát, bằng cách phó mặc mọi việc cho sự Công Chính của Thượng Đế. Trên hết là tha thứ cho chính mình, bởi như vậy thì Thượng Đế sẽ tha thứ cho mình.

Điều kế tiếp mà tôi học được là về sự phán xét. Như thế nào đó chúng ta phán xét bất cứ ai mình gặp. Nếu thường bị phán xét vì điều này hay điều nọ, một đứa bé sẽ trở thành chính những điều đó. Nói cách khác, chúng ta nhốt người ta vào lồng cũi khiến không thể thoát ra; chúng ta buộc vào họ những xiềng xích khó có thể cắt đứt, tuy một vài người đã làm được. Kẻ phán xét cũng bị lây vạ, bởi bằng cách phán xét người khác, ta phán xét chính mình, và điều đó sẽ tạo ra một số những vấn đề. Chúa Giê-Su đã từng nói đừng phán xét thì mình sẽ không bị phán xét. Nếu ngăn chặn sự phán xét trong tâm mình, ta sẽ ngăn chặn việc phán xét những người khác -nhưng là phải bắt đầu với chính mình. Ta nên khất khe phán xét chính mình-nên để cho Thượng Đế phán xét, vì Thượng Đế là một quan tòa tử tế và hòa nhã nhất. Do đó mà trong mọi tôn giáo người ta đều nói rằng Thượng Đế vô cùng nhân từ.

Trong lúc sống từng giây từng phút, tôi có rất nhiều những câu hỏi, và mỗi lần đã được tức khắc giải đáp, không do suy tư của trí óc, mà do sự hiểu biết của một thành phần nơi tôi. Mỗi người chúng ta đều có trong tâm mình sự hiểu biết đó, nhưng điều ngăn cản chúng ta không hiểu biết được là mỗi lần mình tự nói với mình: 'Tôi không biết'. Do đó chúng ta tạo thành một bức tường ngăn cản sự hiểu biết đó. Chúng ta càng làm như vậy, bức tường đó càng trở nên vững chắc hơn. Vì thế cho nên những ai có những chứng nghiệm tôn giáo đôi khi phải trải qua một sự khủng hoảng

tạo điều kiện cho họ chứng nghiệm những gì không của cái thế gian này.

Trong khi tôi trải qua tất cả những điều đó, mỗi thành phần của bản chất tôi phụng thờ Thượng Đế. Tới cuối ngày thứ 5, tôi tràn đầy tình thương của Thượng Đế đối với nhân loại. Tôi có thể thẳng thắn nói là mình như một ống dẫn nước. Cái tình thương đó chảy xuyên qua tôi; tôi không thể giữ nó lại, tôi chỉ có thể ban tặng, và càng ban tặng, tôi càng được ban cho thêm. Thế rồi tôi nhận được một tiếng nói: “Ta là Thượng Đế”. Khi tiếp nhận được điều đó, tôi cảm thấy được quyền năng vô cùng tuyệt vời của Thượng Đế, và đó là cái gì vượt ngoài tất cả những gì ta có thể tưởng. Tôi cảm thấy như mình đang tại trung tâm của vũ trụ. Tôi không sợ bất cứ gì, hay bất cứ ai, tôi là định luật cho chính mình. Ngay lúc đó, tôi cảm thấy chỉ có một linh hồn con người; đó là cái cảm giác về sự duy nhất, toàn diện. Lần đầu trong đời mình, tôi cảm thấy mình đích thực là con người, như theo ý định của Thượng Đế cho chúng ta.

Tôi được cho hay mình sẽ gặp hai thiên thần, họ ăn mặc ra sao, như thế nào họ sẽ đưa tôi đến một con đường chân chính cho đời mình. Ba năm sau đó tôi gặp những thiên thần mình được cho hay, và tôi gia nhập Subud.

Thương yêu người cha

Alicia Mos (Anh)

Trong Subud chúng ta được đặc quyền là tiếp nhận được latihan lúc sinh thời của Bapak, và được lợi nhờ sự hướng dẫn của Bapak. Những ai vào Subud trong tương lai tuy không được sự hiện diện trực tiếp của Bapak nhưng cũng có thể được lợi nhờ những gì được thuật lại về cách cái đặc ân kì diệu đó đã thay đổi những đời người và những quan hệ của họ.

Chính về điều đó mà tôi viết bài này.

Năm 1957 khi Bapak lần đầu tới Coombe Springs tôi đã là thành viên được vài năm của nhóm Gurdjieff. Đó là lúc tôi trong tình trạng khủng hoảng. Được nuôi dạy trong một gia đình độc đoán, tôi vui mừng được thoát ly và nhận một công việc dạy học ở London. Hầu như ngay sau đó, bố tôi bị đột quy, nên tôi phải bỏ công ăn việc làm về nhà săn sóc ông bởi mẹ tôi đã mất cách đó vài năm. Tôi rất khổ tâm vì chuyện đó. Tôi thích công ăn việc làm mình, nên không muốn trở về nơi ngoại ô trong đó mình bị căng thẳng vì một quan hệ khó khăn.

Tôi được khai mở trong năm 1957, và bởi hồi đó không có nhiều người trong Subud nên tôi có thể riêng tư hỏi Bapak về những vấn

đề của mình. Ngay khi bước vào phòng, tôi đã rất muốn khóc. Tất cả những gì tôi có thể buột miệng là “Tôi không thể thương yêu bố mình!” Bapak chỉ mất một thời gian ngắn nhìn thấy được trong sự bình tĩnh và thản nhiên tình trạng và vấn đề tôi qua sự thông ngôn cũng “bình tĩnh” của Sjafrudin. Người đáp một cách không lập lờ: “Điều quan trọng nhất với bạn là thương yêu bố mình. Ông sẽ được khai mở. Đừng nghĩ tới bất cứ người đàn ông nào khác; chỉ việc thương yêu bố mình”.

Tôi không thể nói là mình vui mừng vì lời khuyên đó. Vấn đề là tôi không thể thương yêu. Tôi nghĩ việc bố mình vào Subud là chuyện gần như hoàn toàn không thể xảy ra. Vậy nên, tôi có ý định lấy chồng. Tuy nhiên, ngày hôm sau có một chuyện lạ lùng và kì diệu xảy ra. Đang đứng tại một trạm xe buýt trên đường đi, tôi chợt thấy hết sức yên tĩnh. Tôi cảm thấy điều chỉ có thể mô tả là có một sự Hiện Diện của tình thương ôm bọc lấy mình. Những vấn đề của tôi tan biến mất, như có Tình Thương nắm lấy bàn tay mình. Cái trạng thái kì diệu đó kéo dài, có lẽ càng lúc càng hơi yếu đi, nhưng luôn hiện diện trong nhiều tháng. Tôi thực sự tin đó là cái trạng thái Ân Huệ trực tiếp từ Bapak, để tôi được trợ giúp trong những tháng khó khăn kế tiếp. Tôi vui mừng cho là điều đó sẽ mãi mãi là như vậy, và mình sẽ không bao giờ còn bị mắc vào những chuyện xung đột nữa! Nhưng tất cả chúng ta đều hay rằng tuy được chỉ cho đường đi nhưng mình phải đi với nỗ lực mình.

Và phép màu đã xảy ra. Ông bố đã già của tôi chưa từng yêu cầu chính thức được khai mở. Nhưng ông cũng đã tiếp nhận được sự khai mở. Toàn thể thái độ của ông đã đổi thay, ông trở nên dịu dàng hơn, và với nước mắt, điều tôi chưa từng thấy, ông tự hỏi tại sao mình đã có một cái nhìn bất khoan dung về đời người như vậy. Khi chúng tôi trầm lặng cùng ngồi những lúc tối, ông kể cho tôi nghe về cuộc đời ông, tôi lần đầu hiểu được rằng ông đã đánh mất tuổi trẻ mình vì những trách nhiệm cho một gia đình đông con cái. Khi bố ông mất, ông đã phải đối phó với sự nghèo khó và bất an, và sự thất vọng của một nghệ sĩ tài ba không được dịp thi thố tài năng mình. Cuộc đời ông đầy những lo sợ, ức chế và sự quan tâm cho con cái sẽ không thành đạt và có một cuộc đời như ông.

Tôi sống với ông được 7 năm -những năm tháng hạnh phúc nhất trong đời tôi. Có lần tôi nhận thức được mình không muốn ở bất

cứ đâu khác ngoài nơi đó.

Khi ông mất, tôi đau buồn; lần đầu tiên tôi hiểu được rằng mình không những chỉ thương yêu bố mình, mà đã luôn thương yêu ông, một cách tha thiết, và tôi đã không cho phép mình ý thức được điều đó. Sau khi ông mất, tôi cảm thấy một sự an tịnh và hạnh phúc tuyệt vời trong nhiều tháng.

Rochanawati đã nói: “Trước khi ta chết, tất cả những vết thương của mình sẽ được chữa lành”.

Khi nhớ tới bố mình với tình thương và sự trọng vọng, tôi hết sức mang ơn Bapak vì latihan và sự hướng dẫn của Bapak. Như một câu nói trong cuốn *Course in Miracles*: “Mọi việc đều là những điều Thượng Đế muốn chúng ta học”.

Hạt giống đã cấy

Robin Jones (Anh)

Chuyện Subud của tôi bắt đầu trong ngày đầu tiên ở đại học, ngày 8 tháng 10 1962. Dùng thang máy đi tới nơi nghe giảng bài, tay nắm một tờ giấy với những chi tiết về những phòng giảng, cổ đeo một khăn quàng với huy hiệu của đại học, tôi nhận thấy kẻ cùng đi với mình tay cũng đang nắm một tờ giấy tương tự, cổ đeo một khăn quàng y như của tôi. Hai chúng tôi cùng đi tới một nơi như nhau. Chúng tôi làm quen nhau, ngồi gần nhau trong lúc nghe giảng bài, và trở thành bạn bè.

Nhiều tháng sau đó, một người bạn quen biết cả hai chúng tôi hỏi tôi: “Cái chuyện tôn giáo đó là gì vậy, nơi thằng Joe một tuần tới đó hai lần?” Không những tôi không biết gì, mà còn ngạc nhiên vì Joe hoàn toàn không có vẻ là hạng người sùng đạo, tuy tôi biết anh là một kẻ nhìn vào các sự việc một cách thâm sâu hơn các bạn bè mình. Tôi đưa chuyện đó ra hỏi anh, nhưng anh tự nhiên trở nên như bị câm miệng. Thay vì vậy, anh cho tôi mượn hai cuốn sách để đọc: cuốn *The Theory of Celestial Influence* của Rodney Collins và cuốn *A New Model of the Universe* của P.D Ouspensky. Tôi hay được hai tác giả đó là môn đồ của một tôn sư

Nga là Gurdjieff. Hai cuốn sách đó đọc rất hay, nhưng Joe cho biết anh theo một cái gì khác biệt, khó có thể giải thích và viết sách về nó. Sau này -có lẽ giữa năm 1963- anh đưa cho tôi đọc cuốn *Concerning Subud* của J.G Bennett.

Tôi được dạy dỗ theo đạo Công giáo, và khi bắt đầu vào đại học, tôi vẫn còn đi nhà thờ. Trong năm đầu ở đại học, tôi trải qua một cơn khủng hoảng về đức tin, tự nói với mình là không có một bằng chứng khoa học nào về sự hiện hữu của Thượng Đế, và có rất nhiều lí do cho thấy là không có Thượng Đế. Tôi không còn đi nhà thờ dự lễ nữa.

Tới lúc đọc cuốn *Concerning Subud*. Tôi thích thú thấy Subud cho ta ‘bằng chứng’ -điều người tiếp nhận có thể thực nghiệm, để thấy là có Thượng Đế, có linh hồn và cái thế giới vô hình bên ngoài cái thế giới vật chất. Nhưng những phần khác của sách gây cảm tưởng đó là thông linh học, và tôi cảm thấy như vậy là không đúng. Tuy nhiên, một buổi họp với các phụ tá được sắp xếp để cho tôi hỏi những điều này nọ.

Trong lúc họp, tôi nhận thấy một trong các phụ tá là Arthur Clegg, một người cách đây nhiều năm ở trọ như tôi hiện nay. Bà chủ nhà thường nhắc tới những người ở trọ trước kia, đặc biệt là Arthur, một người “dễ tiếp xúc”, “dễ thương nhất.” Cuối cùng tôi đã gặp Arthur bằng xương bằng thịt. Một sự ngẫu nhiên đầu tiên trong Subud. Điều này xảy ra tại Sheffield, một thành phố với dân số khoảng 400 ngàn và một nhóm Subud khoảng 40 người.

Mùa hè năm đó tôi qua Pháp. Tôi chỉ có trong túi 20 đồng bảng Anh (\$40) và quyết định đạp xe đạp tới dãy núi Pyrenees. Hành lí chỉ có tất cả những gì có thể nhét vào một túi đồ. Để có sách đọc tôi mang theo cuốn *All and Everything* của Gurdjieff, một cuốn sách nhỏ và dày.

Trong lúc du hành bên Pháp, tôi sinh tồn nhờ những khẩu phần bánh mì que và những quả mơ. Tôi bắt đầu thấy chuyển đi của mình có một ‘mục tiêu’. Tôi sẽ tới Lourdes, nơi người ta cho là Đức Mẹ đã hiện ra cuối thế kỉ 19, và sẽ hỏi về Subud -tất nhiên là tôi luôn vẫn còn cho là có một Thượng Đế để nghe mình nói.

Tới Setes tôi hết tiền, cách mục tiêu mình nhiều ngày đường, nhưng kiếm được một việc làm trong 6 tuần tại một vườn nho. Mỗi

sáng tôi phải leo vào một cái thùng tròn trống không giữa vườn nho, trong khi những người gặt hái đổ những rổ đầy nho lên đầu tôi. Tất cả những gì tôi phải làm là giẫm lên nho. May mắn là tôi có những giày ống với đế giày rắn chắc. Lúc chiều, mệt mỏi vì công việc và sau khi trèo ra ngoài thùng nho, tôi nhận được phần thưởng tâm linh của mình -sự tráng lệ, cao nhã của cảnh mặt trời lặn.

Sau 6 tuần và túi đầy tiền, tôi tiếp tục hành hương tới Lourdes. Lòng tôi nhẹ nhõm khi tôi đến gần hang động, vì có một hàng rào đã được thiết lập không cho phép buôn bán gần đó, tuy có một sự cực độ thương nghiệp hóa của một ngôi làng kề cận. Tôi quỳ xuống cầu nguyện: “Nếu có Chúa, xin Chúa hướng dẫn con -Nếu Subud là thích đáng, xin Chúa dẫn con vào đó; nếu không thì Chúa hãy cho con thấy là không thích đáng“. Trong tận đáy lòng mình, tôi cảm thấy một sự rung động, một sự khích động sâu thẳm bên ngoài ngôn từ và tư tưởng. Cuối cùng tôi cảm thấy như mình đã ‘về nhà’.

Trở về đại học mùa Thu năm đó và sau thời kì chờ đợi 3 tháng, tôi xin được khai mở. Trong lúc khai mở, tôi nghe thấy một tiếng ồn inh ỏi như sấm sét, và cảm thấy một ánh sáng nhập vào trán mình, trong khi chung quanh tôi là một sự hỗn loạn ồn ào. Tiếng khóc, tiếng la hét, tiếng giậm chân -với tiếng một kẻ nào đó đọc bằng tiếng La Tinh câu kinh cho người chết. Sau đó, mọi người đi ra ngoài phòng, trừ các phụ tá và tôi ra. Tôi nhận thấy họ nhể nhại mồ hôi, như đã trải qua một thời gian cực kì khó khăn.

Đêm hôm đó và trong nhiều ngày sau đó, tôi cảm thấy thanh thản, vui sướng muốn nhảy múa và ca hát.

Sau 3 hay 4 latihan, tôi cảm thấy có một ‘khối đá’ cản trở mình. Tôi đến gặp một trong những phụ tá tại nhà anh, để cho anh hay về điều đó. Sau khi tiếp nhận trong một lúc, anh nói điều gì như: “Hạt giống đã cấy -hiện nay như vậy là đủ rồi. Bạn cứ việc tiếp tục học hành cho xong -đừng lo nghĩ về tâm linh, sau này thì sẽ đâu vào đó.“

Tháng 6 1965, sau khi tốt nghiệp, tôi bắt đầu sự nghiệp nghiên cứu thị trường của mình với một công ty nghiên cứu của Mỹ ở Oxford. Một vài tháng sau đó, tôi liên lạc với một nhóm địa phương để đi

tập latihan trở lại. Lần này thì mỗi tuần hai lần. Cho tôi được kể lại một chứng nghiệm của một trong những latihan đầu tiên tại đó.

Tôi đang nằm thì chợt có một sự rung động mãnh liệt chạy qua nơi mình, và cảm thấy mình như đang bên trong và bên ngoài cơ thể. Tôi cảm thấy sự hiện diện của các thiên thần, và đôi tay mình như có ai nắm chặt lấy. Toàn bộ cơ thể tôi lay động từ bên trong, một cách rất mạnh mẽ -nhưng đó là một sức mạnh hoàn toàn hữu ích. Từ các thiên thần, tôi tiếp nhận được: “Người đang được dạy cho cách phụng thờ Thượng Đế. Đó là một con đường khó khăn, nhưng chúng tôi sẽ luôn bên cạnh người”.

Một tuần sau đó hay khoảng đó, tôi có một chứng nghiệm kỳ lạ khác sau một buổi latihan. Khi về nhà lên giường ngủ, trong tình trạng nửa tỉnh nửa ngủ, tôi cảm thấy một sự hiện diện trong phòng nên quay đầu lại nhìn, nhưng cơ thể tôi không đáp ứng. Tôi lo sợ nên cái chứng nghiệm đó không còn nữa.

Tiếp theo là một loạt những chứng nghiệm lúc ban đêm, thường thường là sau khi tập latihan nhưng không luôn là như vậy: mỗi lần điều đó thắm sâu lâu hơn, trước khi tâm trí tôi đều đưa sống lại, khiến cho cái chứng nghiệm đó mất đi. Tâm thức tôi bắt đầu lớn mạnh do những gì xảy ra.

Tôi để ý nhận thấy những chứng nghiệm đó xảy ra khi không mong đợi, và cảm thấy một sự tĩnh lặng và an bình từ đáy lòng, không do ý chí, trong khi nhịp tim và hơi thở mình trở nên chậm chạp tới chỗ hầu như không còn hoạt động nữa. Tôi dần dần hiểu được rằng trong khi điều đó xảy ra mà mình quy thuận Thượng Đế, luôn kêu gọi danh hiệu của Thượng Đế và cảm thấy hèn mọn trước Thượng Đế, thì cái chứng nghiệm đó sẽ tiếp diễn không bị trở ngại. Ngược lại, nếu tôi tìm cách làm cho nó xảy ra, thì nó sẽ mất đi, và như vậy không thể khiến cho nó xảy ra một lần nữa. Tương tự, nếu trí óc và cảm xúc tôi dính líu bằng bất cứ cách nào vào những gì xảy ra, hay ngay cả nếu chỉ có một chút dấu vết của sự tự kiêu tâm linh, thì cái chứng nghiệm đó sẽ mất đi.

Sau nhiều tháng, tôi trở nên tin cậy hơn trong lúc những chứng nghiệm xảy ra, và một đêm nọ, tay tôi đưa lên theo thể phụng thờ, cách mặt giường vài phân. Tâm trí tôi ý thức được hai bàn tay xác thịt của mình vẫn còn dưới chân gối. Trong một lúc rối loạn, tôi lo

sợ, khiến cho cái chứng nghiệm đó mất đi.

Ngày tháng trôi qua, những chứng nghiệm như vậy tiếp diễn lâu và thâm sâu hơn, và tôi không còn lo ngại nữa. Không bao lâu sau đó, toàn bộ cơ thể tôi trong thế cầu nguyện: tôi quỳ xuống, hai tay chấp lại, trong khi thể xác mình vẫn còn trên giường. Có những lúc sau khi cầu nguyện, tôi đứng dậy bắt đầu nhảy múa trong thế phụng thờ. Có những lúc tôi cảm nhận được, nhìn thấy được và nghe thấy được sự hiện diện của các thiên thần, trong lúc còn nằm ngửa trên giường. Sau khi có những chứng nghiệm đó, tôi cảm thấy hết sức an bình và mang ơn Thượng Đế.

Nhiều lúc tôi tự hỏi không biết đời mình sẽ ra sao, nếu trong cái ngày định mệnh đó trong năm 1962 mà tôi dùng cầu thang thay vì thang máy.

